

NGUYỄN KHẮC THUẬN

# DANH TƯỚNG VIỆT NAM

TẬP 1

DANH TƯỚNG TRONG SỰ NGHIỆP GIỮ NƯỚC  
TỪ ĐẦU THẾ KỈ THỨ X ĐẾN CUỐI THẾ KỈ XIV



NHA XUẤT BẢN GIÁO DỤC

## Table of Contents

### LỜI NÓI ĐẦU

01 - DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ (? - 937)

02 - NGÔ QUYỀN (898 - 944)

03 - ĐÌNH BỘ LĨNH (924 - 979)

04 - LÊ HOÀN (941 - 1005)

PHẠM CỰ LẠNG (? - ?)

LÝ THƯỜNG KIỆT (1019 - 1105)

07 - TÔNG ĐẢN (? - ?)

HOÀNG CHÂN CHIÊU VĂN VÀ LÝ KẾ NGUYÊN

09 - TRẦN THỦ ĐỘ (1194 - 1264)

10 - TRẦN THỊ DUNG (? - 1259)

11- LÊ TẦN (? - ?)

12 - TRẦN HƯNG ĐẠO (? - 1300)

13 - TRẦN QUANG KHẢI (1241 - 1294)

14 - TRẦN NHẬT DUẬT (1255 - 1330)

15 - TRẦN KHÁNH DƯ (? - 1339)

16 - TRẦN QUỐC TOẢN (1267 - 1285)

17 - TRẦN BÌNH TRỌNG (1259 - 1285)

18 - PHẠM NGŨ LÃO (1255 - 1320) [downloadsachmienphi.com](http://downloadsachmienphi.com)

19 - ĐỖ KHẮC CHUNG (? - 1330)

20 - NGUYỄN KHOÁI (? - ?)

21 - TRẦN KHÁT CHÂN (1370 - 1399)

22 - NHỮNG TẤM GƯƠNG TIẾT THÁO TIÊU BIỂU DƯỚI THỜI TRẦN



Download Sách Hay | Đọc Sách Online

NƯỚC VIỆT NAM TA LÀ NƠI PHONG HÓA MỞ MANG, KHÍ TINH HOA TỤ HỢP, ĐÂY LÀ NƠI KẾ NGHIỆP CỦA CÁC ĐÁNG MINH QUÂN, NƠI ANH HÙNG HÀO KIỆT ĐỜI NÀO CŨNG CÓ, CÔNG LỚN CỦA CÁC BẬC TIÊN HIỀN, HOẶC ĐƯỢC KHẮC GHI Ở ĐỈNH, HOẶC TỎA SÁNG NƠI LƯỠI BÚA VÀ CỜ MAO, HOẶC RẠNG NGỜI TRONG VĂN CHƯƠNG SÁCH VỎ, HOẶC ĐỌNG LẠI TRONG KHÍ TIẾT ANH TÚ... TẤT CẢ ĐỀU LÀ NHỮNG NGƯỜI CẦN ĐƯỢC SỬ SÁCH GHI CHÉP LẠI.



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

**Phan Huy Chú**

*Lịch triều hiến chương loại chí*

**(Nhân vật chí)**

## LỜI NÓI ĐẦU

Bạn đọc yêu quý,

Đây là tập đầu của bộ sách dài nhiều tập, cùng mang tên gọi chung là **DANH TƯỚNG VIỆT NAM**. Chúng tôi dự kiến chia kế hoạch biên soạn thành hai giai đoạn khác nhau. Trong giai đoạn thứ nhất, chúng tôi sẽ cố gắng hoàn tất năm tập đầu. Cụ thể như sau :

- **Tập 1:** Danh tướng trong sự nghiệp giữ nước từ đầu thế kỉ X đến cuối thế kỉ XIV.
- **Tập 2:** Danh tướng Lam Sơn.
- **Tập 3:** Danh tướng trong chiến tranh nông dân thế kỉ XVIII và phong trào Tây Sơn.
- **Tập 4:** Danh tướng trong sự nghiệp đấu tranh chống ách đô hộ của phong kiến Trung Quốc.
- **Tập 5:** Danh tướng chống Pháp trước thế kỉ XX.

Trong giai đoạn thứ hai, chúng tôi sẽ cố gắng biên soạn tiếp các tập giới thiệu danh tướng Việt Nam từ đầu thế kỉ XX đến nay. Hi vọng rằng đến lúc đó, tác giả còn đủ sức khỏe và sự minh mẫn để có thể hoàn thành công việc nặng nề này.

Bạn đọc yêu quý,

Trải hàng ngàn năm đấu tranh quyết liệt, đất nước đã sản sinh ra không biết bao nhiêu người có biệt tài cầm quân, nhưng không phải bất cứ ai có biệt tài cầm quân cũng đều là danh tướng cả. Xuất phát từ nhận thức đó, bộ sách này giới thiệu những người có biệt tài cầm quân và đã thực sự đem tất cả biệt tài đáng quý đó giúp ích cho sự nghiệp cứu nước cứu dân, để công đức lớn cho muôn đời con cháu. Nói khác hơn, họ vừa là người có biệt tài cầm quân, lại cũng vừa là người được dân tộc suy tôn là anh hùng. Tuy nhiên cũng có không ít những vị anh hùng, tên tuổi ngời ngời trong sử sách, sự nghiệp sáng mãi trong kí ức bất diệt của nhân dân, nhưng sinh thời, họ chỉ là những người lính bình thường, chưa bao giờ là tướng, dẫu là tướng nhỏ. Trong trường hợp đó, chúng tôi chỉ có thể trân trọng giới thiệu họ trong khuôn khổ những tấm gương anh hùng tiết tháo tiêu biểu mà thôi.

Ngoài ra, trong sự nghiệp giữ nước, cũng có những người gần như chưa bao giờ trực tiếp cầm quân, nhưng, những ý kiến xuất sắc của họ lại có ảnh hưởng mạnh mẽ và sâu sắc đến toàn bộ hoạt động của lực lượng vũ trang, đến thắng lợi vẻ vang của cả nước. Nói khác hơn, họ thực sự là danh tướng dù chưa bao giờ là võ quan. Chúng tôi kính cẩn ghi tên tuổi của họ vào hàng các danh tướng Việt Nam.

Tên gọi riêng của tập 1 tự nó đã nói lên hai giới hạn cụ thể. Thứ nhất là giới hạn về thời gian, và thứ hai là giới hạn về đặc trưng chung. Khái niệm giữ nước ở đây bao hàm cả sự

nghiệp chống xâm lăng và sự nghiệp chống các thế lực chia cắt đất nước, làm phương hại đến truyền thống đạo đức cũng như tiềm lực quốc gia.

Bạn đọc yêu quý,

Để viết bộ sách này, chúng tôi dựa hẳn vào ghi chép của các bộ chính sử xưa, như : **Đại Việt sử lược, Đại Việt sử kí toàn thư, Khâm định Việt sử thông giám cương mục...v.v..** cùng nhiều thư tịch cổ khác. Trong một vài trường hợp đặc biệt, chúng tôi mới sử dụng tài liệu khảo cứu của những người đi trước (ví dụ : Trong tập 1 này chúng tôi chỉ sử dụng có ba tư liệu nhỏ của các tác giả *Sổ tay nhân vật lịch sử Việt Nam- NXB Giáo dục 1990, mà thôi*). Tất nhiên, sử cũ không thể ghi chép hết tên tuổi và sự nghiệp của các vị danh tướng, cho nên, chắc chắn là bộ sách này chưa thể giới thiệu một cách đầy đủ các danh tướng Việt Nam. Đó là chưa kể rằng, cũng có những trường hợp, tuy sử cũ có ghi chép, nhưng ghi chép quá ít ỏi, không đủ để tái hiện, dù chỉ tái hiện một cách sơ sài. Vì không dám sơ sài, chúng tôi xin được để lại, chờ khi có điều kiện sẽ viết bổ sung sau.

Bạn đọc yêu quý,

Giờ đây, đất nước thái bình, vận hội mới mỗi ngày một tốt đẹp, tác giả thực sự lấy làm mãn nguyện vì được trở về nguyên vẹn sau bao năm bom lửa của chiến tranh, lại còn được thanh thản ngồi đọc sách xưa và kể chuyện người xưa. Với tất cả tâm thành, tác giả xin được cảm ơn Nhà xuất bản Giáo dục và bạn đọc gần xa, những người đã trực tiếp hoặc gián tiếp cổ vũ cho tác giả một cách hào phóng và vô tư, khiến tác giả cảm kích, cần mẫn viết tất cả những gì tự thấy là bổ ích. Dầu đã rất cố gắng, bộ sách này chắc chắn cũng không sao tránh khỏi những khiếm khuyết. Tác giả mong mọi được bạn đọc gần xa vui lòng chỉ bảo cho.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

TP Hồ Chí Minh ngày 01- 01- 1996

NGUYỄN KHẮC THUẦN



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

---



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

---



## 01 - DƯƠNG ĐÌNH NGHỆ ( ? - 937)

“Khi Lý Khắc chính bắt được (Khúc) Thừa Mỹ, (Dương) Đình Nghệ bèn tìm cách đánh báo thù. Ông chiêu tập hào kiệt, dùng đại nghĩa để khuyến khích, cùng hợp mưu để đánh đuổi tướng (Nam) Hán là Lý Khắc Chính. Vua (Nam) Hán sai Lý Tiến sang làm Thứ Sử Giao Châu (thay cho Lý Khắc Chính). Dương Đình Nghệ lại đem quân vây hãm Lý Tiến. Vua (Nam) Hán liền sai Trần Bảo sang cứu Lý Tiến. Dương Đình Nghệ đón đánh và chém được Trần Bảo. (Từ đó), Dương Đình Nghệ giữ lấy châu thành, tự xưng là Tiết Độ Sứ, nhận lãnh mọi việc của châu”.

**Ngô Thì Sĩ**

**(Việt sử tiêu án)**

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Trong sử cũ, thỉnh thoảng, Dương Đình Nghệ cũng được chép là Dương Diên Nghệ. Điều này cũng dễ hiểu, bởi lẽ trong Hán tự, mặt chữ *Đình* và chữ *Diên* gần giống nhau, rất dễ nhầm lẫn khi đọc cũng như khi sao chép. Dương Đình Nghệ sinh năm nào chưa rõ. Hiện tại, chúng ta chỉ biết ông mất vào năm 937. Tuy nhiên, xét việc ông nhận con nuôi và chọn con rể, cộng với một vài chi tiết có liên quan khác, cũng có thể ước đoán ông đã hưởng thọ khoảng trên dưới năm mươi tuổi.

Dương Đình Nghệ vốn là một hào trưởng, người làng Dàng. Làng này, nay thuộc xã Dương Xá, huyện Thiệu Yên, tỉnh Thanh Hóa. Thời Khúc Hạo cầm quyền (907 - 917), Dương Đình Nghệ từng là một trong những bộ tướng của họ Khúc. Năm 917, Khúc Hạo mất, con là Khúc Thừa Mỹ lên nối nghiệp cha, Dương Đình Nghệ tiếp tục làm bộ tướng cho Khúc Thừa Mỹ (917 - 930).

Bấy giờ, Trung Quốc đang trong thời loạn lạc, các tập đoàn thống trị không ngớt tìm cách chia bè kết cánh và xâu xé lẫn nhau. Một loạt các tiểu vương quốc lần lượt ra đời. Sử gọi đó là thời *Ngũ đại thập quốc* (năm đời mười nước).

(Năm đời gồm : Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu. Còn như mười nước, nếu so với bản đồ Trung Quốc hiện đại thì : Ngô (ở An Huy), Tiền Thục (ở Tứ Xuyên), Ngô Việt (ở Chiết Giang), Sở (ở Hồ Nam), Mân (ở Phúc Kiến), Nam Hán (ở Quảng Đông), Nam Bình (ở Hồ Bắc), Hậu Thục (cũng ở Tứ Xuyên), Nam Đường (ở Giang Tô) và Bắc Hán (ở Sơn Tây).



Sát biên giới phía bắc nước ta là Nam Hán - một tiểu vương quốc do họ Lưu lập nên. Trong bối cảnh phức tạp đó, sự khôn khéo trong quan hệ bang giao có ảnh hưởng rất to lớn đối với vận mệnh quốc gia. Khúc Hạo nhận thức rất đầy đủ về vấn đề này, rất tiếc là Khúc Thừa Mỹ lại không kế thừa được kinh nghiệm quý giá đó. Khúc Thừa Mỹ thường gọi Nam Hán là "ngụy triều", "ngụy tặc" và chính lời lẽ thiếu tế nhị đó đã có tác dụng khiêu khích Nam Hán. Sẵn có mưu đồ bành trướng từ trước, nhân được thêm cơ hội này, năm 930, Nam Hán đã xua quân sang xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến chống Nam Hán do Khúc Thừa Mỹ chỉ huy đã nhanh chóng thất bại.

Sau thất bại của Khúc Thừa Mỹ, vai trò của họ Khúc trên vũ đài chính trị của nước nhà cũng kể như chấm dứt. Triều đình Nam Hán tuy chưa kịp thiết lập một hệ thống chính quyền đô hộ vững chắc trên toàn cõi nước ta, nhưng, nguy cơ bị ngoại bang thống trị lâu dài cũng đã thể hiện rất rõ. Trước tình hình như vậy, Dương Đình Nghệ đã quả cảm đảm nhận trọng trách lãnh đạo nhân dân vùng lên giành lại độc lập và chủ quyền. Từ một vị hào trưởng - một bộ tướng thân tín của Khúc Hạo và Khúc Thừa Mỹ, Dương Đình Nghệ đã trở thành một vị danh tướng, có công lớn đối với nước nhà. Chỉ trong vòng chưa đầy một năm, Dương Đình Nghệ đã ba lần đánh đuổi ba đạo quân lớn của Nam Hán do ba viên tướng khét tiếng khác nhau cầm đầu.

**Lần thứ nhất :** Diễn ra ngay sau khi Khúc Thừa Mỹ thất bại trong việc chỉ huy cuộc kháng chiến chống quân Nam Hán xâm lăng. Từ quê nhà, Dương Đình Nghệ đã tập hợp được hơn ba ngàn quân, tự mình làm tướng, đánh thẳng vào lực lượng của Nam Hán lúc bấy giờ đang đóng rải rác ở khu vực Hà Nội ngày nay. Tướng giặc là Lý Khắc Chính bị đại bại.

**Lần thứ hai :** Nhà Nam Hán cho Lý Tiến sang thay Lý Khắc Chính và sẵn sàng đối phó một cách kiên quyết với Dương Đình Nghệ. Nhưng, Lý Tiến chưa kịp thực hiện sứ mạng được giao thì đã bị Dương Đình Nghệ đánh cho tơi bời. Lý Tiến phải hốt hoảng chạy về nước để cầu cứu.

**Lần thứ ba :** Nhận lời kêu cứu của Lý Tiến, Nam Hán lập tức sai tướng Trần Bảo đem quân sang đàn áp. Nhưng, khi Trần Bảo tới, thành Giao Châu đã bị mất. Trần Bảo bèn cho quân vây thành, quyết tiêu diệt bằng được Dương Đình Nghệ. Trong trận giao tranh đầu tiên, Trần Bảo bị chém đầu, toàn bộ quân sĩ Nam Hán hoảng hốt bỏ chạy thực mạng. Từ đó, giặc Nam Hán không dám đụng tới Dương Đình Nghệ nữa.

Bấy giờ, Nam Hán không phải là một nước lớn, lực lượng quân đội của chúng cũng không phải là hùng mạnh hơn người, nhưng, nước ta vừa mới giành được độc lập, dân ta còn ít, tiềm lực của ta còn yếu... cho nên, đây cũng thực sự là một cuộc đối đầu hoàn toàn không cân sức. Để giành được thắng lợi vẻ vang và liên tục như Dương Đình Nghệ, ngoài chí lớn phi thường, hẳn nhiên là còn phải có mưu lược phi thường. Ông thật sự xứng đáng được xếp vào hàng những bậc danh tướng của nước nhà.

Năm 931, sau khi lập nên những võ công xuất sắc như đã kể ở trên, Dương Đình Nghệ tự xưng là Tiết Độ Sứ, tự mình quản lý và điều hành các công việc của nước nhà. Tiết Độ Sứ là tên chức quan đô hộ của Trung Quốc đối với nước ta, được Trung Quốc đặt ra kể từ khoảng cuối thời Bắc thuộc. Đối với Dương Đình Nghệ, đây chẳng qua là một danh xưng tạm dùng, cốt tạo ra sự tế nhị cần thiết trong quan hệ bang giao. Trong thực tế, ông chính là vua của nước ta.

Tháng ba năm Đinh Dậu (937), Dương Đình Nghệ bị một kẻ phản phúc giết hại. Kẻ đó là Kiều Công Tiễn. Chưa xót thay, Kiều Công Tiễn lại cũng chính là con nuôi và là một trong những nha tướng từng được Dương Đình Nghệ cưu mang và tin cậy. Sau đó chẳng bao lâu, Kiều Công Tiễn bị Ngô Quyền giết chết. Đó là bản án đích đáng dành cho kẻ bất trung, bất nghĩa, phản phúc, phản chủ và phản dân.

## 02 - NGÔ QUYỀN (898 - 944)



"Tiền Ngô Vương lấy quân mới họp của nước Việt ta, đánh tan cả trăm vạn quân của Lưu Hoàng Tháo, mở nước và xưng vương làm cho bọn người Bắc không dám sang nữa. Có thể nói là (Tiền Ngô Vương) một lần nổi giận mà khiến cho trăm họ được yên, mưu đã giỏi mà đánh cũng giỏi. Tuy chỉ mới xưng vương, chưa lên ngôi Hoàng Đế, cũng chưa đặt niên hiệu, nhưng quốc thống của ta cơ hồ đã được nối lại rồi vậy".

**Lê Văn Hưu**  
**(1230 - 1322)**

### 1. VÀI NÉT VỀ TIỂU SỬ

Ngô Quyền người đất Đường Lâm. Đất này nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây. Nơi đây hiện còn có lăng và đền thờ Ngô Quyền. Về tiểu sử của Ngô Quyền, sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 5, tờ 20-b) chép rằng :

"Thân phụ (của Ngô Quyền) là (Ngô) Mân, làm chức Châu Mục ở bản châu (tức châu Đường Lâm - NKT). Khi Vua (chỉ Ngô Quyền - NKT) mới sinh, đầy nhà có ánh sáng lạ. Vua có ba nốt ruồi ở lưng, dáng mạo thật khác thường, thầy bói cho là có tướng tốt, có thể làm chúa cả một phương, vì thế (thân phụ của Vua) mới đặt tên (cho Vua) là Quyền. (Vua) lớn lên, khôi ngô tuấn tú, mắt sáng như chớp, dáng đi như hổ, gồm đủ trí và dũng, sức có thể nâng được vạc lớn. (Vua từng) làm Nha Tướng cho Dương Đình Nghệ (cũng tức là Dương Diên Nghệ, người đứng đầu chính quyền độc lập và tự chủ từ năm 931 đến năm 937 - NKT),

được (Dương) Đinh Nghệ gả con gái cho, đồng thời, trao quyền cai quản vùng Ái Châu (tức vùng thuộc tỉnh Thanh Hóa ngày nay - NKT)".

Các bộ chính sử cũ đều chép rằng, Dương Đinh Nghệ có người con nuôi, tên là Kiều Công Tiễn. Kiều Công Tiễn là kẻ bất hiếu, bất nghĩa và bất trung, kẻ bạo ngược hiểm thấy trong lịch sử. Tháng ba năm Đinh Dậu (937), Kiều Công Tiễn đã giết chết Dương Đinh Nghệ rồi đoạt lấy chức quyền. Căm phẫn trước hành động đó, tháng 12 năm Mậu Tuất (938), từ Ái Châu, Ngô Quyền đã đem quân ra hỏi tội Kiều Công Tiễn. Hoảng sợ trước lực lượng của Ngô Quyền, Kiều Công Tiễn đã sai sứ đem của cải sang đút lót cho vua nước Nam Hán để cầu cứu. Nam Hán nhân đó cho quân sang xâm lược nước ta. Ngô Quyền lập tức giết chết Kiều Công Tiễn, chận đứt chỗ dựa nguy hiểm của quân xâm lăng, đồng thời, đánh trận quyết chiến chiến lược với quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng (cũng vào tháng 12 năm 938), quét sạch kẻ thù ra khỏi bờ cõi.

Mùa xuân năm Kỷ Hợi (939), Ngô Quyền xưng vương, lập triều nghi, đặt phẩm phục, dựng nền độc lập và tự chủ, đóng đô ở Cổ Loa. Về việc làm sau chiến thắng của Ngô Quyền, sử thần Ngô Sĩ Liên nhận xét :

"Tiền Ngô Vương nổi lên, không chỉ có công thắng trận mà còn đặt trăm quan, chế định triều nghi và phẩm phục, có thể nói là có tầm vóc của đấng Đế Vương". (*Đại Việt sử kí toàn thư*, ngoại kỉ, quyển 5, tờ 2 1 a-b).

Năm Giáp Thìn (944), Ngô Quyền mất, hưởng dương 46 tuổi. Không rõ Ngô Quyền có tất cả bao nhiêu người con, nhưng có hai người con trai được sử sách chép tới. Một là Ngô Xương Văn do bà Dương Thị Như Ngọc (con gái của Dương Đinh Nghệ) sinh hạ, chưa rõ là vào năm nào. Năm 951, Ngô Xương Văn lên nối ngôi (trước đó, từ năm 944 đến năm 950, ngôi vua bị em vợ của Ngô Quyền là Dương Tam Kha chiếm đoạt), xưng là Nam Tấn Vương. Năm 965, Nam Tấn Vương Ngô Xương Văn chết khi đi đánh dẹp ở vùng đất thuộc tỉnh Thái Bình ngày nay. Người con trai thứ hai của Ngô Quyền là Ngô Xương Ngập. Ngô Xương Ngập là anh của Ngô Xương Văn, nhưng khi Dương Tam Kha chiếm ngôi, Ngô Xương Ngập phải chạy đi lánh nạn, vì thế, phải đến cuối năm 951, Ngô Xương Ngập mới được em đón về. Cả hai anh em cùng làm vua, sử gọi đó là thời *Hậu Ngô Vương*. Ngô Xương Ngập xưng là Thiên Sách Vương, nhưng chỉ ở ngôi được ba năm thì mất (vào năm 954) vì bị bệnh.

Các con của Ngô Quyền đều không phải là những người có tài cầm quân và trị nước, vì thế, loạn lạc đã liên tiếp xảy ra ngay khi họ đang ở ngôi. Sau khi Thiên Sách Vương rồi Nam Tấn Vương lần lượt qua đời, đất nước lâm vào một thời kì hỗn chiến ác liệt giữa các thế lực cát cứ, sử gọi đó là thời *Loạn mười hai sứ quân*. Năm Đinh Mão (967), Đinh Bộ Lĩnh mới dẹp được cuộc hỗn chiến tương tàn này.

## 2. NGÔ QUYỀN VỚI TRẬN QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC Ở BẠCH ĐẰNG NĂM MẬU TUẤT (938)

### Vài nét về Nam Hán

Kẻ bị Ngô Quyền đánh cho đại bại là quân Nam Hán, vậy, Nam Hán là ai ? Mưu đồ cụ thể của quân Nam Hán đối với nước ta lúc bấy giờ như thế nào ?

Chính sử của Trung Quốc cho hay, năm Đinh Mão (907), nhà Lương sụp đổ, Trung Quốc lâm vào một thời là loạn lạc, sử gọi là thời *Ngũ Đại Thập Quốc* (nghĩa là năm đời mười nước) . *Ngũ Đại* gồm : Hậu Lương, Hậu Đường, Hậu Tấn, Hậu Hán và Hậu Chu. Còn *Thập Quốc* thì gồm có :

- *Nước Ngô* do Dương Hành Mật lập nên ở vùng An Huy của Trung Quốc ngày nay.
- *Tiền Thục* do Vương Kiến lập nên ở vùng Tứ Xuyên của Trung Quốc ngày nay.
- *Ngô Việt* do Tiền Cù lập nên ở vùng Chiết Giang của Trung Quốc ngày nay.
- *Nước Sở* do Mã Ân lập nên ở vùng Hồ Nam của Trung Quốc ngày nay.
- *Nước Mân* do Vương Thâm Tri lập nên ở vùng Phúc Kiến của Trung Quốc ngày nay.
- *Nam Hán* do Lưu Ẩn lập nên ở vùng Quảng Đông của Trung Quốc ngày nay.
- *Nam Bình* do Cao Bảo Dung lập nên ở vùng Hồ Bắc của Trung Quốc ngày nay.
- *Hậu Thục* do Mạnh Tri Tường lập nên, cũng ở vùng Tứ Xuyên của Trung Quốc ngày nay.
- *Nam Đường* do Lý Thăng lập nên ở vùng Giang Tô của Trung Quốc ngày nay.
- *Bắc Hán* do Lưu Sùng lập nên ở vùng Sơn Tây của Trung Quốc ngày nay.

Như vậy, trong số mười nước kể trên, Nam Hán là nước có chung đường biên giới với nước ta, qua lại nước ta dù là bằng đường bộ hay đường biển đều thuận tiện. Vua sáng nghiệp của Nam Hán là Lưu Ẩn (cũng tức là Lưu Nghiễm, Lưu Yêm, Lưu Thiệp hay Lưu Cung ...) vốn là kẻ kiệt kiệt. Nam Hán có tiềm lực khá mạnh. Tháng 7 năm Canh Dần (930), vua Nam Hán từng sai tướng Lý Khắc Chính (cũng có sách chép là Lương Khắc Chính) đem quân sang xâm lược nước ta. Cuộc kháng chiến do Khúc Thừa Mỹ lãnh đạo bị thất bại, nước ta bị quân Nam Hán thống trị từ cuối năm 930 đến cuối năm 931. Tháng 12 năm 931, vì bị Dương Đình Nghệ đem quân từ Ái Châu (Thanh Hóa) ra tấn công bất ngờ và dồn dập, chúng mới phải tháo chạy về nước.

Thời Dương Đình Nghệ đứng đầu chính quyền độc lập và tự chủ (từ cuối năm 931 đến đầu năm 937), Nam Hán cũng từng nuôi tham vọng xâm lăng nước ta, vừa để có thể bành trướng xuống phương Nam, vừa rửa mối nhục thất bại như đã nói ở trên, nhưng chúng chưa có cơ hội thực hiện. Cuối năm Mậu Tuất (938), nhân được Kiều Công Tiễn cầu cứu, Nam Hán bèn quyết chí sang đánh nước ta lần thứ hai.

Bấy giờ, Nam Hán không phải là nước lớn, nhưng ta lại là một nước nhỏ, đất đai đại để mới từ vùng Quảng Bình trở ra mà thôi. Tính chất nguy hiểm của cuộc xâm lăng này không phải chỉ có từ phía quân Nam Hán mà còn có cả ở phía lực lượng phản dân hại nước do Kiều Công Tiễn cầm đầu. Vua Nam Hán tự mình soạn thảo kế hoạch, bất chấp mọi lời can ngăn của quan lại dưới quyền. Con trai của vua Nam Hán là Vạn Vương Lưu Hoảng Thao được cử làm tướng tổng chỉ huy quân xâm lăng. Bản thân vua Nam Hán thì điều thêm quân ra đóng

ở Hải Môn (vùng Tây Nam, huyện Bác Bạch, tỉnh Quảng Tây, Trung Quốc ngày nay) để làm thành viện.

Quần thần vẫn tiếp tục can ngăn. Vua Nam Hán bèn đến hỏi ý của quan giữ chức Sùng Văn Sứ là Tiêu Ích. Và, Tiêu Ích đã trả lời một cách rất khôn ngoan, vừa không làm phật lòng vua Nam Hán, vừa có thể giữ yên thân mình. Tiêu Ích nói :

- Nay mưa dầm đã mấy tuần mà đường biển thì xa xôi và nguy hiểm, trong khi đó, Ngô Quyền lại là người kiệt kiệt, không thể nào khinh suất được. Đại quân của ta phải tiến một cách thận trọng và chắc chắn, tốt nhất, hãy nên dùng người hướng đạo đi trước rồi sau hãy cất quân đi." (*Đại Việt sử kí toàn thư*, ngoại kỉ, quyển 5, tờ 19-a).

Nhưng vua Nam Hán vẫn không nghe theo lời khuyên của Tiêu Ích. Tháng 12 năm Mậu Tuất (938), quân Nam Hán rầm rộ vượt biển tiến vào nước ta qua ngả sông Bạch Đằng.

Bạch Đằng là một con sông ngắn nhưng rất rộng và sâu. Sông vốn có tên Nôm là sông Rừng, nhưng vì sông này thường có sóng bạc nổi lên, nhân đó mới có tên chữ là Bạch Đằng. Cửa sông Bạch Đằng xưa nay đều có tên là cửa Nam Triệu, cũng vì thế, con sông này còn có tên là sông Nam Triệu. Tuy nhiên, cửa Nam Triệu thời Ngô Quyền nằm ở vị trí sâu hơn, vào khoảng ngã ba của sông Cấm và sông Bạch Đằng hiện nay. Sở dĩ có sự khác biệt này là vì sự vận động địa chất, dẫn đến sự biến đổi địa hình của vùng Đông Bắc nước ta trong hơn một ngàn năm qua. Từ vùng biển Đông Bắc, Bạch Đằng là con sông tiện lợi nhất để thủy quân có thể men theo đó mà tiến sâu vào lãnh thổ nước ta.

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

### **Trận Bạch Đằng**

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

Cuối năm 938, để cứu nguy cho vận nước, Ngô Quyền đã có hai quyết định quan trọng. *Một là* nghiêm trị Kiều Công Tiễn, kẻ đã giết hại Dương Đình Nghệ và sau đó đã cam tâm đi cầu cứu quân Nam Hán. Giết Kiều Công Tiễn tức là tiêu diệt chỗ dựa của quân xâm lăng. Giết Kiều Công Tiễn tức là để bảo vệ đạo lí và nghĩa khí của dân tộc. Giết Kiều Công Tiễn cũng tức là để tạo ra sự ổn định hậu phương trước khi đại quân xuất trận. *Hai là* Ngô Quyền đã vạch kế hoạch đánh gục quân Nam Hán xâm lăng. Binh pháp cổ thường nhấn mạnh câu *tri bỉ tri kỉ, bách chiến bách thắng* (biết người biết ta, trăm trận trăm thắng). Những ghi chép của sử cũ cho thấy Ngô Quyền đã biết rất rõ mưu đồ của quân Nam Hán lúc bấy giờ. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 5, tờ 19-b) chép rằng :

"Ngô Quyền nghe tin Hoàng Thao sắp đến, liền nói với các tướng dưới quyền rằng :

- Hoàng Thao là đứa trẻ khờ dại. Hắn đem quân từ cõi xa đến, lính tráng đều mỏi mệt, đã thế, lại nghe tin Kiều Công Tiễn đã bị giết rồi. Mất kẻ nội ứng, hẳn nhiên là chúng đã bị mất vía từ trước. Ta nay lấy quân khỏe mạnh để đánh quân mỏi mệt, ắt là phải phá được. Nhưng, bọn chúng lợi thế ở chiến thuyền, nếu ta không lo phòng bị trước thì chưa biết sẽ ra sao. Nay, nếu ta sai người đem cọc lớn, vạt nhọn và bịt sắt, cắm đóng sẵn ở cửa biển, rồi nhân khi nước triều lên cao (che khuất bãi cọc) mà dụ cho chiến thuyền của chúng tiến vào thì sau đó ắt sẽ dễ bề chế ngự, quyết không cho chiếc nào chạy thoát".

Xưa nay, cửa sông Bạch Đằng đều rất sâu, có chỗ sâu đến 18 mét. Độ sâu ấy, không cho phép đóng cọc theo lối giăng ngang mà chỉ có thể đóng ở hai bên mé sông, nơi thuyền bè



thường xuôi ngược. Công việc dựng bãi cọc gỗ vạt nhọn và bịt sắt được tiến hành khẩn trương nhưng cũng rất công phu. Hàng ngàn người được huy động đi đốn cây. Hàng trăm thợ được điều đến để bịt sắt vào cọc gỗ. Đông đảo quân sĩ đã tham gia vào việc tạo dựng bãi cọc này. Trước khi giao chiến với Hoàng Thao, Ngô Quyền đã nghiên cứu rất kĩ chế độ thủy văn của sông Bạch Đằng và chính phần hiểu biết quan trọng này đã dự phần không nhỏ vào thắng lợi chung.

Sau khi hoàn tất bãi cọc gỗ, Ngô Quyền đã bố trí lực lượng như sau :

- Đại binh của Ngô Quyền bố trí ở ngay phía sau bãi cọc gỗ, tất cả được mai phục sẵn trong những lùm cây mọc đầy ở ven sông.

- Phía tả ngạn sông Bạch Đằng là đạo quân do Dương Tam Kha (con Dương Đình Nghệ, em vợ của Ngô Quyền) chỉ huy.

- Phía hữu ngạn là đạo quân do Ngô Xương Ngập (con trai của Ngô Quyền) và tướng Đỗ Cảnh Thạc chỉ huy.

- Vị tướng trẻ có tài bơi lội và rất thông thuộc sông nước Bạch Đằng là Nguyễn Văn Tố được giao nhiệm vụ ra phía trước bãi cọc để khiêu chiến.

Về diễn biến của trận Bạch Đằng, sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (ngoại kỉ, quyển 5, tờ 19-b và tờ 20-a) chép như sau :

“Định xong kế sách rồi, (Ngô Quyền) bèn cho đóng cọc gỗ ở hai bên cửa sông. Khi nước triều lên, (Ngô) Quyền sai người đem thuyền nhẹ ra khiêu chiến rồi giả thua để dụ địch đuổi theo. Bọn Hoàng Thao quả nhiên tiến nhanh vào. Khi chiến thuyền của chúng đã nằm hết ở trong bãi cọc thì thủy triều cũng vừa rút, khiến cho cọc nhô dần lên. Bấy giờ, (Ngô) Quyền mới tung quân ra, ai nấy cũng đều liều chết để chiến đấu. Nước triều rút quá nhanh, quân Hoàng Thao trở thuyền không kịp nên đều vướng cọc mà lật úp. Lũ giặc rối loạn rồi tan vỡ, quân lính chúng chết đuối đến hơn một nửa. (Ngô) Quyền thừa thắng đánh đuổi rất gấp, bắt được Hoàng Thao, đem giết đi. Vua Nam Hán (đóng ở Hải Môn, nghe tin dữ) liền thương khóc, thu nhặt tàn quân (của Hoàng Thao tháo chạy đến) và rút về. Vua Nam Hán cho rằng, tên mình là Lưu Cung thật đáng ghét lắm vậy.”

### **Danh thơm còn mãi với thiên thu**

Trận Bạch Đằng năm 938 là một trong những trận thủy chiến xuất sắc của lịch sử nước nhà. Với chiến thắng này, Ngô Quyền đã đè bẹp hoàn toàn tham vọng bành trướng xuống phương Nam của Nam Hán, khẳng định một cách hiên ngang kỉ nguyên độc lập và tự chủ của nước nhà. Với chiến thắng này, Ngô Quyền thực sự trở thành một anh hùng dân tộc, một thiên tài quân sự của nước nhà. Ngô Quyền đã để lại cho hậu thế những kinh nghiệm vô giá trong tổ chức và chỉ huy thủy chiến. Ông là người đầu tiên dùng bãi cọc và cũng là người đầu tiên biết tận dụng thủy triều vào trận mạc. Trận Bạch Đằng năm 938 là một trong những trận mẫu mực của sự hợp đồng tác chiến giữa thủy binh với bộ binh, cũng là một trong những trận mẫu mực của sự kết hợp hài hòa giữa mai phục với tấn công tiêu diệt. Từ trận Bạch Đằng, tên tuổi và sự nghiệp của Ngô Quyền chói sáng trong sử sách và trong kí ức bất diệt của các thế hệ nhân dân ta. Trong *Việt sử tiêu án*, Ngô Thì Sĩ (1726 - 1780) viết :

"Nếu không có trận đại thắng này thì nhục khí của bọn Lưu Nghiễm vẫn còn, và cái cơ bị ngoại thuộc lại dần dần nổi lên. Cho nên, trận Bạch Đằng chính là gốc rễ của sự khôi phục quốc thống. Sau này, các đời Đinh, Lê, Lý, Trần...cũng được nhờ ở dư âm của sự oanh liệt ấy. Võ công hiển hách của Ngô Quyền, thực sự là để tiếng thơm đến muôn đời chứ đâu phải chỉ sáng tỏ trong nhất thời đâu".

Sau thất bại thảm hại ở Bạch Đằng, nước Nam Hán vẫn tiếp tục tồn tại và phát triển thêm một thời gian nữa, nhưng trong suốt thời gian đó, chúng không dám bén mảng đến nước ta. Nhận xét về thực trạng của Nam Hán lúc bấy giờ, sử thần Ngô Sĩ Liên viết :

"Lưu Cung tham đất của người, muốn mở rộng bờ cõi, nhưng đất không lấy được mà lại để mất đứa con của mình, đã thế, còn gây hại cho dân. Mạnh Tử nói "đem cái mình chẳng yêu mà hại cái mình yêu", đại để là như thế này chăng?".



“(Đinh) Tiên Hoàng nhờ có tài năng sáng suốt, mưu lược hơn người, dũng cảm nhất đời, đương khi nước Việt ta không có chúa, hùng trưởng đua nhau cát cứ...một phen cất quân mà khiến cả mười hai sứ quân đều phải hàng phục. Vua mở nước định đô, đối xứng là Hoàng Đế, chia đặt bách quan và sáu quân, chế độ gần như đã đầy đủ. Có lẽ trời đã vì nước Việt mà lại sinh đấng thánh triết...”.

**Lê Văn Hưu**

*(Đại Việt sử kí toàn thư , bản kỉ, quyển 1, tờ 2-b và 3-a)*



## 1. THUỞ THIẾU THỜI

Đình Bộ Lĩnh là con của Đình Công Trứ. Thời Dương Đình Nghệ (931 - 937), Đình Công Trứ được trao chức Thứ Sử Hoan Châu (nay là vùng Nghệ An). Thời Ngô Quyền (938 - 944), Đình Công Trứ cũng tiếp tục được trao chức ấy, nhưng chưa được bao lâu thì mất. Thân mẫu của Đình Bộ Lĩnh người họ Đàm, còn như tên húy của bà là gì thì hiện vẫn chưa rõ.

Đình Bộ Lĩnh sinh năm Giáp Thân (924) tại quê cha là động Hoa Lư, châu Đại Hoàng (nay là huyện Hoa Lư, tỉnh Ninh Bình), mất năm Kỉ Mão (979), thọ 55 tuổi. Do thân sinh đi làm quan ở xa, cuộc đời của Đình Bộ Lĩnh gắn bó với thân mẫu nhiều hơn. Sau khi Đình Công Trứ qua đời, Đình Bộ Lĩnh cùng thân mẫu dắt díu nhau về dựng nhà và lập nghiệp tại khu vực cạnh đền Sơn Thần động Hoa Lư.

Thuở thiếu thời, Đình Bộ Lĩnh đã có tính cách khá đặc biệt. Sử cũ viết về thời niên thiếu của Đình Bộ Lĩnh như sau :

“Vương (chỉ Đình Bộ Lĩnh - NKT) lúc nhỏ thường cùng lũ trẻ chăn trâu ở chốn núi rừng vui chơi, được chúng tôn là bậc huynh trưởng. Chúng vẫn thường lấy lễ (đại để như) vua tôi để giúp Vương. Khi vui chơi đùa giỡn, bọn trẻ thường đấu tay làm kiệu để khiêng Vương đi, lại còn lấy bông lau giả làm cờ cho đi trước để dẫn đường, chia làm tả hữu hai phía để theo hầu, nghi vệ chẳng khác gì Thiên Tử. Lúc rảnh rỗi, lũ trẻ lại giục nhau đi kiếm củi về cho Vương, làm y như thế là nạp thuế vậy. Chiều đến, bà thân mẫu của Vương thấy vậy thì vui mừng, bèn mổ heo đãi chúng. Các bậc trưởng lão trong làng đều nói :

- Đứa trẻ có khí chất và dung nghi phi thường này ắt sẽ trở thành đấng cứu đời, đem lại yên lành cho muôn dân. Bọn ta nếu không sớm theo về, để ngày khác hối hận thì đã muộn.

Nói rồi, họ thúc giục con em mình theo Vương" (Đại Việt sử lược - quyển 1).

Thời trai trẻ, Đình Bộ Lĩnh được dồn dập chứng kiến những biến cố lớn lao của lịch sử nước nhà. Đó là thời họ Khúc khôn khéo đặt nền tảng đầu tiên cho kỉ nguyên độc lập và tự chủ. Đó là thời Dương Đình Nghệ và Ngô Quyền liên tiếp đánh bại quân Nam Hán xâm lăng. Đó là thời mà thân sinh của Đình Bộ Lĩnh từng góp phần vào sự nghiệp chung, làm rạng danh gia tộc. Nhưng, đó cũng là thời đau thương. Sau khi Ngô Quyền qua đời, chính quyền trung ương mau chóng suy yếu, các thế lực cát cứ ở khắp các địa phương lần lượt nổi lên. Đất nước loạn li bởi cuộc hỗn chiến giữa các thế lực cát cứ ấy. Theo quy luật đào thải nghiêm khắc và lạnh lùng, tất cả các thế lực yếu đều mau chóng bị tiêu diệt, các thế lực mạnh thì tồn tại lâu hơn. Cuối cùng, cả nước còn lại 12 thế lực mạnh, sử gọi đó là *loạn mười hai sứ quân*.

Danh sách 12 sứ quân này cụ thể như sau :

**01. Ngô Xương Xí** chiếm giữ đất Bình Kiều (Nay thuộc huyện Triệu Sơn, tỉnh Thanh Hoá).

**02. Kiều Công Hãn** chiếm giữ đất Phong Châu (Nay thuộc huyện Phong Châu, tỉnh Phú Thọ) và xưng là Kiều Tam Chế.

**03. Kiều Thuận** chiếm giữ đất Hồi Hồ (Thời Hán, đó là đất Cẩm Khê. Thời Lê, đó là đất huyện Hoa Khê. Nay là đất huyện Sông Thao, tỉnh Phú Thọ) và xưng là Kiều Lệnh Công.

**04. Nguyễn Khoan** chiếm giữ đất Tam Đái (Nay thuộc huyện Vĩnh Lạc, tỉnh Vĩnh Phúc), xưng là Nguyễn Thái Bình.

**05. Ngô Nhật Khánh** chiếm giữ đất Đường Lâm (Nay thuộc huyện Ba Vì, tỉnh Hà Tây), xưng là Ngô Lãm Công.

**06. Đỗ Cảnh Thạc** chiếm đất Đỗ Động Giang (Nay thuộc huyện Thanh Oai, tỉnh Hà Tây), xưng là Đỗ Cảnh Công.

**07. Lý Khuê** chiếm giữ đất Siêu Loại (Nay thuộc huyện Thuận Thành, tỉnh Bắc Ninh) và xưng là Lý Lãng Công.

**08. Lữ Đường** (cũng đọc là Lã Đường), chiếm giữ đất Tế Giang (Nay thuộc huyện Mỹ Văn, tỉnh Hưng Yên) và xưng là Lữ Tá Công.

**09. Nguyễn Thủ Tiệp** chiếm giữ đất Tiên Du (Nay thuộc huyện Tiên Du, tỉnh Bắc Ninh), xưng là Nguyễn Lệnh Công.

**10. Nguyễn Siêu** chiếm giữ đất Phù Liệt (Nay thuộc huyện Thanh Trì, ngoại thành Hà Nội), xưng là Nguyễn Hữu Công.

**11. Phạm Bạch Hổ** chiếm giữ đất Đằng Châu (Nay thuộc huyện Ân Thi, tỉnh Hưng Yên), xưng là Phạm Phòng Át.

**12. Trần Lãm** chiếm giữ đất Bồ Hải Khẩu (Nay là vùng thị xã Thái Bình, tỉnh Thái Bình), xưng là Trần Minh Công.

Loạn mười hai sứ quân đã khiến cho dân tình khổ khổ, thế nước suy vi và tạo điều kiện thuận lợi cho giặc ngoại xâm có thể lợi dụng để tràn vào nước ta bất cứ lúc nào. Chưa bao giờ nhu cầu tái lập và bảo vệ nền thống nhất quốc gia lại trở nên bức thiết như lúc này.

## 2. VÙNG GƯƠM ĐẸP LOẠN

Sử cũ chép :

"Bấy giờ, trong cõi không có chúa, Vương (chỉ Đinh Bộ Lĩnh- NKT) nghe tin Trần Minh Công (tức sứ quân Trần Lãm - NKT) là người giỏi nhưng lại không có con nối dõi, bèn đến xin nương nhờ. Trần Minh Công thoáng trông đã biết Vương là bậc có khí chất hơn người, liền nhận làm con và đem hết binh quyền giao phó cho" (Đại Việt sử lược - quyển 1).

Đoạn ghi chép ngắn ngủi nói trên cho thấy Đinh Bộ Lĩnh đã bắt đầu sự nghiệp dẹp loạn bằng cách tìm đến để nương nhờ Trần Lãm là một trong những sứ quân mạnh nhất đương thời. Đó là một sự chọn lựa rất thông minh, bởi vì ngoài những lí do mà sử cũ đã kể, lãnh địa của Trần Lãm có một vị trí rất quan trọng đối với cục diện chung. Nằm giữ được lãnh địa ấy cũng có nghĩa là nắm được kho lương thực và thực phẩm lớn nhất.

Dựa vào ưu thế đặc biệt của mình, Đinh Bộ Lĩnh đã lần lượt đánh bại các sứ quân. Đến cuối năm Đinh Mão (967), sự nghiệp dẹp loạn của Đinh Bộ Lĩnh hoàn thành. Sang đầu năm Mậu Thìn (968), ngay sau khi Trần Lãm qua đời, Đinh Bộ Lĩnh đã lên ngôi Hoàng Đế, xưng

là Đinh Tiên Hoàng, định đô ở Hoa Lư, đặt quốc hiệu là Đại Cồ Việt. Đến năm Canh Ngọ (970), Đinh Tiên Hoàng đặt niên hiệu là Thái Bình.

Từ đây, triều Đinh được dựng lên và với tư cách là Hoàng Đế, Đinh Bộ Lĩnh đã có những đóng góp không nhỏ vào sự nghiệp kiến thiết quốc gia. Sử thần Ngô Sĩ Liên nói rằng :

"Đế vương dấy nghiệp, không có ai là không nhờ ở mệnh trời. Nhưng, thánh nhân không bao giờ cậy mệnh trời mà không làm hết phận sự của mình. Khi việc lớn đã thành thì lại càng phải lo nghĩ cách đề phòng. Sửa sang lễ nhạc, hình án và chính sự là để phòng giữ lòng người. Đặt nhiều lần cửa và đánh hiệu canh là để phòng kẻ hung bạo. Lòng dục không cùng, việc đời vô bờ vô bến, không thể không đề phòng trước được. Đó là cách nghĩ xa cho đời sau, mưu tính cho con cháu." (Đại Việt sử kí toàn thư - Bản kỉ, quyển 1, tờ 6-b và 7-a).

Tuy nhiên, là người xưng Đế đầu tiên của kỉ nguyên độc lập, tự chủ và thống nhất, mọi việc mà Đinh Tiên Hoàng đã làm đều chỉ mới có ý nghĩa mở đầu. Một số Nho sĩ đời sau lấy khuôn mẫu chặt chẽ của thời đại họ làm chuẩn để đánh giá, đã có ý chê Đinh Tiên Hoàng sơ sài trong việc trị nước. Những lời chê ấy quả là không sai nhưng thật khó mà nói là đúng.

Đinh Bộ Lĩnh không phải là danh tướng chống xâm lăng, nhưng, võ công oanh liệt của ông thực sự đã góp phần rất to lớn vào sự nghiệp giữ nước. Từ đây, độc lập dân tộc và thống nhất quốc gia luôn luôn gắn bó chặt chẽ với nhau, trở thành hai mặt bản chất nhất, nổi bật nhất của lịch sử nước ta. Thắng lợi của mặt này là tiền đề, là cơ sở thắng lợi của mặt kia và ngược lại.

Năm 979, Đinh Bộ Lĩnh bị kẻ phản nghịch là Đỗ Thích giết hại. Ông mất khi triều Đinh mới được hơn mười năm, khi vận nước đang bắt đầu lâm nguy bởi mưu đồ bành trướng của nhà Tống ở phương Bắc.

## 04 - LÊ HOÀN (941 - 1005)

"Vua đánh đâu được đấy : Chém vua Chiêm Thành để rửa mối nhục bị bọn phiên di bắt giữ sứ giả của mình ; đánh tan quân của vua nước Tống là người vốn dòng họ Triệu, mau chóng đập tan mưu đồ của họ. Có thể coi vua là đấng anh hùng nhất đời vậy".

**Ngô Sĩ Liên**

(Đại Việt sử kí toàn thư, bản kỉ, quyển 1 )

## 1. ĐẠI LƯỢC VỀ LÍ LỊCH

Sách *Đại Việt sử lược* chép rằng Lê Hoàn người Trường Châu, nhưng sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 1, tờ 13-a) lại nói Lê Hoàn người Ái Châu. Sử cũ chép không nhất quán, song, các cuộc khảo sát sau này đều cho kết quả chung, rằng Lê Hoàn người làng Trung Lập, Ái Châu, nay làng này thuộc huyện Thọ Xuân, tỉnh Thanh Hóa.

Các bộ chính sử và dã sử xưa đều chép rằng Lê Hoàn sinh ngày 15 tháng 7 năm Tân Sửu (tức năm 941) tại Ái Châu. Thân sinh của Hoàn là Lê Mịch, thân mẫu người họ Đặng nhưng chưa rõ tên là gì. Gia đình Lê Hoàn thuộc tầng lớp nghèo khổ ở Ái Châu, đã thế, cả thân sinh lẫn thân mẫu đều nối nhau qua đời sớm, cho nên, tuổi thơ của Lê Hoàn đầy gian nan, cơ cực. Sách *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 1, tờ 14 và 15) chép rằng :

Trước kia, mẹ của vua là Đặng Thị, khi đang có thai bỗng nằm mơ thấy bụng mình nở ra hoa sen và hoa sen ấy kết thành hạt ngay. Đặng Thị lấy chia cho mọi người nhưng mình lại không ăn. Tỉnh dậy (Đặng Thị) lấy làm lạ lắm. Đến khi sinh con, thấy con có dáng mạo khác thường, Đặng Thị nói với mọi người rằng :

- Thằng bé này về sau ắt sẽ làm nên cơ nghiệp lớn, chỉ tiếc là tôi chẳng kịp hưởng lộc mà thôi.

Được độ vài năm, thân mẫu rồi thân sinh (của Lê Hoàn) đều mất. Khi ấy, có viên quan giữ chức Quan Sát ở Ái Châu, người họ Lê (hiện chưa rõ tên), thấy Vua có tướng mạo khác thường, bèn nhận làm con nuôi. Một năm, trời mùa đông rét mướt, Vua phải nằm phục xuống như hình cối úp (cho đỡ rét), chẳng dè đêm đến, cả nhà rực ánh sáng lạ bởi có con rồng vàng nằm che trên Vua. Viên quan họ Lê càng lấy làm lạ.

Khi lớn lên, vua từng giúp việc cho Nam Việt Vương (Đinh) Liễn (con trai trưởng của Đinh Tiên Hoàng - NKT), tỏ ra có tài trí và chí lớn hơn người. (Đinh) Tiên Hoàng khen là người có mưu lược và khỏe mạnh, lúc đầu giao cho cai quản hai ngàn quân, sau thăng dần đến chức Thập Đạo Tướng Quân, Điện Tiền Chỉ Huy Sứ"

(Đinh Tiên Hoàng chia nước ra làm mười đạo và dự định sẽ tuyển mộ quân lính như sau : mỗi đạo gồm 10 quân, một quân gồm 10 lữ, mỗi lữ gồm 10 tốt, mỗi tốt gồm 10 ngũ, mỗi ngũ gồm 10 người. Theo đó thì quân số sẽ lên tới một triệu người. Tuy nhiên, đó chỉ là lí thuyết, là ước vọng mà thôi. Lê Hoàn được thăng tới chức Thập Đạo Tướng Quân, tức là chức võ quan cao cấp nhất thời Đinh. Chức này, Lê Hoàn được tấn phong vào năm Tân Mùi (971).

Đinh Tiên Hoàng có ba người con trai được sử sách chép tới. Con trưởng là Đinh Liễn, người từng cùng Đinh Tiên Hoàng dẹp loạn mười hai sứ quân. Tháng năm (nhuận) năm Kỷ Ti (969) Đinh Liễn đã được phong làm Nam Việt Vương. Năm Nhâm Thân (972) Nam Việt Vương Đinh Liễn được cử làm sứ giả sang nhà Tống. Năm Ất Hợi (975), Nam Việt Vương

Đinh Liễn được nhà Tống phong làm Khai Phủ Nghi Đồng Tam Ti, hàm Kiểm Thái Sư, tước Giao Chỉ Quận Vương. Tóm lại, việc kế vị trong tương lai của Đinh Liễn đã rất rõ. Nhưng, tháng giêng năm Mậu Dần (978), Đinh Tiên Hoàng vì quá yêu mến người con út còn nhỏ tuổi là Hạng Lang nên đã lập Hạng Lang làm Thái Tử. Việc này khiến cho Đinh Liễn uất ức. Đầu năm Kỉ Mão (979), Đinh Liễn đã giết chết Hạng Lang. Và, đến tháng mười năm ấy, thì cả Đinh Tiên Hoàng lẫn Đinh Liễn đều bị bề tôi nhỏ là Đỗ Thích giết hại.

Con thứ của Đinh Tiên Hoàng là Đinh Toàn, do bà Hoàng Hậu Dương Vân Nga sinh hạ vào năm Giáp Tuất (974). Năm Mậu Dần (978), khi Hạng Lang được phong làm Thái Tử thì Đinh Toàn được phong làm Vệ Vương. Cuối năm 979, khi Đỗ Thích giết hại cả Đinh Tiên Hoàng và Đinh Liễn, triều đình bèn tôn Đinh Toàn (lúc này mới 5 tuổi) lên ngôi Hoàng Đế. Tháng 7 năm Canh Thìn (980), trước nguy cơ bị quân Tống xâm lăng, triều đình bèn tôn quan Thập Đạo Tướng Quân là Lê Hoàn lên ngôi Hoàng Đế. Đinh Toàn bị giáng làm Vệ Vương như cũ và được Lê Hoàn thương như con đẻ của mình. Năm Tân Sửu (1001), Đinh Toàn mất khi cùng với Lê Hoàn đi đánh dẹp ở Cử Long (vùng người Mường, nay thuộc huyện Cẩm Thủy, tỉnh Thanh Hóa), hưởng dương 27 tuổi.

Người con út là Hạng Lang, bị giết khi còn quá nhỏ, không để lại chính tích gì đáng kể.

Như vậy là Lê Hoàn được tôn lên ngôi Hoàng Đế trong hoàn cảnh đặc biệt khó khăn của đất nước. Bá quan văn võ đã tin ở Lê Hoàn và Lê Hoàn cũng đã thực sự xứng đáng với niềm tin lớn lao đó. Từ đây, triều Lê được dựng lên. Để phân biệt với triều do Lê Lợi dựng lên sau này, sử gọi triều Lê mở đầu từ Lê Hoàn là triều *Tiền Lê*. Ngay sau khi lên ngôi, Lê Hoàn đã lãnh đạo cả nước đập tan hoàn toàn cuộc xâm lăng của quân Tống vào năm 981, và ngay năm sau (982) lại trừng trị đích đáng hành vi quấy phá của Chiêm Thành. Khi biên giới mặt Bắc và mặt Nam đều đã được ổn định, Lê Hoàn đã tiến hành xây dựng và củng cố sức mạnh của đất nước. Lê Hoàn ở ngôi 25 năm (980 - 1005) và trong thời gian ở ngôi, đã dùng ba niên hiệu khác nhau :

- Thiên Phúc (980-988) vốn là niên hiệu cũ của Đinh Toàn.
- Hưng Thống (989 - 993).
- Ứng Thiên (994 - 1005).

Tháng 3 năm Ất Tị (1005), Lê Hoàn mất vì bệnh, hưởng thọ 65 tuổi. Người đời và cả một số ít sử sách vẫn gọi Lê Hoàn là Lê Đại Hành, nhưng các sử thần lỗi lạc, cũng là các bậc danh Nho thuở xưa thì không đồng ý như vậy. Bảng Nhãn Lê Văn Hưu (1230-1322) nói :

"Thiên Tử và Hoàng Hậu, khi mới băng, chưa chôn vào sơn lăng thì gọi là Đại Hành Hoàng Đế hoặc Đại Hành Hoàng Hậu. Đến khi đã táng vào sơn lăng yên ổn đâu đó rồi thì hạp bày tôi lại để bàn định đức hạnh hay dở mà đặt thụy hiệu, không gọi là Đại Hành nữa. Nhưng, Lê Hoàn thì lấy Đại Hành làm thụy hiệu rồi truyền mãi đến nay là vì sao ? Ấy là vì (Lê) Ngọa Triều là đứa con bất hiếu, triều đình lại không có bề tôi Nho học để bàn giúp việc đặt thụy hiệu nên mới đến nỗi như thế" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 1, tờ 25-a).

Lê Hoàn có 12 người con trai, gồm 11 người con ruột và 1 người con nuôi. Tiếc thay, nếu Lê Hoàn là biểu tượng nổi bật của tinh hoa lịch sử trong thế kỉ thứ 10, thì các con trai của



ông lại chỉ có đức hạnh rất tầm thường. Đó chính là nguyên do dẫn đến sự cáo chung của triều Tiền Lê vào cuối năm 1009.

Triều Tiền Lê do Lê Hoàn sáng lập truyền nối được ba đời, kéo dài tổng cộng 29 năm, gồm : Lê Hoàn (980 - 1005), Lê Trung Tông (ở ngôi 3 ngày của tháng 11 năm 1005) và Lê Long Đĩnh tức Lê Ngọa Triều (1005 - 1009). Tất cả sự nghiệp lớn của triều Tiền Lê đều do Lê Hoàn tạo lập nên. Cống hiến của Lê Hoàn trải rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Tuy nhiên, tên tuổi của Lê Hoàn sở dĩ trở nên bất diệt với lịch sử, trước hết và chủ yếu là nhờ ở tài thao lược tuyệt vời. Lê Hoàn là một trong những danh tướng của nước nhà.

## 2. LÊ HOÀN VỚI TRẬN ĐẠI PHÁ QUÂN TỔNG XÂM LĂNG NĂM 981

### Quân Tống xâm lược nước ta

Năm 960, Triệu Khuông Dẫn đã thống nhất được phần lớn lãnh thổ Trung Quốc và lập ra nhà Tống. Thời Ngũ Đại Thập Quốc của Trung Quốc chấm dứt kể từ đó. Nhà Tống kéo dài trước sau tổng cộng hơn ba trăm năm (960- 1278). Tuy cơ đồ cũng lắm phen thăng trầm nghiêng ngả, nhưng chính triều đại này đã hai lần xua quân sang xâm lược nước ta. Lần thứ nhất là năm 981, bị Lê Hoàn đánh cho đại bại và lần thứ hai là năm 1077, bị Lý Thường Kiệt đánh cho tan tành.

Khi ở nước ta, nội bộ triều Đinh liên tục khủng hoảng và xung đột, thì ở Trung Quốc, triều Tống đã trải hai mươi năm xây dựng và củng cố. Tham vọng bành trướng xuống phương Nam ngày càng rõ rệt và mãnh liệt hơn. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 1, tờ 9 a-b) chép về mưu đồ của nhà Tống như sau :

“Mùa hạ, tháng 6 (năm Canh Thìn, 980 - NKT), quan giữ chức Tri Châu của Châu Ung bên nước Tống là Thái Thường Bác Sĩ Hầu Nhân Bảo, dâng thư tâu lên vua Tống rằng :

- An Nam Quận Vương (chỉ Đinh Tiên Hoàng - NKT) và con của hắn là (Đinh) Liễn đã bị giết, nước ấy sắp đổ, có thể nhân cơ hội này thả cho quân sang đánh lấy. Nếu bỏ qua việc mưu tính lúc này, sợ lỡ mất cơ hội. Vậy, xin cho thần được về cửa khuyết để tâu bày trực tiếp chuyệ n có thể đánh lấy được.

Vua Tống định sai người theo đường dịch trạm, đến gọi Hầu Nhân Bảo về, nhưng bề tôi là Lư Đa Tốn nói :

- An Nam hiện đang rối loạn từ bên trong, đó chính là lúc trời khiến phải mất, triều đình ta nên bắt ngờ cho quân sang đánh úp nhanh như người đời vẫn nói là *sét đánh không kịp bịt tai*. Nay, nếu cứ gọi Hầu Nhân Bảo về bàn định trước thì mưu này nhất định sẽ bị bại lộ, khiến cho kẻ kia (chỉ nước ta - NKT) biết được rồi dựa vào núi ngăn biển cách mà phòng bị, thì cái thế được thua chưa biết sẽ ra sao. Vậy, chi bằng hãy giao cho Hầu Nhân Bảo ngầm đem quân sang, theo lệnh mà lo liệu việc ấy, cho được chọn tướng và đem ba vạn quân Kinh Hồ (quân đội lấy người ở các tỉnh Hồ Nam và Hồ Bắc ngày nay. Thời Tống, đất này gọi là

Kinh Lộ và Hồ Lộ (Lộ là đơn vị hành chính địa phương - NKT) thẳng tiến sang, tạo ra cái thế vạn toàn, chẳng khác gì bẻ cành khô hay xô cây gỗ mục, không lo gì tổn người hao tên cả.

Vua Tống cho là phải.

Mùa thu, tháng bảy (năm Canh Thìn, 980 - NKT), ngày Đinh Mùi (ngày 16 - NKT), nhà Tống lấy Hầu Nhân Bảo làm Giao Châu Thủy Lục Lộ Chuyển Vận Sứ, Tôn Toàn Hưng làm Lan Lăng Đoàn Luyện Sứ, Hác Thủ Tuấn làm Tất Tác Sứ, Trần Khâm Tộ làm An Bí Khố Sứ, Thôi Lượng làm Ung Châu Lộ Binh Mã Đô Bộ Thự, Lưu Trừng làm Ninh Châu Thứ Sử, Giả Thực làm Quân Khí Khố Sứ, quan giữ chức Cung Phụng Quan Cấp Môn Chi Hậu là Vương Soạn làm Quảng Châu Binh Mã Đô Bộ Thự... Tất cả cùng họp quân và hẹn ngày sang đánh nước ta".

Như vậy là, từ quan trấn giữ biên ải như Hầu Nhân Bảo đến quan hầu cận trong triều như Lưu Đa Tốn, rồi cả đến vua Tống cũng đều quyết chí xâm lược nước ta. Chúng gặp nhau trong âm mưu bất ngờ tấn công ta khi mà nội bộ nước ta đang gặp những bế tắc không nhỏ.

### **Lê Hoàn đại phá quân Tống**

Khi quân Tống chuẩn bị xâm lược nước ta, Lê Hoàn đang là Phó Vương, lo việc Nhiếp Chính thay cho nhà vua lúc bấy giờ là Đinh Toàn mới 5 tuổi. Thực tế này khiến cho Đinh Quốc Công là Nguyễn Bặc, Ngoại Giá là Đinh Điền và Phạm Hạp nghi ngờ rằng Hoàn sẽ cướp ngôi. Họ họp mưu dấy binh, quyết giết Lê Hoàn. Sách *Đại Việt sử ký toàn thư* (bản kỉ, quyển 1, tờ 7-b) chép rằng :

“Thái Hậu (chỉ bà Dương Vân Nga - NKT) nghe được tin ấy lo sợ báo với Lê Hoàn rằng :

- Bọn (Nguyễn) Bặc dấy binh làm loạn, khiến cho cả nước phải kinh hoàng. Nay vua còn nhỏ tuổi, chưa thể kham nổi việc trừ nạn, vậy, các ông nên sớm liệu đi, chớ để tai họa về sau.

Lê Hoàn đáp :

- Thần ở chức Phó Vương, giữ quyền Nhiếp Chính, dù tai họa sống chết thế nào cũng đều phải đảm đương trách nhiệm.

Nói rồi, (Lê Hoàn) chỉnh đốn quân ngũ, đánh nhau với (Đinh) Điền và (Nguyễn) Bặc ở Tây Đô. Bọn (Đinh) Điền và (Nguyễn) Bặc thua chạy. Sau, họ lại đem thủy quân ra đánh, nhưng lại bị Lê Hoàn nhân chiều gió thuận mà phóng lửa đốt hết. (Đinh) Điền bị chém tại trận, còn (Nguyễn) Bặc thì bị bắt đóng cũi đem về kinh sư (chỉ Hoa Lư, Ninh Bình - NKT). (Lê Hoàn) kể tội (Nguyễn Bặc) như sau :

- Tiên Đế (chỉ Đinh Tiên Hoàng - NKT) gặp nạn, thần nhân và người trong thiên hạ đều vừa thẹn vừa căm. Người là kẻ bề tôi, vậy mà nhân lúc bối rối lại dấy binh bội nghĩa. Phận làm tôi có đâu lại thế ?

Nói rồi bèn đem (Nguyễn Bặc) chém đầu.



(Đinh) Điền và (Nguyễn) Bặc đã chết, quân của Phạm Hạp cũng mất hết cả khí thế, tan tác chạy về làng Cát Lợi ở Bắc Giang. Hoàn đuổi theo, bắt sống được Phạm Hạp, giải về kinh sư".

Khi Lê Hoàn vừa dẹp xong sự phản kháng của Đinh Điền, Nguyễn Bặc và Phạm Hạp thì quân Tống cũng vừa áp sát biên giới nước ta. Tình hình rất nguy cấp. Sách trên (tờ 9-b và tờ 10- a) chép tiếp :

"Thái Hậu sai Lê Hoàn chọn dũng sĩ để đi đánh giặc, lại lấy Phạm Cự Lượng người ở Nam Sách Giang (nay thuộc huyện Chí Linh, tỉnh Hải Hưng - NKT) làm đại tướng. Khi triều đình đang họp bàn kế xuất quân, Phạm Cự Lượng cùng các tướng, mặc nguyên áo trận, đi thẳng vào Nội Phủ, nói với mọi người rằng :

- Thượng người có công, giết kẻ trái mệnh là phép sáng để làm việc quân. Nay, Chúa thượng còn trẻ thơ, chúng ta đâu có hết sức liều mạng để đánh ngoại xâm rồi lập được chút công lao thì ai sẽ là người biết cho ? Chi bằng trước hãy tôn lập quan Thập Đạo Tướng Quân (chỉ Lê Hoàn - NKT) làm Thiên Tử rồi sau mới xuất quân thì tốt hơn.

Quân sĩ nghe vậy liền hô vang : *Vạn tuế!*

Thái Hậu thấy lòng người quy phục, bèn sai lấy tấm Long Cổn (áo thêu hình rồng cuộn, dành riêng cho nhà vua - NKT) khoác lên người Lê Hoàn và mời Lê Hoàn lên ngôi Hoàng Đế.

Sự kiện này xảy ra vào tháng 7 năm Canh Thìn (980). Ngay sau khi lên ngôi, Lê Hoàn lập tức bắt tay vào công cuộc kháng chiến chống Tống. Để có thêm thời gian hòa hoãn hết sức cần thiết cho việc chuẩn bị, Lê Hoàn đã nhân danh Đinh Toàn, gửi thư cho triều đình nhà Tống "xin được làm phiên thần" của nhà Tống, lời lẽ rất mềm dẻo. Nhưng vua Tống không nghe, lập tức gửi tối hậu thư cho Lê Hoàn, bắt phải đầu hàng.

Và, cuộc đối đầu lịch sử giữa quân Tống xâm lăng với quân sĩ nước ta do Lê Hoàn cầm đầu đã diễn ra vào tháng 3 năm Tân Tị (981). Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 1, tờ 14-a) chép về diễn biến của cuộc đối đầu này như sau :

"Mùa xuân, tháng ba, bọn Hầu Nhân Bảo và Tôn Toàn Hưng đến Lãng Sơn (tên một hòn đảo, cũng là tên một vùng đất thuộc Quảng Ninh ngày nay. Nhiều sách vở đã nhầm *Lãng Sơn* ra *Lạng Sơn* - NKT), Trần Khâm Tộ đến Tây Kết, Lưu Trừng đến sông Bạch Đằng. Vua (đây chỉ Lê Hoàn - NKT) tự làm tướng cầm quân đi đánh giặc. Trước hết, (Vua) sai quân sĩ đóng cọc để ngăn sông. Quân Tống rút lui về sông Chi Lăng (tức sông Thương - NKT). Đến đây, Vua sai quân sĩ giả vờ hàng để dụ Hầu Nhân Bảo, nhân đó, bắt được Hầu Nhân Bảo rồi đem chém. Bọn Trần Khâm Tộ nghe tin thủy quân đã thua trận, cũng vội rút về. Vua đem các tướng tới đánh. (Trần) Khâm Tộ thua to, quân sĩ bị giết đến quá nửa, thân người la liệt đầy đồng. Các tướng giặc như Quách Quán Biện và Triệu Phụng Huân đều bị bắt giải về Hoa Lư. Từ đó, nước nhà mới được yên. Bầy tôi vui mừng, xin dâng tôn hiệu (cho Vua) là Minh Càn Ứng Vận Thần Vũ Thăng Bình Chí Nhân Quảng Hiếu Hoàng Đế."

Tuy chỉ được chuẩn bị trong một thời gian hết sức ngắn ngủi và trong một điều kiện cực kì khó khăn, nhưng, với quyết tâm cao độ, với năng lực chỉ huy tuyệt vời, Lê Hoàn đã quét sạch quân Tống bằng một trận kết hợp tài tình giữa thủy binh với bộ binh. Trận thắng kiệt xuất này đã khiến cho nhà Tống vừa căm giận, vừa rất kính nể Lê Hoàn. Sau, hai bên giao

hảo, vua Tống đã tấn phong cho Lê Hoàn, thế mà nhận chiếu thư, Lê Hoàn không lay, sứ giả cũng không dám bắt lỗi. Lê Hoàn bảo sứ giả nhà Tống cứ dừng ở biên cương rồi chuyển đạt công văn đến chứ đừng bước vào sâu trong đất ta, chúng cũng đành phải nghe lời. Lê Hoàn từng rửa hận bằng cách thi thoảng lại cho quân sang cướp phá Như Hồng (tên một trấn của Trung Quốc - NKT). Sứ giả của nhà Tống là Lý Nhược Chuyết đến nước ta vào năm Bính Thân (996) có tỏ ý trách cứ việc này, Lê Hoàn liền nói : “Việc cướp bóc trấn Như Hồng là do bọn giặc ở cõi ngoài, chẳng hay Hoàng Đế (chỉ vua Tống - NKT) có biết rằng đó chẳng phải là quân của Giao Châu hay không. Còn như nếu Giao Châu (chỉ nước ta - NKT) mà muốn làm phản, thì đầu tiên sẽ đánh vào Phiên Ngung, thứ đến đánh Môn Việt (cả hai đều ở phía Nam của Trung Quốc ngày nay - NKT), chớ đâu có chịu dừng lại ở trấn Như Hồng mà thôi !” (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 1, tờ 22-b).

Vua Tống đã phải dồn căm giận lên đầu những tên bại tướng của nhà Tống. Vương Soạn bị giết chết ở Ung Châu, Tôn Toàn Hưng chém bêu đầu ở chợ, Lưu Trùng thì hoảng sợ rồi ốm mà chết.

### **Tên tuổi Lê Hoàn trong tâm tưởng của các cây đại bút**

Với thắng lợi trọn vẹn của mình, Lê Hoàn đã có công giữ vững độc lập và chủ quyền của quốc gia. Tên tuổi của ông được đời đời ghi nhớ, sự nghiệp của ông được trăm họ tri ơn. Các cây đại bút, cũng là những sử thần lỗi lạc xưa đã trân trọng chép những lời tôn kính Lê Hoàn. Các tác giả của bộ *Đại Việt sử kí toàn thư* viết : “Vua trừ được bọn gian thần trong nước rồi được tôn lên ngôi, đuổi giặc ngoài để yên dân, khiến cho quốc gia thanh bình, Bắc Nam vô sự”. (Bản kỉ, quyển 1, tờ 13-a).

Bảng Nhãn Lê Văn Hưu (1230 - 1322) viết :

“Lê Đại Hành giết Đinh Điền, bắt Nguyễn Bặc rồi tóm bọn (Quách) Quân Biện, (Triệu) Phụng Huân dễ như lừa trẻ con, như sai lũ nô lệ, chưa đầy vài năm mà đã định yên được bờ cõi, công đánh dẹp và thắng trận, cho dầu là nhà Hán hay nhà Đường (tên hai triều đại lớn của Trung Quốc - NKT) cũng không thể hơn được. (*Đại Việt sử kí toàn thư*, quyển 1, tờ 14 a-b).

Trong *Lịch triều hiến chương loại chí* (nhân vật chí), sử gia lỗi lạc thời Nguyễn là Phan Huy Chú (1782 - 1840) đã viết về Lê Hoàn như sau :

“Vua phá Tống, bình Chiêm, khiến cho cả Hoa Hạ và man di đều sợ hãi. Trung Quốc đã mấy lần sách phong khen ngợi Vua, khiến cho tiếng tăm của Vua trở nên lừng lẫy. Nói về việc trị nước thì Nhà vua luôn chăm lo đến những điều cần của dân, dốc lòng lo cho chính sự, trọng nông nghiệp, cẩn trọng nơi biên cương, quy định pháp chế tuyển dân làm lính, lại còn đổi chia các trấn... quả là rất cố gắng chăm chỉ.”

Năm 1981, giới Sử học Việt Nam đã long trọng tổ chức hội thảo khoa học và lễ kỉ niệm 1000 năm ngày Lê Hoàn đại phá quân Tống. Một lần nữa, tên tuổi của Lê Hoàn lại được kính cẩn đề cao, sự nghiệp của Lê Hoàn được hậu thế tưởng nhớ.

## PHẠM CỰ LẠNG ( ? - ? )

Thời Ngô Quyền (938 - 944) , ở đất Chí Linh (nay thuộc tỉnh Hải Dương), có người tên là Phạm Chiêm, nổi danh võ nghệ cao cường và sức mạnh khó ai địch nổi. Phạm Chiêm theo Ngô Quyền đánh quân Nam Hán, được Ngô Quyền tin dùng, bổ làm quan và phong dần lên tới chức Đông Giáp Tướng Quân.

Con trai của Phạm Chiêm là Phạm Man cũng lừng danh không kém gì cha. Ông được con của Ngô Quyền là Nam Tấn Vương Ngô Xương Văn cho làm quan, và cũng phong dần lên đến chức Tham Chính Đô Đốc.

Con của Phạm Man có hai người được sử sách chép tới, đó là Phạm Hạp và Phạm Cự Lạng. Phạm Hạp là một trong những võ tướng có tài của Đinh Tiên Hoàng, được Đinh Tiên Hoàng phong tới chức Vệ Úy. Sinh thời, Phạm Hạp là người cố chấp và cực đoan. Sau khi Đinh Tiên Hoàng mất, ông ngờ Lê Hoàn sẽ lập mưu thoán đoạt, bèn cùng với Đinh Điền và Nguyễn Bặc, nêu danh nghĩa tôn lập con của Đinh Tiên Hoàng là Đinh Toàn để đem quân đánh Lê Hoàn. Việc ấy chẳng những không thành mà rốt cục ông cùng với Đinh Điền và Nguyễn Bặc đều bị Lê Hoàn giết.

Em của Phạm Hạp là Phạm Cự Lạng thì suy tính khác hẳn. Ông công khai đứng về phía Lê Hoàn, và bù lại, ông cũng được Lê Hoàn rất tin cậy.

Bấy giờ, chính sự nước nhà rất rối ren. Ngay khi Đinh Tiên Hoàng vừa qua đời, nội bộ triều đình đã chia bè kết cánh. Vua mới nối ngôi là Đinh Toàn thì còn quá bé nhỏ, chưa thể đủ sức để lo toan bất cứ việc gì. Đúng lúc đó, nhà Tống cũng đã thống nhất được Trung Quốc (Tống Thái Tổ thống nhất Trung Quốc vào năm 960) và đang nuôi tham vọng bành trướng xuống phương nam. Quan trấn giữ miền biên ải phía Nam của nhà Tống ra sức xúi giục vua Tống nhanh chóng thực hiện tham vọng này :

"Mùa hạ, tháng 6 (năm Canh Thìn, 980 - NKT), quan giữ chức Tri Ung Châu của nhà Tống là Thái Thường Bác Sĩ Hầu Nhân Bảo, dâng thư tâu với vua Tống rằng :

- An Nam Quận Vương (chỉ Đinh Tiên Hoàng - NKT) và con là (Đinh) Liễn đều đã bị giết, nước ấy kể như sụp đổ, cho nên, có thể nhân lúc này đem một cánh quân sang đánh chiếm lấy. Nếu bỏ qua, không mưu tính ngay lúc này thì sợ sẽ lỡ mất cơ hội. Thần xin được đến cửa khuyết để trực tiếp tâu bày rõ thực trạng có thể đánh lấy đất này.

Vua Tống sai người chạy trạm đến gọi (Hầu) Nhân Bảo, nhưng (cận thần là) Lư Tồn can rằng :

- Nội tình An Nam rối loạn, đó là lúc trời sắp bắt phải mất, triều đình nên bắt ngờ cho quân sang đánh úp, làm đúng như người đời nói "sét đánh không kịp bịt tai". Nay nếu cho gọi (Hầu) Nhân Bảo về thì mưu ấy kể như đã bị lộ, kẻ kia nhờ đó mà biết được sẽ dựa núi cao biển sâu mà phòng bị, khiến cho cái thế được thua chưa rõ ra sao. Chi bằng, hãy giao cho (Hầu) Nhân Bảo ngầm lo việc đưa quân sang, theo lệnh mà liệu, rồi lại chọn tướng đem thêm ba vạn quân Kinh Hồ, thẳng tiến sang, tạo ra cái thế vạn toàn, (việc sẽ) dự như bẻ cành khô, như xô cây gỗ mục, không phải tổn một mũi tên.

Vua Tống cho là phải". (*Đại Việt sử kí toàn thư*, Bản kỉ, quyển 1, tờ 9 a-b).

Tháng 7 năm 980, vua Tống hạ lệnh cho Hầu Nhân Bảo gấp rút chuẩn bị lực lượng sang xâm lược nước ta. Hầu Nhân Bảo được cử làm Giao Châu Thủy Lục Lộ Chuyển Vận Sứ. Một loạt tướng lĩnh khác cũng được trao chức mới, cùng với Hầu Nhân Bảo gấp rút lo việc xâm lược nước ta. Tướng Tôn Toàn Hưng được giao chức Lan Lăng Đoàn Luyện Sứ. Tướng Hác Thủ Tuấn được giao chức Tất Tác Sứ. Tướng Trần Khâm Tộ được giao chức Yên Bí Khố Sứ. Tướng Thôi Lượng, nguyên là Tả Giám Môn Tướng Quân, nay được giao chức Ung Châu Lộ Bình Mã Đô Hộ Thự. Tướng Lưu Trùng được giao chức Ninh Châu Thứ Sứ. Tướng Giả Thực được giao chức Quân Khí Khố Phó Sứ. Tướng Vương Giả nguyên là Cung Phụng Quan Cấp Môn Chi Hậu, nay được giao chức Quảng Châu Bình Mã Đô Hộ Thự...v.v.

Giặc cố sức tạo ra và giành lấy thế chủ động bất ngờ, nhưng, mọi hành vi của chúng đều không qua khỏi con mắt tinh tường của Lê Hoàn. Lê Hoàn đã kịp thời vạch kế hoạch đối phó một cách hữu hiệu với quân Tống xâm lăng. Người đầu tiên được Lê Hoàn tin cậy cất nhắc và trao phó trọng trách là Phạm Cự Lạng, sử cũ chép rằng :

"Khi (triều đình) đang họp bàn kế hoạch xuất quân thì (Phạm) Cự Lạng cùng các tướng quân khác đều mặc áo trận, đi thẳng vào Nội Phủ và nói với mọi người rằng :

- Thưởng người có công, trị người có tội là phép sáng của việc quân. Nay Chúa Thượng còn trẻ thơ, thì dẫu chúng ta có chút công lao khi liều chết chống đánh giặc ngoài, cũng không rõ là ai sẽ biết cho. Thế thì chi bằng, trước hết hãy tôn lập quan Thập Đạo (chỉ Hoàn - NKT) lên làm Thiên Tử rồi sau hãy xuất quân thì hơn .

Quân sĩ nghe vậy thì hô *vạn tuế!*" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, Bản kỉ, quyển 1, tờ 9 a-b).

Nho gia xưa chê hành vi này của Phạm Cự Lạng là "bất trung", nhưng rõ ràng, đó là hành vi đáng kính. Hành vi đó tỏ rõ Phạm Cự Lạng đặt lợi ích và vận mệnh sống còn của quốc gia lên trên hết. Vấn đề đặt ra cho đất nước lúc ấy không phải là giữ gìn "giềng mối của nhà Đĩnh" mà là giữ gìn độc lập dân tộc. Trong điều kiện cụ thể của lịch sử lúc bấy giờ, ai đủ năng lực và uy tín để chỉ huy cuộc chiến tranh giữ nước thì người đó xứng đáng làm vua.

Ngay khi vừa được tôn lên ngôi, Lê Hoàn đã sai Phạm Cự Lạng gấp rút đi chỉnh đốn lực lượng vũ trang, chuẩn bị một cách có hiệu quả cho cuộc đối đầu với quân Tống. Vai trò của Phạm Cự Lạng trong giai đoạn chuẩn bị kháng chiến là rất lớn lao. Thắng lợi trọn vẹn của nhân dân ta trong việc đập tan hoàn toàn những đạo quân xâm lăng của nhà Tống vào năm 981 gắn liền với công lao chuẩn bị này.

Khi quân Tống tràn sang, Phạm Cự Lạng là người chỉ huy lực lượng thủy quân và chính thủy quân do Phạm Cự Lạng chỉ huy đã lập được chiến công xuất sắc nhất. Kế thừa kinh nghiệm của Ngô Quyền, Lê Hoàn đã cho đóng cọc gỗ vạt nhọn xuống sông rồi nhử địch vào khu chướng ngại vật bất ngờ và nguy hiểm để tiêu diệt chúng. Người chỉ huy thực hiện thành công mưu kế này của Lê Hoàn cũng chính là Phạm Cự Lạng. Thủy quân Phạm Cự Lạng đã liên tục tấn công quân Tống khắp vùng ven biển Đông Bắc.

(Trước đây, do chỗ nhầm lẫn Lãng Sơn (tên một hòn đảo ở Hạ Long) ra Lạng Sơn, nên nhiều người lấy làm khó hiểu rằng tại sao Lê Hoàn đóng cọc gỗ...ở khu núi non hiểm trở. Thủy binh ta lúc này có ngược sông Lục Nam và sông Thương để đánh giặc, nhưng bãi cọc gỗ thì cũng ở khu vực sông Bạch Đằng mà thôi.)

Các tướng giặc như Trần Khâm Tộ và Lưu Trùng không sao vượt qua nổi sức cản phá quyết liệt của thủy binh Phạm Cự Lạng. Khi chủ tướng của giặc là Hầu Nhân Bảo mắc mưu Lê Hoàn, bị Lê Hoàn bắt giết, thì bọn Trần Khâm Tộ và Lưu Trùng cũng hốt hoảng chạy trốn. Lê Hoàn cùng Phạm Cự Lạng dốc toàn lực ra truy đuổi. Các tướng giặc như Quách Quân Biện và Triệu Phụng Huân đều bị bắt sống. Quân Tống bị bắt và bị giết không biết bao nhiêu mà kể.

Sau trận đại bại này, vua Tống nặng lời quở trách. Lưu Trùng sợ đến phát bệnh mà chết, Vương Soạn bị giết. Tôn Toàn Hưng bị chém và bêu đầu ở chợ.

Sau những chiến công xuất sắc này, Phạm Cự Lạng được Lê Hoàn phong tới hàm Thái Úy. Sinh thời, ngoài vũ dũng hơn người, Phạm Cự Lạng còn được coi là tấm gương sáng về sự thanh liêm và chính trực. Nhiều triều đại sau đã phong ông làm Thượng Đẳng Thần để thành kính thờ phụng.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

## LÝ THƯỜNG KIỆT (1019 - 1105)

"Ông là người giàu mưu lược, có biệt tài làm tướng sủng, làm quan trải thờ ba đời vua, phá Tống, bình Chiêm, công lao đức vọng ngày một lớn, được vua sủng ái, là người đứng đầu các bậc công hầu vậy".

**Phan Huy Chú**



(Lịch triều hiến chương loại chí - Nhân vật chí)

## 1. QUÊ HƯƠNG VÀ CUỘC ĐỜI

Đúng như Phan Huy Chú nói, Lý Thường Kiệt là "người đứng đầu các bậc công hầu" của triều Lý. Nhưng, ông lại không phải là người họ Lý chính tông. Hầu hết các tài liệu cổ đều nói rằng Lý Thường Kiệt vốn người họ Ngô, tên húy là Tuấn. Ngô Tuấn người làng An Xá, huyện Quảng Đức. Đất huyện Quảng Đức nay thuộc Hà Nội, làng An Xá nằm ở phía Nam của Hồ Tây. Về sau, do việc mở rộng đê Cơ Xá (tức đê sông Hồng), làng An Xá dời đến bãi Cơ Xá. Bãi này, sau vì dân đến lập nghiệp đông, lập ra một xã mới, đó là xã Phúc Xá. Gia đình Ngô Tuấn ở trong thôn Bắc Biên của xã này. Thôn Bắc Biên xưa, nay là xã Ngọc Thụy, huyện Gia Lâm, ngoại thành Hà Nội. Tuy nhiên, đó chỉ là nơi sinh và là đất sống thuở hàn vi của Ngô Tuấn mà thôi. Sau này, khi đã có danh vọng lớn trong triều, ông dời nhà về phường Thái Hòa (nay thuộc nội thành Hà Nội).

Ngô Tuấn tự là Thường Kiệt, sau vì có công, được vua sủng ái nên được ban quốc tính (tức được lấy theo họ của nhà vua), do đó, người đời vẫn quen gọi Ngô Tuấn theo cách ghép giữa quốc tính với tên tự là Lý Thường Kiệt. Sử cũ cũng chép theo cách này, vì vậy, hậu thế phần lớn chỉ biết đến tên gọi phổ biến là Lý Thường Kiệt, ít ai biết đến họ và tên thật của ông là Ngô Tuấn.

Lý Thường Kiệt sinh năm Kỷ Mùi (1019), tức là năm Thuận Thiên thứ 10, đời vua Lý Thái Tổ (1010 - 1028). Sử cũ chép rằng, lúc còn trai trẻ, ông là người có vẻ mặt "tươi đẹp lạ thường", cho nên, năm 23 tuổi, được tuyển làm Hoàng Môn Chi Hậu, tức là một chức hoạn quan nhỏ ở trong triều. Nhưng cũng từ đây, Lý Thường Kiệt bắt đầu một quá trình lâu dài và liên tục, cho thiên hạ thấy rằng, ông không phải chỉ có vẻ thật "tươi đẹp lạ thường" mà còn có cốt cách và tài năng phi thường.

Lý Thường Kiệt làm quan trải thờ ba đời vua là Lý Thái Tông (1028 - 1054), Lý Thánh Tông (1054-1072) và Lý Nhân Tông (1072-1127). Từ một chức hoạn quan nhỏ, Lý Thường Kiệt được thăng dần đến chức Phụ Quốc Thái Phó, Dao Thụ Chư Trấn Tiết Độ, Đồng Trung Thư Môn Hạ, Thượng Trụ Quốc, hàm Thái úy tước Khai Quốc Công và được nhận làm Thiên Tử Nghĩa Đệ (em kết nghĩa của Thiên Tử).

Sinh thời, Lý Thường Kiệt có ba cống hiến lớn. Một là không ngừng nêu cao tấm gương sáng ngời về tinh thần đoàn kết vì nghĩa cả, không ngừng nêu cao phẩm giá trung quân ái quốc tốt đẹp của bậc đại thần khi vận nước lâm nguy cũng như khi non sông được thái bình. Hai là, góp phần đắc lực cùng vua và triều đình trong sự nghiệp xây dựng đất nước, đặc biệt là góp phần củng cố sức mạnh của guồng máy nhà nước đương thời. Ba là, vạch kế hoạch chiến lược và trực tiếp chỉ huy những trận đánh lừng danh nhất của thế kỷ XI, đập tan hoàn toàn mưu đồ xâm lăng nguy hiểm và xảo quyệt của quân Tống, bảo vệ vững chắc nền độc lập của nước nhà. Trong khoảng thời gian chừng hơn một chục năm sau khi Lý Thánh Tông qua đời (1069), Lý Thường Kiệt thực sự là linh hồn của đất nước, là người chịu trách nhiệm lớn nhất trong sự nghiệp điều khiển vận mệnh quốc gia. Ở một chừng mực nào đó, cũng có

thể nói rằng, Lý Thường Kiệt gần như là vua của nước nhà trong giai đoạn khó khăn nhất của đất nước ở thế kỉ XI.

Về mặt văn hóa, Lý Thường Kiệt cũng đã có những đóng góp to lớn. Ông đã để lại cho đời một số áng văn thơ, trong đó, nổi bật nhất là bài tứ tuyệt không đề, được hậu thế chọn bốn chữ đầu trong câu đầu làm để dễ truyền tụng, đó là bốn chữ *Nam quốc sơn hà*. *Nam quốc sơn hà* là một trong những áng thiên cổ hùng văn, có giá trị như bản tuyên ngôn độc lập lần thứ nhất của nước nhà.

Lý Thường Kiệt qua đời vào tháng sáu năm Ất Dậu (1105) thọ 86 tuổi. Điều đáng nói là trước khi qua đời một năm (năm 1104, tức là năm đã 85 tuổi), Lý Thường Kiệt vẫn còn là tướng tổng chỉ huy quân đội, đã đánh và đánh một trận rất lớn ở phía Nam đất nước.

Năm 1126 (tức là 21 năm sau khi Lý Thường Kiệt qua đời) nhà sư Thích Pháp Bảo có bài *Ngưỡng Sơn Linh Xứng tự bi minh* (bài minh, khắc trên bia, đặt ở chùa Linh Xứng, núi Ngưỡng Sơn), trong đó có đoạn :

*Việt hữu Lý công,*

*Cổ nhân chuẩn thức.*

*Mục quận ký ninh,*

*Chưởng sự tất khắc.*

*Danh dương hàm hạ,*

*Thanh chấn hà vực.*

(Đoạn này đại để có nghĩa là :

Nước Việt có người họ Lý,

Theo đúng phép của người xưa.

Đã cầm quân là tất thắng lợi,

Đã trị nước thì dân được yên.

Danh lẫy lừng thiên hạ,

Tiếng vang khắp xa gần.)

Đền thờ Lý Thường Kiệt được lập nên rất nhiều nơi trong khắp đất nước ta. Và ngày nay, không ít những ngôi đền này vẫn còn được lưu giữ.

## 2. VẬN NƯỚC LÂM NGUY

Vào khoảng giữa thế kỉ thứ XI, bởi những cuồng vọng của nhà Tống, một lần nữa, vận nước lại lâm nguy. Triều Lý và Đại Việt chỉ có thể tồn tại và phát triển khi giành được toàn thắng trong cuộc chiến đấu chống quân Tống xâm lăng.



Bấy giờ ở trên đất Trung Quốc, triều Tống điều đứng bởi một loạt những mâu thuẫn và xung đột khá gay gắt. Trước hết là về mặt đối ngoại, uy danh của nhà Tống càng ngày càng bị suy giảm mạnh mẽ, đặc biệt là đối với hai nước Đại Liêu và Tây Hạ ở phía Bắc của nhà Tống.

(*Liêu hay Đại Liêu* là quốc gia của người Khiết Đan, thành lập trong thời Ngũ Đại Thập Quốc của Trung Quốc. Lúc đầu, nhà Tống đánh giá rất thấp tiềm lực của Đại Liêu, nhưng đến khi đánh giá đúng thì đã quá muộn. Nhà Tống từng hai phen đem quân đánh vào Đại Liêu (năm 979 và năm 986) nhưng cả hai phen đều bị đại bại. Năm 1004, đến lượt Đại Liêu chủ động đem quân tấn công nhà Tống. Quân Đại Liêu đã tiến đến sát kinh đô của nhà Tống và buộc nhà Tống phải kí hàng ước, nạp cho Đại Liêu mỗi năm 200.000 tấm lụa và 100.000 lạng bạc. Năm 1042, Đại Liêu bắt nhà Tống phải nạp thêm lụa và bạc nhiều hơn trước nữa. Đỉnh cao nhất là sự kiện năm 1075. Năm đó Đại Liêu bắt nhà Tống phải cắt dâng 700 dặm đất.

*Tây Hạ* là quốc gia của người Đảng Hạng, nằm ở phía Tây Bắc Trung Quốc. Quốc gia này thành lập năm 1032. Khi mới thành lập, Tây Hạ tuy bề ngoài thì tỏ ra thần phục nhà Tống nhưng bên trong thì tích cực lo chuẩn bị lực lượng để tranh hùng với nhà Tống. Đến giữa thế kỉ XI, nhà Tống phải công nhận Tây Hạ là một nước hoàn toàn độc lập chứ không phải là phiên bang của nhà Tống nữa. Và, sau nhiều lần đụng độ, nhà Tống cũng buộc phải kí hàng ước với Tây Hạ, nhục nhã không kém gì với Đại Liêu. Theo đó, mỗi năm nhà Tống phải nạp cho Tây Hạ 72.000 lạng bạc, 153.000 tấm lụa và 3.000 cân trà. Những năm 1068 và 1085, nhà Tống đã đem quân đi đánh Tây Hạ cốt để rửa nhục, nhưng rốt cục lại bị thua và bị Tây Hạ tiêu diệt mất đến sáu chục vạn quân.)

Những cuộc xung đột triền miên với Đại Liêu và Tây Hạ đã khiến cho tiềm lực của nhà Tống ngày một yếu hèn đi. Trong khi đó, triều đình nhà Tống còn phải đối phó với không ít những khó khăn khác. Trước hết, một bộ phận khá lớn của triều đình nhà Tống vẫn ôm mối hận thất bại ở nước ta năm 981. Năm đó, dù quyết ồ ạt tấn công một cách bất ngờ, quân Tống xâm lăng vẫn bị Lê Hoàn đánh cho tan tành. Khi thất bại trong việc rửa nhục ở mặt Bắc, không ít quan lại của triều Tống chủ trương phải rửa nhục ở nước ta. Ngoài ra, triều Tống còn phải đối phó với một loạt những vấn đề phức tạp khác, như : sự chia bè kết cánh trong đội ngũ giai cấp thống trị, những cuộc nổi dậy đấu tranh của nhân dân Trung Quốc đương thời... v.v.

Thực tế cho thấy rằng, cần có một nhà cải cách đủ uy tín và đủ năng lực để đưa nhà Tống thoát khỏi những bế tắc trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Và, nhà cải cách đó cũng đã xuất hiện: Vương An Thạch.

*Vương An Thạch* là một trong những bậc đại danh Nho của Trung Quốc đời Tống. Ông cũng là một trong số không nhiều những nhà cải cách táo bạo và có tầm vóc lớn của Trung Quốc lúc bấy giờ. Từ thời trị vì của Tống Nhân Tông (1023- 1064). Vương An Thạch đã liên tiếp dâng thư xin cải cách. Đến thời Tống Anh Tông (1064-1067), Vương An Thạch được trao chức Tế Tướng. Từ đây, những ý tưởng cải cách mạnh mẽ của ông được nhanh chóng thực hiện bởi cơ sở quyền lực mà ông được nắm giữ. Vương An Thạch đã cho thi hành một loạt những cải cách, mang những tên gọi như : Thanh miêu, Miễn dịch, Thị dịch, Quân du, Bảo giáp, Bảo mã ... Sử gọi chung tất cả những cải cách ấy là *Tân pháp Vương An Thạch*.

Tư tưởng chủ đạo trong quan hệ bang giao của tân pháp Vương An Thạch là trở lại thực hiện chiến lược Tiền Nam hậu Bắc (phương Nam trước, phương Bắc sau) vốn có từ thời nhà Tần và dồn mâu thuẫn từ bên trong ra bên ngoài, gây hấn ở bên ngoài để tập trung sự chú ý của dư luận ở bên trong. Tư tưởng chủ đạo đó đã đặt nền tảng cho kế hoạch chuẩn bị xâm lăng nguy hiểm và xảo quyệt của nhà Tống đối với nước ta.

Về mặt quân sự, nhà Tống chủ trương huy động một lực lượng mạnh đủ để áp đảo Đại Việt, và lực lượng đó phải được làm quen trước với chiến trường Đại Việt. Chưa từng có mặt ở nước ta, hẳn nhiên là chúng không thể trực tiếp làm quen với địa hình cũng như đối thủ chủ yếu là quân đội nhà Lý. Để khắc phục tình trạng này, nhà Tống cho lập ba căn cứ quân sự lớn ở Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm.

*Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm* đều nằm ở phía Nam Trung Quốc, sát với biên giới phía Bắc của nước ta. Nơi đây, địa hình và thời tiết nói chung là không khác biệt quá nhiều so với miền Bắc nước ta. Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm sẽ là ba căn cứ xuất phát, cũng là ba địa điểm tập kết lợi hại của quân Tống. Lương thực và khí giới được tích trữ đầy đủ ở đây. Từ ba căn cứ này, quân Tống thường xuyên tổ chức những trận đánh thăm dò vào nước ta. Tình hình biên giới mặt Bắc trở nên rất căng thẳng.

Về mặt chính trị, nhà Tống chủ trương tìm đủ mọi cách để phá vỡ khối đoàn kết của nhân dân ta. Chúng dồn sức vào việc thực hiện hai mục tiêu chủ yếu. Một là mua chuộc để lôi kéo các vị tù trưởng ở biên giới, hồng thông qua đó để mua chuộc và lôi kéo đồng bào các dân tộc ít người. Đây là âm mưu phá từ ngoài phá vào. Hai là lợi dụng những vết rạn nứt trong khối đoàn kết của quý tộc và tướng lĩnh cao cấp. Đây là âm mưu phá từ trong phá ra.

Bấy giờ, khối đoàn kết của quý tộc và tướng lĩnh cao cấp trong triều Lý cũng có nhiều vấn đề rất đáng quan tâm. Mối hiềm khích giữa một bên là phe của bà Thái Hậu Thượng Dương và một bên là phe của bà Thái Phi Ý Lan ngày một trở nên trầm trọng. Năm 1073, bà Thái Hậu Thượng Dương cùng 76 thị nữ của bà bị bức tử, quan Thái Sư là Lý Đạo Thành bị buộc phải rời kinh thành Thăng Long ra trấn trị ở tận Nghệ An...v.v.

Về mặt ngoại giao, nhà Tống tìm đủ mọi cách để bao vây và cô lập nước ta. Sứ giả của chúng liên tiếp đến với các vương quốc ở chung quanh ta, ngày đêm tính kế chia rẽ và xúi giục họ phối hợp hành động với quân Tống. Và, nhà Tống đã thực sự thành công ở Chiêm Thành. Vua Chiêm Thành lúc bấy giờ là Chế Củ không ngừng cho quân quấy phá. Đến đây, cả biên giới mặt Bắc lẫn biên giới mặt Nam đều trở nên căng thẳng. Đại Việt bị dồn ép bởi hai gọng kìm quân sự đến từ hai phía Bắc và Nam.

### 3. ĐẤT NƯỚC BỪNG BỪNG KHÍ THỂ CHUẨN BỊ CHỐNG XÂM LĂNG

Điều may mắn cho đất nước là lúc bấy giờ, triều Lý đã sớm nhận ra những cuồng vọng của nhà Tống đối với nước ta. Hai nhân vật có công lớn nhất trong việc phát hiện mưu đồ của kẻ thù và chủ động tiến hành các biện pháp chuẩn bị đối phó hữu hiệu là vua Lý Thánh Tông và Lý Thường Kiệt.

Vua Lý Thánh Tông tên thật là Lý Nhật Tôn, con của vua Lý Thái Tông (1028 - 1054). Nhà vua sinh ngày 25 tháng 2 năm Quý Hợi (1023) tại kinh thành Thăng Long, được lập làm

Thái Tử ngày 6 tháng 5 năm Mậu Thìn (1028), được nối ngôi ngày 01 tháng 10 năm Giáp Ngọ (1054) và ở ngôi cho đến năm Nhâm Tý (1072), thọ 49 tuổi.

Tuy nhiên, vì vua Lý Thánh Tông qua đời khi công cuộc chuẩn bị đối phó đang dở, vua nối nghiệp là Lý Nhân Tông (1072 - 1127) lúc này đang còn tuổi ấu thơ, cho nên, trọng trách lớn đều chủ yếu là do Lý Thường Kiệt đảm nhiệm. Ở một chừng mực nhất định nào đó, chúng ta cũng có thể nói rằng, Lý Thường Kiệt chính là linh hồn của sự nghiệp bảo vệ độc lập trong giai đoạn lịch sử cụ thể này. Lý Thường Kiệt đã để lại cho lịch sử một trong những điển hình vô giá về kinh nghiệm chuẩn bị ứng phó.

Về chính trị, Lý Thường Kiệt chủ trương nhanh chóng khôi phục và củng cố khối đoàn kết. Trước hết, ông đã nêu gương cảm động về việc hàn gắn những vết rạn nứt trong nội bộ quý tộc và tướng lĩnh cao cấp.

Như trên đã nói, sau khi Lý Thánh Tông qua đời, cuộc xung đột giữa phe của bà Thái Hậu Thượng Dương và phe của bà Thái Phi Ý Lan đã gây nên những tác hại không nhỏ. Nhà Tống đã nhìn thấy và đang lăm le lợi dụng cuộc xung đột này. Trước tình thế nguy hiểm đó, Lý Thường Kiệt đã mời Lý Đạo Thành về kinh đô giữ chức vụ cũ, còn mình thì chỉ trông coi việc chỉ huy quân đội mà thôi. Bà Thái Hậu Thượng Dương thì đã mất, bà Thái Phi Ý Lan sau đó chẳng bao lâu thì đi tu theo Phật Giáo (bà tu tại gia, nhà Phật gọi phụ nữ tu tại gia là Ưu-bà-di), hiềm khích trong nội bộ quý tộc và tướng lĩnh cao cấp được xóa bỏ. Điều kiện tốt đẹp để củng cố khối đoàn kết rộng lớn của toàn dân đã được mở ra.

Đối với đồng bào các dân tộc ít người, triều Lý đã tiến hành nhiều biện pháp lôi kéo khác nhau. Nói theo cách nói hiện đại, khu vực trọng tâm để triều Lý tiến hành các biện pháp này là vùng tương ứng với Tây Bắc và Việt Bắc của nước ta hiện nay.

Từ năm 1042, *Hình thư*, bộ luật thành văn đầu tiên đã được biên soạn. Thời kì cai trị bằng luật pháp đã bắt đầu mở ra. Tuy nhiên, triều Lý vẫn cho phép đồng bào các dân tộc ít người được xét xử tội nhân theo phong tục và tập quán riêng của họ chứ không nhất thiết phải hoàn toàn theo đúng luật định của triều đình.

Các vị tù trưởng được triều đình ban cho nhiều đặc quyền đặc lợi được phong hàm tước cao. Triều đình và hoàng tộc cũng không ngần ngại gả công chúa cho các vị tù trưởng. Mối liên hệ cộng đồng quốc gia vì thế mà nhanh chóng được tăng cường và củng cố. Âm mưu phá hoại của quân Tống dần dần bị đẩy lùi.

Về *quân sự*, triều Lý đã có ba chủ trương lớn, vừa tích cực và táo bạo, vừa mang lại hiệu quả thiết thực rất cao. Và, người góp công chủ yếu trong việc vạch ra cũng như trong chỉ huy thực hiện thắng lợi những chủ trương này cũng chính là Lý Thường Kiệt.

Chủ trương thứ nhất là tấn công vào Chiêm Thành, phá vỡ một mảng trong kế hoạch lợi dụng Chiêm Thành của nhà Tống, vì chỉ khi nào biên giới phía Nam thực sự được yên ổn và nguy cơ bị tấn công từ mặt Nam không còn nữa, thì Đại Việt mới có thể vững vàng đối phó với quân Tống hùng mạnh ở mặt Bắc.

Năm 1069, quân đội Đại Việt do vua Lý Thánh Tông và đại tướng Lý Thường Kiệt chỉ huy đã ồ ạt đánh vào Chiêm Thành. Quân Đại Việt đã tiến đến tận biên giới Chiêm Thành với Chân Lạp và chính Lý Thường Kiệt là người đã có công bắt sống được vua Chiêm Thành lúc

bấy giờ là Chế Củ (Rudravarman). Vua Chiêm buộc phải cắt dâng cho Đại Việt ba châu Địa Lý, Ma Linh và Bố Chính (vùng tương ứng với toàn bộ tỉnh Quảng Bình và phía bắc tỉnh Quảng Trị ngày nay). Sau trận đại thắng này, biên giới mặt Nam được yên ổn trong một thời gian khá dài.

Chủ trương thứ hai của triều Lý là táo bạo tấn công vào Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm, tiêu diệt một bộ phận quan trọng trong tiềm năng xâm lăng của nhà Tống. Bấy giờ, vua Lý Thánh Tông đã qua đời, người hoạch định kế sách lại cũng kiêm cả việc trực tiếp chỉ huy chính là Lý Thường Kiệt. Lý Thường Kiệt đã để lại câu nói bất hủ trước khi thực hiện cuộc tấn công bất ngờ và táo bạo này : "Ngồi yên đợi giặc không bằng trước hãy đem quân ra phá thế mạnh của giặc".

Cuối năm 1075, quân đội Đại Việt do Lý Thường Kiệt làm tổng chỉ huy đã tiến thẳng vào đất Trung Quốc. Hai vấn đề lớn đặt ra cho cuộc tấn công này là làm sao để tạo ra được danh nghĩa hành quân thuận lợi nhất, tránh được sự phản ứng từ phía nhân dân Trung Quốc, và làm sao để có thể bảo đảm đánh nhanh, thắng nhanh, nhằm tránh được những diễn biến bất lợi của tình hình.

Với *Phạt Tống lộ bố văn* (bài văn nói rõ lí do đánh Tống), Lý Thường Kiệt đã nhanh chóng giành được sự đồng tình của nhân dân Trung Quốc. Đây là điều hoàn toàn bất ngờ đối với nhà Tống. Sau 42 ngày đêm liên tục chiến đấu một cách thông minh và ngoan cường, quân đội Đại Việt đã san bằng ba căn cứ quân sự lớn của nhà Tống ở Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm. Tướng chỉ huy quân Tống ở Châu Ung là Tô Giám đã phải xô 36 người nhà của mình vào lửa rồi sau đó đến lượt Tô Giám cũng nhảy vào lửa để tự tử.

Chủ trương thứ ba của triều Lý là nhanh chóng dựng chiến tuyến sông Cầu, cần sàng đón đánh quân Tống xâm lăng trong bất cứ tình huống nào. Một lần nữa, Lý Thường Kiệt vừa là người vạch kế hoạch, lại cũng vừa là người trực tiếp chỉ huy thực hiện một cách xuất sắc.

Chiến tuyến được đắp ở phía nam sông Cầu và sông Cầu - con sông chặn ngang tất cả các ngã đường bộ từ Quảng Tây của Trung Quốc vào Thăng Long - được lợi dụng như một chiến hào tự nhiên rất khó có thể vượt qua. Chiến tuyến được đắp dọc theo khúc sông từ Đa Phúc đến Phả Lại dài ngót 100 cây số. Khúc này của sông Cầu còn có tên gọi khác là sông Như Nguyệt. Chiến tuyến này vì thế mà cũng gọi là chiến tuyến Như Nguyệt.

Đây là chiến tuyến lớn đầu tiên trong lịch sử chống xâm lăng của nước ta. Đây cũng là công trình quân sự lớn, thể hiện quyết tâm lớn, niềm tự tin lớn và bản lĩnh chiến đấu vững vàng của quân dân Đại Việt. Và, đây cũng đồng thời là chứng tích hùng hồn về tài năng quân sự của Lý Thường Kiệt.

Sau khi đắp xong chiến tuyến, Lý Thường Kiệt lập tức điều động quân sĩ đến đóng giữ ở những vị trí chiến lược. Từ đây, quân dân Đại Việt đã hoàn toàn ở trong tư thế sẵn sàng. Nói khác hơn, khả năng thắng lợi của cuộc chiến tranh vệ quốc đã thể hiện một cách rất rõ ràng ngay trong quá trình chuẩn bị vừa khẩn trương và nghiêm túc, vừa quyết tâm và sáng tạo.



#### 4. LÝ THƯỜNG KIỆT VỚI TRẬN QUYẾT CHIẾN CHIẾN LƯỢC NHƯ NGUYỆT (mùa xuân năm 1077)

Tuy mưu đồ lợi dụng Chiêm Thành đã bị đập tan và tuy phần tiềm lực xâm lăng chuẩn bị công phu ở Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm cũng đã bị triệt hạ, nhưng nhà Tống vẫn quyết chí đánh nước ta. Nhà Tống sai Quách Quy là một võ quan cao cấp, người từng dày dạn trận mạc trong cuộc chiến tranh với Tây Hạ, làm tổng chỉ huy quân xâm lăng. Phó tướng của Quách Quy là Triệu Tiết, cũng là một trong những người từng trải trong các trận đánh với Tây Hạ. Vua Tống Thần Tông giao cho Quách Quy và Triệu Tiết 100.000 bộ binh tinh nhuệ, 10.000 ngựa chiến cùng 200.000 dân phu. Ngoài ra, nhà Tống còn cho thêm một đạo thủy binh nhỏ, tiến vào nước ta qua ngả vịnh Hạ Long, nhằm hiệp đồng ứng phó với bộ binh. Vua Tống cẩn thận dặn dò Quách Quy và Triệu Tiết rằng, đây là cuộc tấn công mà bốn phương sẽ nhìn vào, cho nên, nếu như không thu được toàn thắng thì sẽ rất bất lợi cho nhà Tống.

Cuối năm 1076, bộ binh và kỵ binh của nhà Tống từ Châu Ung, thủy binh của nhà Tống từ Châu Khâm, cùng xuất phát và ồ ạt tiến vào nước ta. Cuộc chiến đấu chống quân Tống trên lãnh thổ nước ta bắt đầu.

Trước đó, quân đội Đại Việt đã sẵn sàng đóng giữ ở những vị trí chiến lược quan trọng nhất. Lý Thường Kiệt sắp đặt cụ thể như sau :

- Thủy binh Đại Việt được chia làm hai bộ phận. Bộ phận chính do hai vị Hoàng Tử là Hoàng Chân và Chiêu Văn chỉ huy, gồm trên 400 chiến thuyền và trên 20.000 quân, đóng ở Vạn Xuân là cực đông của chiến tuyến, nơi có thể dễ dàng phối hợp với bộ binh dọc theo chiến tuyến. Bộ phận thứ hai do tướng Lý Kế Nguyên chỉ huy, chốt giữ ở vùng cửa sông Bạch Đằng, sẵn sàng ứng chiến với đạo thủy binh của quân Tống.

- Bộ binh Đại Việt cũng được chia làm hai bộ phận. Bộ phận thứ nhất đóng rải rác dọc theo chiến tuyến, gồm nhiều binh trại khác nhau, mỗi binh trại trấn giữ một vị trí xung yếu của chiến tuyến. Bộ phận thứ hai là đại binh do đích thân Lý Thường Kiệt cầm đầu, đóng ở khu vực Yên Phụ - một địa điểm nằm phía nam chiến tuyến và cách chiến tuyến khoảng 5 cây số. Từ địa điểm này, Lý Thường Kiệt có thể dễ dàng theo dõi và đối phó một cách linh hoạt với mọi tình hình diễn ra dọc chiến tuyến.

Nhiều nhà sử học có uy tín của nước ta đoán định rằng, toàn bộ thủy binh và bộ binh của triều Lý bố trí dọc theo chiến tuyến sông Cầu có thể đông tới khoảng 60.000 người. Ngoài quân chủ lực của triều đình, các đội dân binh cũng được huy động vào cuộc chiến đấu này. (Nhiều tác giả - Một số trận quyết chiến chiến lược trong lịch sử dân tộc - Nhà Xuất bản Quân đội Nhân dân, Hà Nội, 1976, trang 47.)

Ngày 8 tháng 1 năm 1077, đại quân của nhà Tống do Quách Quy chỉ huy bắt đầu vượt cửa ải Lạng Sơn để tiến vào nước ta. Dọc đường hành quân của giặc từ Lạng Sơn đến bờ bắc sông Cầu, triều Lý chỉ bố trí những đội quân nhỏ, liên tiếp tổ chức những trận đánh chặn để cản bước tiến của chúng. Ngày 18 tháng 1 năm 1077, quân Tống tiến đến bờ bắc sông Cầu. Chúng lúng túng vì trước mặt là sông Cầu và bên kia bờ sông Cầu là cả một chiến tuyến rất kiên cố. Bấy giờ, thủy binh của giặc bị Lý Kế Nguyên chặn đánh liên tiếp 10 trận liền ở vùng duyên hải Đông Bắc, khiến cho không thể nào tiến sâu vào để hỗ trợ cho bộ binh và kỵ binh

giặc vượt sông, cho nên, Quách Quỳ và Triệu Tiết đành phải hạ trại ở bờ bắc sông Cầu để tính kế.

Thuộc tướng của Quách Quỳ và Triệu Tiết là Miêu Lý xin bắc cầu phao để vượt sông. Quách Quỳ và Triệu Tiết chấp thuận, đồng thời, giao cho tướng Vương Tiến chỉ huy việc bắc cầu phao, còn Miêu Lý thì dẫn khoảng 2.000 quân, bất ngờ mở cuộc tấn công đột phá đầu tiên vào chiến tuyến sông Cầu.

Cuộc đột phá bất ngờ của Miêu Lý quả là rất nguy hiểm. Miêu Lý đã chọc thủng được một đoạn của chiến tuyến sông Cầu và tiến gấp xuống phía nam. Một số ít các trại binh của ta đóng dọc theo chiến tuyến bị nao núng. Vấn đề thiết yếu lúc này là phải nhanh chóng chặt đứt cầu phao của giặc, nhanh chóng hàn đoạn chiến tuyến đã bị giặc chọc thủng. Nhưng, công việc thiết yếu này chỉ có thể kịp thời hoàn tất, chừng nào mềm tin vào thắng lợi của quân sĩ được củng cố và nâng cao. Trong tình thế hiểm nghèo này, Lý Thường Kiệt đã xuất hiện như một thiên tài về nghệ thuật động viên binh sĩ. Ông đã viết bài *Nam quốc sơn hà* và bí mật sai người vào đền thờ Trương Hồng và Trương Hát (Trương Hồng - cũng có tài liệu chép là Trương Khiếu- và Trương Hát là hai anh em. Theo truyền thuyết, cả hai đều là tướng của Triệu Việt Vương - Triệu Quang Phục. Đền thờ của hai anh em này được Nam Tấn Vương (con Ngô Quyền) dựng lên ở sông Như Nguyệt, xưa cho là rất linh thiêng, hương khói đời đời không dứt) đọc to lên trong đêm tối, khiến cho quân sĩ ngỡ rằng, đó là lời của thần nhân sông núi, cho nên, đã liều mình chiến đấu, đập tan hoàn toàn đạo quân hung hãn của Miêu Lý. Chiến tuyến được củng cố, cầu phao của giặc bị chặt đứt, sĩ khí của quân đội Đại Việt bùng lên mạnh mẽ. *Nam quốc sơn hà* quả là một kiệt tác, cho dầu là nhìn từ bất cứ góc độ nào :

*Nam quốc sơn hà Nam đế cư,*

*Tiệt nhiên định phận tại thiên thư.*

*Như hà nghịch lỗ lai xâm phạm,*

*Nhữ đẳng hành khan thủ bại hư.*

(Sông núi nước Nam, Nam đế ở,

Rành rành ghi rõ ở sách trời.

Có sao lũ giặc dám xâm phạm,

Chúng bay sẽ bị đánh tơi bời).

Được tin thất bại này, Quách Quỳ tức giận trút mọi tội lỗi cho Miêu Lý và anh xử tử viên tướng mà hấn cho là kiêu ngạo này. Tuy nhiên, cũng nhờ thất bại của Miêu Lý mà Quách Quỳ và Triệu Tiết không thể coi thường khả năng đề kháng của quân ta.

Sau thất bại của Miêu Lý; chờ đợi mãi vẫn không thấy thủy quân đến để chở quân vượt sông, Quách Quỳ và Triệu Tiết bèn hạ lệnh đóng bè để cho quân tràn sang bờ nam sông Cầu. Bè không phải là một phương tiện vận chuyển tốt, cho nên, chính quyết định của Quách Quỳ và Triệu Tiết đã tạo điều kiện cho quân đội của Lý Thường Kiệt ứng phó một cách rất ung dung. Bấy giờ, mỗi chuyến bè chỉ chở được tối đa là 500 quân sĩ mà thôi, thời gian vận chuyển lại rất lâu, do vậy, chuyển sau chưa kịp sang thì binh sĩ qua chuyển trước đã bị tiêu

diệt hết. Quách Quỳ và Triệu Tiết đành phải hạ lệnh đình chỉ kế hoạch dùng bè để vượt sông.

Quân Tống buộc phải đóng lại ở bờ bắc sông Cầu. Chúng chia làm hai khối lớn. Khối thứ nhất do đích thân Quách Quỳ cầm đầu. Khối thứ hai do Triệu Tiết cầm đầu. Hai khối cùng *án binh bất động*, quyết chờ thủy binh tới. Quách Quỳ đã buộc phải ra lệnh : "Bây giờ, ai bàn tới tấn công sẽ bị chém đầu".

Mùa xuân dần dần trôi qua. Ở bờ bắc sông Cầu, quân Tống càng ngày càng lún sâu vào thế bị động và lúng túng, khủng hoảng. Chúng muốn vượt sông Cầu nhưng không sao vượt được. Chúng chờ thủy binh nhưng thủy binh lại bị chặn đứng ở vùng duyên hải Đông Bắc. Chúng muốn đánh một trận quyết định với quân đội Đại Việt nhưng quân đội Đại Việt đã khôn khéo trấn giữ ở bờ nam, chưa vội xuất đầu lộ diện. Trong khi đó, khí hậu cuối xuân dần dần trở nên nóng nực, bệnh dịch bắt đầu hoành hành, đồng thời, lương thực của kẻ thù cũng đã bắt đầu cạn. Kẻ thù nham hiểm bàn tính với nhau rằng : "Nhử người tới đất mình lợi hơn mình tới đất người. Vậy, nên giả cách không phòng bị, chúng nó (chỉ quân ta - T.G.) ắt tới đánh". Tướng giặc quả là rất thông minh. Chỉ tiếc cho chúng là danh tướng Lý Thường Kiệt còn thông minh hơn mà thôi.

Đúng vào lúc quân đội nhà Tống đang bị dồn vào tình thế khốn quẫn nhất, Lý Thường Kiệt hạ lệnh tấn công. Đó là một ngày cuối xuân năm 1077. Trước hết, hai Hoàng Tử là Hoàng Chân và Chiêu Văn dùng đoàn chiến thuyền 400 chiếc, bất ngờ đánh mạnh vào khu vực đóng quân của Quách Quỳ. Hoàng Chân và Chiêu Văn vừa đánh vừa phô trương thanh thế, cốt thu hút toàn bộ sự chú ý của quân xâm lăng. Quách Quỳ và Triệu Tiết rất hí hửng, vì chúng muốn vượt sông để tìm quân chủ lực của triều Lý nhưng không sao vượt được, chúng muốn có một trận giao tranh để khích lệ tinh thần tướng sĩ nhưng không sao có được, vậy mà giờ đây, trước mắt chúng, ngay trên bờ bắc sông Cầu là đất chúng đang đóng quân, bỗng dưng quân đội triều Lý lại xuất hiện. Một trận ác chiến đã diễn ra. Và, trong trận ác chiến này, hai vị Hoàng Tử là Hoàng Chân và Chiêu Văn đã anh dũng hi sinh. Nhưng, đúng lúc Quách Quỳ và Triệu Tiết dồn hết sự chú ý vào cánh quân của Hoàng Chân và Chiêu Văn, thì đại quân của triều Lý do đích thân Lý Thường Kiệt chỉ huy đã bất ngờ vượt bến đò Như Nguyệt, đánh ồ ạt vào khu vực đóng quân của Triệu Tiết. Đại bộ phận quân Tống ở đây đã bị tiêu diệt. Chỉ trong vòng một đêm, tình thế đã xoay chuyển hoàn toàn. Quách Quỳ và Triệu Tiết vội vã ra lệnh rút quân tháo chạy về Trung Quốc.

Như Nguyệt là trận quyết định số phận của quân Tống xâm lăng. Như Nguyệt cũng là một trong những trận quyết chiến chiến lược tuyệt vời của lịch sử dân tộc. Chỉ huy thắng lợi trận đánh có tầm vóc rất lớn này, Lý Thường Kiệt thực sự là một thiên tài. Từ đây, tên tuổi và sự nghiệp của Lý Thường Kiệt mãi mãi tỏa sáng trong sử sách và trong niềm tự tôn dân tộc mãnh liệt của các thế hệ nhân dân ta.

Ngay khi đang thắng lợi dồn dập, Lý Thường Kiệt vẫn tỏ rõ là người tỉnh táo và có bản lĩnh cao cường một cách kì lạ. Sử cũ của ta và của Trung Quốc đều chép rằng, đúng lúc Quách Quỳ và Triệu Tiết đang hoảng loạn tháo chạy, quân sĩ khủng khiếp giày xéo lên nhau, thì bỗng dưng Lý Thường Kiệt lại dâng thư... xin hàng ! Thực ra, đó chỉ là một đòn tấn công đặc biệt, nhằm thiết thực chuẩn bị cho việc tái lập mối quan hệ bang giao hữu hảo, tránh họa binh đao lâu dài cho cả hai tộc. Về sau, hai triết gia nổi tiếng của Trung Quốc thời Tống



là Trình Di và Trình Hạo đã có lời bình rất hài hước nhưng cũng rất chí lý rằng : “May được lời giặc nói nhũn, liền nhân đó mà xin giảng hòa !”.

Với cuộc phiêu lưu này, quân xâm lăng chẳng những không cứu vãn nổi tình hình khó khăn trong nước, không vớt vát được cái gọi là "uy danh thiên triều" mà còn phải tiêu hao một khoản kinh phí khổng lồ. Tất cả, nếu quy ra vàng thì tổng chi phí lên tới 5.190.000 lạng !

Cũng với cuộc phiêu lưu này, non tám vạn trong tổng số mười vạn quân tinh nhuệ của nhà Tống đã bị thiệt mạng ở nước ta, non tám vạn trong tổng số hai mươi vạn dân phu của nhà Tống bị giết, nếu tính cả quân số của nhà Tống bị tiêu diệt ở Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm, tổng số quân Tống giết lên tới khoảng ba chục vạn.

Với võ công đại phá quân Tống, Lý Thường Kiệt đã đóng góp cho kho tàng nghệ thuật chống xâm lăng của dân tộc ta những kinh nghiệm vô giá. *Một là* phải luôn luôn chủ động phòng ngự một cách tích cực. Trong một số trường hợp cụ thể, cách phòng ngự tốt nhất chính là phản công. *Hai là* phải tận dụng yếu tố *địa lợi* trong chiến tranh. Chiến tuyến sông Cầu thật sự là một sáng tạo rất độc đáo của Lý Thường Kiệt. Ở đây, *thiên tạo* (sông Cầu) và *nhân tạo* (chiến tuyến ở bờ nam) được kết hợp hài hòa với nhau, tạo ra chỗ dựa vững chắc khi phòng ngự và bàn đạp thuận tiện khi phản công. *Ba là* phải triệt để phát huy vai trò của nhân tố tinh thần trong chiến tranh. Nếu biết sử dụng đúng lúc, nhân tố này sẽ lập tức tạo ra sức mạnh vật chất to lớn đến độ khó có thể tính trước được. *Bốn là* phải biết tạo ra sự hợp đồng tác chiến nhịp nhàng và sắc bén giữa các lực lượng, các binh chủng khác nhau. Đại tướng Võ Nguyên Giáp đã có lời nhận định rất sâu sắc rằng : "Như vậy là lúc đó đã xuất hiện sự phối hợp chiến đấu của đại quân với các lực lượng ở địa phương, tạo nên thể chiến lược đánh địch cả trước mặt và sau lưng. Hình thái phối hợp chiến đấu này thật là một nét độc đáo về nghệ thuật quân sự của dân tộc nhỏ để chống lại chiến tranh lâm lược của quân thù mạnh". *Năm là* phải biết tỉnh táo và chuẩn bị một cách thông minh cho việc thiết lập mối quan hệ bang giao ngay khi quân dân ta đã và đang thắng lớn.

## 07 - TÔNG ĐẢN (? - ?)

“Ta đánh nhau với Trung Hoa nhiều phen. Xưa thì có (Lý) Nam Đế trở về trước, gần thì có Ngô Tiên Chúa đánh trận Bạch Đằng, Lê Đại Hành đánh trận Lãng Sơn, Trần Nhân Tông đánh đuổi được Toa-đô, Thoát-hoan... v.v. Đó là niềm hãnh diện của nước ta, nhưng tất cả do giặc tự dẫn thân đến, ta bắt đắ dĩ mà phải ứng chiến đắy thôi. Còn như nói đường đường chính chính đem quân vào nước người, đến không ai địch nổi, về không ai dám đuổi theo, thì phải kể đến đệ nhất võ công là trận đánh vào Châu Ung, Châu Liêm. Từ đây, nước Tàu không dám coi thường nước ta, cho nên, mọi cống phẩm cho đến thư từ, họ không dám chê trách, vì chỉ sợ sinh ra hiềm khích lồi thôi”.

**Ngô Thì Sĩ**

(*Việt sử tiêu án*)

Danh tướng có công lớn trong trận tấn công vào Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm cuối năm 1075, đầu năm 1076 là Tông Đản. Tuy nhiên, người đời vẫn quen gọi là Tôn Đản. Lí do chính yếu có lẽ là vì lệ kị húy thời Nguyễn. Vua thứ ba của triều Nguyễn (Thiệu Trị : 1841 - 1847) tên thật là Nguyễn Phúc Miên Tông, cho nên, tất cả những nhân vật lịch sử trước đó có tên hoặc hiệu hay tự là *Tông* đều phải đổi thành *Tôn*.

Tông Đản là một trong những tù trưởng nổi tiếng, người dân tộc Tày. Ông sống cùng thời với Lý Thường Kiệt, nhưng cho đến nay, chúng ta vẫn chưa rõ năm sinh, năm mất cũng như quê quán cụ thể của ông.

Cuối năm 1075, thực hiện chủ trương tiên phát chế nhân (chủ động xuất quân ra trước để khống chế mọi hoạt động của đối phương), đại binh của triều Lý do Lý Thường Kiệt cầm đầu đã tràn sang Trung Quốc, tiêu diệt ba căn cứ quân sự nguy hiểm của nhà Tống ở Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm. Đây là cuộc tấn công hết sức táo bạo, do đó, chỉ một sơ suất nhỏ cũng có thể dẫn đến những nguy hại lớn đối với vận mệnh quốc gia. Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm lại ở cách biệt nhau, cho nên, vai trò độc lập chỉ huy tác chiến của các tướng lĩnh trong trận này là rất quan trọng. Và, Lý Thường Kiệt đã tin cậy mà trao phó nhiệm vụ tiêu diệt căn cứ Châu Ung cho Tông Đản, còn đánh vào Châu Khâm và Châu Liêm thì do đích thân Lý Thường Kiệt đảm trách.

Trong ba căn cứ nói trên, Châu Ung ở cách xa biên giới Đại Việt hơn cả. Châu Ung có thành trì kiên cố, quân số đông, lương thực dồi dào, vũ khí đầy đủ. Nếu không nắm vững nghệ thuật đánh thành thì rất dễ có khả năng bị sa lầy ở Châu Ung, mà sa lầy ở Châu Ung thì tình hình sẽ chuyển biến theo chiều hướng hết sức bất lợi cho Đại Việt.

Tông Đản đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, xứng đáng với sự tin cậy ủy thác của chủ tướng là Lý Thường Kiệt và của quân dân Đại Việt lúc bấy giờ. Sử liệu về Tông Đản chưa cho phép dựng lại toàn bộ sự nghiệp lớn của ông, bởi vậy, chúng tôi chỉ xin trích giới thiệu ở đây vài ghi chép của bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 3) :

"Từ khi lên nắm quyền (Tể Tướng), Vương An Thạch thường có ý lập công ở ngoài biên giới nhà Tống. Quan giữ chức Tri Châu của Châu Ung là Tiêu Chú đón biết ý đó của (Vương) An Thạch, liền dâng thư nói rằng, Giao Châu (chỉ nước ta - NKT) tuy đã giữ đúng lệ triều cống nhưng thực ra thì vẫn ăn ở hai lòng, nay nếu bỏ lơ, không đánh chiếm lấy thì sau này chắc chắn sẽ phải nặng mối lo. Vua nhà Tống tin lời, bèn xuống chiếu cho Tiêu Chú đứng ra chuẩn bị sắp đặt việc này. Tiêu Chú lấy làm khó. May sao lúc đó có viên Độ Chi Phán Quan là Trầm Khởi dâng thư nói rằng, chẳng có lẽ nào lại không lấy được Giao Châu, cho nên, nhà Tống mới cho Trầm Khởi làm Tri Châu của Quế Châu (vùng gần với biên giới phía Bắc của nước ta - NKT). Khi đi, Trầm Khởi nhận lãnh ý của (Vương) An Thạch, cho nên, hẳn thường quấy rối nước ta. Sau, Trầm Khởi (mắc tội nên) bị bãi chức, Lưu Di được cử đến thay. Hẳn biên chép hết hộ tịch của dân ở các khe động, sắm sửa thuyền chiến, mưu sang lấn cướp nước ta. Nhà Tống ra lệnh nghiêm cấm các châu, huyện không được mua bán, trao đổi với ta. Vua ta đưa thư (kháng nghị) sang nhà Tống thì Lưu Di lại đem đi hết các thư ấy đi, vì thế, vua ta giận lắm, sai Lý Thường Kiệt và Tông Đản (nguyên bản chép là Tôn Đản, từ đây, xin sửa là Tông Đản - NKT) thống lĩnh hơn mười vạn quân, chia đường sang đánh nhà Tống. Lý Thường Kiệt dẫn quân đến Châu Khâm và Châu Liêm, đánh phá được. Quân Tống bị giết trên tám ngàn tên. Tông Đản đem quân đi đánh Châu Ung. Quan Đô Giám của Quảng Tây (Trung Quốc - NKT) là Trương Thủ Tiết nghe tin, vội đem quân đến cứu, nhưng đội quân này bị (Lý) Thường Kiệt đón đánh tan tành ở cửa ải Côn Luân (Trung Quốc - NKT) , Trương Thủ Tiết bị chém tại trận." (Tờ 35).

"Tông Đản vây Châu Ung hơn bốn mươi ngày đêm. Quan giữ chức Tri Châu của Châu Ung là Tô Giám cứ đóng cửa thành để cố thủ. (Tông Đản) sai quan quân xếp từng bao đất sát theo chân thành để tạo ra những bậc thang mà leo lên. Thành liền bị hạ. Tô Giám bắt ba mươi sáu người nhà của hắn chết trước rồi đem xác vùi xuống hố. Xong, hắn nhảy vào lửa mà tự tử. Giặc trong thành cảm phục Tô Giám nên không chịu đầu hàng. Quan quân (của Tông Đản) giết và bắt sống hơn năm vạn tám ngàn người. Nếu cộng với số bị giết ở Châu Khâm và Châu Liêm thì tất cả phải tới mười vạn. Lý Thường Kiệt cùng chư tướng bắt tù binh ở ba châu dẫn về. Việc này đến tai vua Tống. Vua Tống truy tặng Tô Giám là Phụng Quốc Tiết Độ Sứ" (Tờ 37).

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 3, tờ 9-a) cho biết thêm rằng, ngoài chức được truy tặng nói trên, vua Tống còn ban cho Tô Giám tên thụy là Trung Dũng. Về sự kiện này, sử gia lỗi lạc thế kỉ XV là Ngô Sĩ Liên nói :

"Nhà Tống ban cho Tô Giám tên thụy là Trung Dũng, như thế cũng đủ để ngầm nêu sự trung dũng của Lý Thường Kiệt vậy".

Phát triển ý của Ngô Sĩ Liên, chúng ta cũng có thể nói tiếp rằng, khen Lý Thường Kiệt trung dũng cũng tức là gián tiếp khen Tông Đản trung dũng vậy. Lý Thường Kiệt và Tông Đản, cả hai đều đúng là anh hùng tương ngộ, họ gắn bó với nhau, cùng nhau làm nên sự nghiệp phi thường ở thế kỉ thứ XI.

## HOÀNG CHÂN CHIÊU VĂN VÀ LÝ KẾ NGUYÊN

Sử cũ viết về Hoàng Chân, Chiêu Văn và Lý Kế Nguyên quá ít ỏi. Đại Việt sử lược cho biết Hoàng Chân và Chiêu Văn đều là Hoàng Tử của vua Lý Thái Tông (1028 - 1054) nhưng không nói rõ thứ bậc anh em, còn Lý Kế Nguyên thì hiện vẫn chưa tìm được gốc tích. Nhưng, kết quả nghiên cứu của nhiều nhà sử học hiện đại lại cho thấy rằng, Hoàng Chân, Chiêu Văn và Lý Kế Nguyên đều thực sự là những danh tướng. Lý Thường Kiệt sở dĩ là Lý Thường Kiệt, bởi quanh ông, sát cánh đắc lực với ông còn có rất nhiều vị dũng tướng tài ba, đặc biệt, có Hoàng Chân, Chiêu Văn và Lý Kế Nguyên.

Đầu năm 1076, ngay sau khi đại phá quân Tống ở Châu Ung, Châu Khâm và Châu Liêm trở về, Lý Thường Kiệt đã lập tức bố trí lực lượng quân đội ở những vị trí hiểm yếu nhất, sẵn sàng đón đánh quân Tống, nếu chúng dám liều lĩnh tràn sang. Toàn bộ lực lượng bộ binh do Lý Thường Kiệt trực tiếp chỉ huy, nhưng tất cả thủy binh đều do Hoàng Chân, Chiêu Văn và Lý Kế Nguyên cầm đầu. Bấy giờ, thủy binh được bố trí cụ thể như sau:

- Đại bộ phận tập trung ở Vạn Xuân, tức là ở khu vực cực đông của chiến tuyến sông Cầu. Vạn Xuân là một vị trí chiến lược trọng yếu ở vào đầu mỗi cửa tất cả các đường thủy vùng đông-bắc. Từ Vạn Xuân, thủy binh ta có thể vượt sông Lục Nam, sông Thương, sông Cầu tiến sâu vào địa bàn vùng đông-bắc, có thể xuôi sông Bạch Đằng, sông Thái Bình ra biển, có thể theo sông Đuống về Thăng Long. Ở đây có khoảng 400 chiến thuyền và hơn 20.000 quân, tất cả đặt dưới sự chỉ huy của Hoàng Chân và Chiêu Văn.

- Một bộ phận thủy binh khác do Lý Kế Nguyên chỉ huy, tiến ra đóng giữ ở vùng duyên hải đông-bắc, sẵn sàng đánh trả đạo thủy binh của nhà Tống. Quân số và phương tiện chiến đấu của bộ phận này cụ thể ra sao, hiện chúng ta vẫn chưa rõ, chỉ biết là nhỏ hơn so với bộ phận thủy binh do Hoàng Chân và Chiêu Văn chỉ huy, nhưng lại đủ lớn để có thể chủ động tổ chức những trận đánh quyết liệt với đạo thủy binh của giặc.

Ngày 8-1-1077, bộ binh giặc vượt ải Nam Quan để tiến vào lãnh thổ nước ta. Ngày 18-1-1077, giặc đã áp sát vùng bờ bắc sông Cầu và tại đây, cuộc tấn công của chúng bị chặn đứng. Quân Tống không sao vượt nổi chiến tuyến sông Cầu. Mọi mưu toan và cố gắng của chúng đều bị đánh bại.

Ở bờ bắc sông Cầu, quân Tống đành phải chia làm hai khối lớn, lập trại đóng giữ để chờ thủy binh. Khối thứ nhất do phó tướng Triệu Tiết cầm đầu, đóng ở bờ bắc bến Như Nguyệt (nay là xã Mai Đình, huyện Hiệp Hòa, tỉnh Bắc Giang). Khối thứ hai do chánh tướng Quách Quỳ chỉ huy, đóng cách Triệu Tiết khoảng 15 cây số về phía đông. Chúng nôn nóng chờ đợi

đạo thủy binh, vì chỉ khi nào có thêm thủy binh, chúng mới có thể tiến hành vượt sông Cầu một cách thuận lợi. Nhưng, thủy binh của chúng lại không sao có thể đến được.

Tại miền duyên hải đông bắc, tướng Lý Kế Nguyên đã lập công lớn. Ông đã chỉ huy thủy binh, chặn đứng giặc ở Vĩnh An, kế hoạch cấp tốc hành quân để hỗ trợ cho bộ binh của chúng bị thất bại. Từ Vĩnh An, giặc điên cuồng mở đường máu để tiến vào châu thổ nước ta, nhưng, cả mười trận liêu lĩnh đều bị đánh bại cả mười. Toàn bộ thủy binh giặc buộc phải cụm lại ở cửa sông Đông Kênh. Khi bộ binh nóng lòng mong tin thủy binh thì thủy binh bị bao vây và cũng nóng lòng mong tin bộ binh.

Chiến công của Lý Kế Nguyên có ý nghĩa rất to lớn đối với thắng lợi chung của toàn bộ cuộc kháng chiến chống Tống. Việc chặn đứng và vô hiệu hóa lực lượng thủy binh giặc ở Vĩnh An đã khiến cho mưu đồ chung của Quách Quỳ và Triệu Tiết bị sụp đổ. Từ đây, đại binh của nhà Tống lâm vào thế bế tắc và khủng hoảng ngày càng nghiêm trọng. Kế hoạch vượt sông Cầu không sao thực hiện được. Những mục tiêu lớn đặt ra cho cuộc viễn chinh cũng không sao có thể thực hiện được. Trong lúc đó, lương ăn của giặc ngày một cạn, khí hậu nóng bức ngày một đến gần, bệnh dịch cũng bắt đầu xuất hiện. Đứng vào lúc quân Tống ở vào thế khủng hoảng, khốn quẫn như vậy thì Lý Thường Kiệt hạ lệnh phản công. Trận quyết chiến chiến lược Như Nguyệt bắt đầu.

Người mở đầu cho trận đánh lịch sử này chính là Hoàng Chân và Chiêu Văn. Từ Vạn Xuân, Hoàng Chân và Chiêu Văn đã bắt ngờ cho quân ngược sông Cầu, ồ ạt tấn công vào doanh trại của Quách Quỳ. Thủy binh của ta vừa đánh vừa phô trương thanh thế, cốt tập trung sự chú ý của giặc. Sau cơn hốt hoảng, Quách Quỳ dốc toàn lực để đánh trả. Khối quân của Triệu Tiết cũng vội vã dồn về để trợ chiến. Giặc rất hí hửng, bởi chúng muốn vượt sông Cầu để tìm diệt quân chủ lực của ta, nhưng không sao vượt được thì giờ đây, chính quân chủ lực của ta đã xuất hiện ngay ở bờ bắc sông Cầu. Một trận ác chiến đã diễn ra. Và trong trận ác chiến này, cả Hoàng Chân và Chiêu Văn đều anh dũng hi sinh. Hai vị Hoàng Tử không còn nữa, nhưng cuộc chiến đấu của họ đã tạo điều kiện cho đại binh của Lý Thường Kiệt dễ dàng vượt sông Cầu. Khi đại binh ta tiến sang bờ bắc một cách an toàn và đánh quyết liệt, Quách Quỳ và Triệu Tiết chỉ còn biết hốt hoảng tháo chạy. Quá nửa quân số của giặc bị giết.

Như Nguyệt là một trong những trận quyết chiến chiến lược lừng lẫy của lịch sử dân tộc ta. Thắng lợi của trận quyết chiến chiến lược này đã đập tan hoàn toàn mưu đồ xâm lược của nhà Tống, bảo vệ vững chắc độc lập và chủ quyền của nước nhà. Thắng lợi này gắn liền với tên tuổi kiệt xuất của Lý Thường Kiệt và của các vị danh tướng đương thời. Trong số các vị danh tướng ấy, có Lý Kế Nguyên, Hoàng Chân và Chiêu Văn. Nếu Lý Kế Nguyên đã có công đập tan âm mưu phối hợp giữa thủy binh với bộ binh giặc, thì hai vị Hoàng Tử, cũng là hai vị danh tướng Hoàng Chân và Chiêu Văn vừa có công tiêu diệt một phần sinh lực giặc, vừa có công thu hút sự chú ý của giặc, tạo điều kiện cho đại binh ta có thể vượt sông để đánh trận quyết định với kẻ thù. Phải là bậc dũng tướng mới có thể làm những việc như Hoàng Chân và Chiêu Văn đã làm. Phải là đấng giàu mưu lược mới có thể đủ khả năng đảm trách nhiệm vụ nặng nề như Hoàng Chân và Chiêu Văn đã đảm trách. Tên tuổi của họ xứng đáng vĩnh tồn với non sông.



## 09 - TRẦN THỦ ĐỘ (1194 - 1264)

(Trần) Thủ Độ tuy chỉ là Tế Tướng, nhưng mọi việc trong triều đình không việc gì mà ông không để mắt chú ý tới, vì thế, đã có công giúp nên vương nghiệp và để tiếng tốt cho đến tận lúc qua đời. (Vua Trần) Thái Tông có làm bài văn bia đặt ở nơi thờ ông ngay khi ông còn sống để tỏ lòng đặc biệt quý mến.



*Đại Việt sử kí toàn thư*  
(bản kỉ, quyển 5, tờ 29-a)

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

### 1. VÀI DÒNG VẮN TẮT VỀ CUỘC ĐỜI

Trần Thủ Độ tuy không phải là vua, nhưng, chính ông là người đã biết triệt để lợi dụng sự tàn tạ không cách gì có thể cứu vãn nổi của triều Lý để rồi khôn khéo chuẩn bị cả về dư luận và tổ chức, đưa họ Trần lên nắm giữ vũ đài chính trị kể từ năm 1226. Ông là người có công khai sinh ra triều Trần, có công củng cố địa vị và quyền lực của triều Trần, có công trong sự nghiệp giữ nước... nhưng, dấu ấn trọng sưu tầm tất cả những ghi chép tản mạn của sử cũ, chúng ta cũng chỉ có thể có được những dòng rất vắn tắt về lí lịch cuộc đời của ông mà thôi.

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* cho hay, Trần Thủ Độ là chú họ của vua Trần Thái Tông. Trần Thái Tông là con của Trần Thừa. Trần Thừa là con Trần Lý. Và, Trần Lý là con của Trần Hấp. Sách trên cũng cho hay, về sau, Trần Thủ Độ lấy con gái của Trần Lý là Trần Thị Dung, lại nói Trần Thị Dung vốn là chị họ của Trần Thủ Độ, như vậy cũng có thể suy ra rằng, Trần Thủ Độ là con một người em nào đó của Trần Lý và là cháu nội của Trần Hấp. Nói hơn, tuy chỉ hơn vua Trần Thái Tông 24 tuổi, nhưng Trần Thủ Độ là vai *ông chú* chứ không phải chỉ là vai *chú* của vua Trần Thái Tông.

Trần Thủ Độ sinh năm Giáp Dần (1194) tại làng Lưu Xá, phủ Ngự Thiên (nay là xã Canh Tân, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình), mất năm Giáp Tí (1264), hưởng thọ 70 tuổi. Thời trai trẻ, Trần Thủ Độ kiếm sống bằng nghề chài lưới. Ông lớn lên đúng vào lúc cơ đồ của họ Lý đổ nát ngày một nhanh chóng. Nội chiến xảy ra triền miên, vua Lý không còn khả năng điều khiển đất nước, thậm chí, không còn cả khả năng điều khiển hoạt động của triều đình.

Hoàng tộc hoang mang. Thái Tử của nhà Lý lúc bấy giờ là Lý Hạo Sảm phải bỏ cả hoàng thành mà chạy trốn. Năm Kỷ Tị (1209), Lý Hạc Sảm chạy đến thôn Lưu Gia ở Hải Ấp (nay là xã Lưu Xá, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình).

“Hoàng Thái Tử (Lý Hạo Sảm) chạy đến thôn Lưu Gia ở Hải Ấp, nghe tiếng con gái của Trần Lý (là Trần Thị Dung - NKT) có nhan sắc đẹp, bèn lấy làm vợ” (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 4, tờ 26-a).

Năm ấy, Lý Hạc Sảm mới 15 tuổi. Bởi cuộc hôn nhân này, họ Trần giàu có ở Hải Ấp bắt đầu tham gia chính sự. Trần Lý được phong làm Minh Tự Công còn em vợ của Trần Lý là Tô Trung Từ được phong làm Điện Tiền Chỉ Huy Sứ. Tháng 3 năm Canh Ngọ (1210), khi Trần Lý bị chết trong loạn lạc, con của Trần Lý là Trần Tự Khánh được phong làm Thuận Lưu Bá và chỉ hơn một năm sau thì được phong làm Chương Thành Hầu. Vào tháng chạp năm Bính Tí (1216), đến lượt anh trai của Trần Tự Khánh là Trần Thừa được phong làm Nội Thị Phán Thủ. Khi Trần Tự Khánh mất, Trần Thừa được phong làm Phụ Quốc Thái úy, được phép vào chầu vua Lý mà không phải xưng tên.

Hiện tại, chúng ta chưa biết Trần Thủ Độ thực sự ra làm quan kể từ lúc nào, nhưng, xét diễn biến chung của các sự kiện kể từ khi Lý Hạo Sảm chạy về Hải Ấp, thì có thể ước đoán rằng, Trần Thủ Độ nhận chức tước của triều Lý gần như đồng thời với Trần Thừa (tức là khoảng năm 1216). Năm 1224, Trần Thủ Độ là quan Điện Tiền Chỉ Huy Sứ, cầm đầu tất cả quân Cấm Vệ của triều đình. Xét về trật tự thứ bậc, đó chưa phải là chức quan có hàm tước thuộc hàng cao nhất, nhưng trong thực tế của thời loạn lạc lúc bấy giờ, đó lại chính là chức có nhiều quyền uy mạnh mẽ hơn cả. Dựa vào quân đội, Trần Thủ Độ đã từng bước nâng cao vị trí của mình và khôn khéo loại dần các thế lực đối nghịch. Từ năm Tân Tị (1221) trở đi, khi mà Lý Hạo Sảm (tức vua Lý Huệ Tông 1211 - 1224) bắt đầu nhuốm bệnh điên, Trần Thủ Độ là người khuynh loát cả triều đình. Nếu các nhân vật khác của họ Trần như Trần Lý, Trần Tự Khánh, Trần Thừa... v.v đã đồng lòng hợp sức, đưa họ Trần lên vị trí của một dòng họ có thế lực mạnh trong triều đình nhà Lý, thì Trần Thủ Độ là người đã đặt nền tảng chắc chắn cho việc đưa họ Trần lên thay họ Lý trị vì thiên hạ. Trong hàng loạt những việc làm khác nhau của Trần Thủ Độ, chúng ta thấy có mấy việc nổi bật sau đây :

- Âm thầm tác động một cách mạnh mẽ và liên tục, khiến vua Lý Huệ Tông nhường ngôi cho thứ nữ là Chiêu Thánh Công Chúa vào tháng 10 năm Giáp Thân (1224). Chiêu Thánh Công Chúa lên ngôi lúc mới được sáu tuổi. Đó là vua Lý Chiêu Hoàng (1224 - 1225).

(Vua Lý Huệ Tông chỉ có hai Công Chúa, đó là Thuận Thiên Công Chúa sinh vào tháng 6 năm Bính Tí 1216 và Chiêu Thánh Công Chúa sinh vào tháng 9 năm Mậu Dần, 1218).

- Sau khi Chiêu Thánh Công Chúa được lên ngôi vua, lập tức Trần Thủ Độ ồ ạt đưa người của họ Trần vào chiếm giữ các chức vụ thân cận nhất. Sử cũ chép rằng :

“Quan Điện Tiền Chỉ Huy Sứ là Trần Thủ Độ coi giữ tất cả các việc quân cơ trong ngoài. Cháu gọi Trần Thủ Độ bằng chú là Trần Bất Cập được làm Cận Thị Thự Lục Cục Chi Hậu, Trần Thiêm làm Chi Ứng Cục, Trần Cảnh (người về sau làm vua, miếu hiệu là Trần Thái Tông) làm Chính Thủ” (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 4, tờ 32-b và 32-a).

- Cũng ngay sau khi Chiêu Thánh Công Chúa được tôn lên ngôi vua, Trần Thủ Độ đã gấp rút thực hiện kế hoạch lợi dụng hôn nhân để giành ngôi của họ Lý. Trước đó, con trai

trường của Trần Thừa là Trần Liễu đã được Trần Thủ Độ bố trí để kết hôn với Trưởng Công Chúa của vua Lý Huệ Tông là Thuận Thiên. Đó là cuộc tảo hôn thứ nhất giữa hai họ Lý-Trần. Cuối năm Giáp Thân (1224), một lần nữa, Trần Thủ Độ lại khôn khéo bố trí để con thứ của Trần Thừa là Trần Cảnh kết hôn với Chiêu Thánh Công Chúa (bấy giờ đã là vua : vua Lý Chiêu Hoàng). Đó là cuộc tảo hôn lần thứ hai giữa hai họ Lý-Trần, và chính cuộc tảo hôn lần thứ hai này đã góp phần rất quan trọng vào việc làm thay đổi hoàn toàn ngôi vua của Đại Việt. Các sử gia xưa đã mô tả đại lược về cuộc tảo hôn này như sau :

“(Trần) Cảnh bấy giờ mới được tám tuổi, lo đứng ngoài cửa cung để chầu hầu nhà vua. Một hôm (Trần) Cảnh phải bưng nước cho vua rửa, nhân đó mới được vào trong. (Vua Lý) Chiêu Hoàng vừa trông thấy đã lấy làm ưa, cho nên, mỗi khi dạo chơi vào ban đêm, vẫn cho gọi (Trần) Cảnh đến đi cùng. Thấy (Trần) Cảnh ở chỗ tối thì thân đến nô đùa, hoặc nắm tóc, hoặc đứng chèn lên bóng.

Một hôm, (Trần) Cảnh bưng chậu nước đứng hầu (vua Lý) Chiêu Hoàng rửa mặt. Vua lấy tay vốc nước, tát ướt hết cả mặt của (Trần) Cảnh rồi cười và chọc ghẹo. Khi (Trần) Cảnh bưng khăn lau thì lấy khăn ném cho (Trần) Cảnh. (Trần) Cảnh không dám nói gì cả, chỉ về ngầm thưa với (Trần) Thủ Độ. (Trần) Thủ Độ nói rằng :

- Nếu thực như thế thì họ ta sẽ thành hoàng tộc hay là sẽ bị diệt hết đây ?

Lại có hôm, (vua Lý) Chiêu Hoàng lấy khăn ném cho (Trần) Cảnh. (Trần) Cảnh lạy và thưa rằng :

- Bệ hạ có tha tội cho thần không ? Có thể thần mới xin vâng mệnh.

(Lý) Chiêu Hoàng vừa cười vừa nói :

- Tha tội cho người ư ? Thế ra nay nhà người đã biết nói khôn rồi đấy.

(Trần) Cảnh về thưa lại với (Trần) Thủ Độ. (Trần) Thủ Độ sợ việc này mà tiết lộ ra thì cả họ sẽ bị giết hết, bởi vậy, đem gia quyến vào trong cung cấm. (Trần) Thủ Độ sai đóng chặt hết các cửa thành và cửa cung, canh giữ cẩn mật, không cho các quan vào chầu hầu. (Trần) Thủ Độ lại loan báo :

- Bệ hạ nay đã có chồng rồi.

Các quan ai nấy đều vâng lời, xin chọn ngày để vào chầu. Tháng ấy (tháng mười, năm 1224 - NKT), ngày 21, các quan đều vào lạy mừng. (Nhà vua) xuống chiếu rằng :

- Nước Nam Việt ta, từ xưa đã có đế vương trị vì. Triều Lý ta vâng chịu mệnh trời, có được bốn biển, các bậc tiên thánh nối nhau giữ ngôi hơn hai trăm năm. Nay, Thượng Hoàng (chỉ vua Lý Huệ Tông - NKT) có bệnh, không có con trai nối dõi, khiến cho thế nước nghiêng ngửa nguy nan. Trẫm nhận mệnh trời, cố gắng lên ngôi, thực là việc từ xưa chưa từng có. Khốn thay, trẫm là nữ hoàng, tài đức đều thiếu, không ai giúp đỡ, trong khi đó thì giặc cướp nổi lên như ong, không sao giữ nổi ngôi báu nặng nề được. Trẫm từng dậy sớm thức khuya, những lo không đáng nỗi nên vẫn tìm người hiền lương quân tử để cùng điều khiển chính sự, khẩn khoản đã đến mức tận cùng. Kinh Thi có câu : *Quân tử tìm bạn, tìm mãi chẳng ra, thức ngủ trăm trở, lâu thay, lâu thay*. Nay trẫm một mình suy đi tính lại, thấy duy chỉ có Trần Cảnh là người văn chất đủ vẻ, thực đúng là hiền nhân quân tử, uy nghi rất

đường hoàng, văn võ gồm tài như thần như thánh, dù là Hán Cao Tổ hay Đường Thái Tông (hai vị vua sáng nghiệp của nhà Hán và nhà Đường ở Trung Quốc - NKT) cũng không thể hơn được. Trầm từ lâu đã nghĩ kĩ, xét việc nên nhường ngôi báu để thỏa lòng trời, cũng là để thỏa lòng riêng của trầm, mong sao (được người) đồng tâm hiệp lực, cùng lo việc nước và hưởng phúc thái bình. Vậy, bố cáo khắp thiên hạ để mọi người cùng biết.

Ngày Mậu Dần là ngày 11 tháng chạp (năm Giáp Thân, 1224 - NKT) vua (Lý) Chiêu Hoàng mở hội lớn ở điện Thiên An, ngự trên sập báu, các quan mặc triều phục vào chầu, cùng lạy dưới sân. Vua Lý Chiêu Hoàng bèn trút bỏ áo ngự, mời Trần Cảnh lên ngôi Hoàng Đế, đổi niên hiệu là Kiến Trung năm thứ nhất, đại xá thiên hạ, xưng là Thiệu Hoàng (tức là vị Hoàng Đế được nhường ngôi - NKT) sau lại đổi là Văn Hoàng. Bầy tôi dâng tôn hiệu là Khải Thiên Lập Cực Chí Nhân Chương Hiếu Hoàng Đế. Trần Thủ Độ được phong làm Quốc Thượng Phụ, nắm giữ mọi việc cai trị trong nước". (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 4, tờ 33a-b và 34a-b).

- Ngay sau khi Trần Cảnh được tôn lên ngôi vua, Trần Thủ Độ đã nhanh chóng tiến hành một loạt các biện pháp nhằm củng cố địa vị của họ Trần trên vũ đài chính trị. Thân phụ của Trần Cảnh là Trần Thừa được giao trọng trách điều khiển các việc trong triều còn Trần Thủ Độ thì đích thân đem quân đi đàn áp các thế lực chống đối.

Bấy giờ, tướng Đoàn Thượng chiếm cứ ở mạn Hồng Châu. Đoàn Thượng xưng vương và ngang nhiên chống lại triều Lý từ năm 1212. Đến đây, Đoàn Thượng vẫn tiếp tục chiếm cứ Hồng Châu và đối địch với họ Trần.

Năm 1219, đến lượt Nguyễn Nộn (một cư sĩ người ở Bắc Ninh) nổi lên chống triều Lý. Cũng tương như Đoàn Thượng, về sau, khi triều Trần được dựng lên, Nguyễn Nộn quyết không chịu thần phục.

Ngoài hai thế lực nói trên, họ Trần còn vấp phải sự chống đối mạnh mẽ của nhiều thế lực khác, đặc biệt là sự chống đối của quý tộc họ Lý dưới nhiều dạng thức và mức độ khác nhau.

- Cũng ngay sau khi Trần Cảnh được tôn lên ngôi vua, Trần Thủ Độ đã áp dụng nhiều biện pháp rất kiên quyết, nhằm nâng quyền lực của họ Trần, triệt để chấm dứt mọi mầm mống của họa loạn và nhanh chóng ổn định tình hình chính trị của nước nhà. Để có cơ sở thực hiện những công việc phức tạp này, đầu năm Bính Ngọ (1226), Trần Thủ Độ tự phong cho mình hàm Thái Sư.

Ngay sau khi nhận hàm Thái Sư, Trần Thủ Độ đã buộc Lý Huệ Tông (lúc này đã đi tu) phải ra ở hẳn trong chùa Chân Giáo. Tháng 8 năm 1226, Trần Thủ Độ đã bức tử Lý Huệ Tông, đồng thời, truất ngôi Hoàng Hậu của bà Trần Thị Dung, giáng bà làm Thiên Cực Công Chúa và Trần Thủ Độ đã lấy bà Trần Thị Dung (cũng là chị họ của ông) làm vợ.

Tháng 10 năm 1226, Trần Thủ Độ đã đặt lễ, tôn Trần Thừa làm Thượng Hoàng và bà chính thất của Trần Thừa (người họ Lê, hiện chưa rõ tên) làm Quốc Thánh Hoàng.

Phần lớn các quý tộc họ Lý có ý chống lại họ Trần đều lần lượt bị Trần Thủ Độ tìm cách thủ tiêu. Đợt thủ tiêu lớn nhất là mùa đông năm Nhâm Thìn (1232) tại thôn Thái Đường, xã Hoa Lâm. Xã này nay thuộc Bắc Ninh.

Năm Đinh Dậu (1237), Trần Thủ Độ ép Trần Liễu phải nhường vợ là Thuận Thiên Công Chúa của nhà Lý cũ cho em, cũng chính là vua Trần; đầu lúc này Thuận Thiên Công Chúa đã có thai với Trần Liễu được ba tháng (đó chính là Trần Quốc Khang sau này). Chiêu Thánh Công Chúa, từ khi nhường ngôi cho Trần Cảnh, đã được Trần Cảnh lập làm Hoàng Hậu, nay bị giáng làm Công Chúa. Ngôi Hoàng Hậu từ đó thuộc về Thuận Thiên Công Chúa.

Trần Thủ Độ là người chủ trương cho con em trong họ Trần lấy nhau. Xét về xuất phát điểm đây là chủ trương nhằm đề phòng người khác họ lợi dụng hôn nhân để cướp ngôi. Ở một chừng mực nào đó, sự cẩn trọng giữ ngôi là cần thiết, chỉ tiếc là Trần Thủ Độ cùng những người đương thời không thấy hết những tác hại lớn và lâu dài của chủ trương này.

Ngoài ra, Trần Thủ Độ còn tổ chức lễ thề ở đền Đồng Cổ rất trọng thể. Lễ này vốn có từ đời Lý, được tổ chức lần đầu tiên dưới thời Trần vào tháng 4 năm Đinh Hợi (1227) và được duy trì thường xuyên trong một thời gian khá dài. Trần Thủ Độ muốn thông qua lễ thề để cố kết nhân tâm mà trước hết là trong đội ngũ những người cầm quyền.

- Với tư cách là Thái Sư, Trần Thủ Độ vừa đánh dẹp các thế lực chống đối, vừa chăm lo ổn định tình hình chính trị của nước nhà, lại vừa gấp rút xây dựng guồng máy nhà nước, đủ sức để điều khiển vận mệnh quốc gia. Quá trình lớn này được bắt đầu từ triều đình và kết thúc ở cấp hành chính cơ sở. Lịch sử trân trọng ghi nhận sự công minh và kiên quyết của Trần Thủ Độ trong hoạt động hết sức khó khăn này :

"Có lần, (Trần) Thủ Độ đi duyệt định hộ khẩu. Quốc Mẫu (chỉ vợ ông là bà Trần Thị Dung - NKT) xin riêng cho một người được làm chức Câu Đương (tên một chức dịch trong xã, chuyên lo việc kiện tụng, bắt và giải người lên quan trên - NKT). Ông gật đầu rồi ghi ngay họ tên, quê quán của người đó. Lúc xét đến xã ấy, (Trần Thủ Độ) hỏi là tên kia ở đâu ? Hân mừng rỡ chạy đến, (Trần) Thủ Độ bảo hân :

- Người vì có Công Chúa (cũng chỉ bà Trần Thị Dung - NKT) xin cho mới được làm Câu Đương, cho nên không thể ví với (chức Câu Đương) của kẻ khác được. Vậy, ta phải chặt một ngón chân của ngươi để phân biệt với họ.

Người đó kêu than, van xin mãi mới được (Trần Thủ Độ) tha cho. Từ ấy, không một ai dám đến thăm (Trần Thủ Độ) vì việc riêng được nữa.

Có lần, vua (Trần) Thái Tông muốn cho người anh của (Trần) Thủ Độ là An Quốc làm Tế Tướng, (Trần) Thủ Độ tâu :

- An Quốc là anh thần, nếu cho là (An Quốc) giỏi hơn thần thì thần xin trí sĩ, nếu cho thần giỏi hơn An Quốc thì không thể trao cho An Quốc chức ấy. Còn như nếu để cả hai anh em cùng làm Tế Tướng thì công việc của triều đình rồi sẽ ra sao.

Nhà vua nghe vậy bèn thôi." (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 29-a ).

- Công lao xây dựng bộ luật thành văn cho triều Trần là của những người thuộc thế hệ sau của Trần Thủ Độ, nhưng sinh thời, Trần Thủ Độ đã có đóng góp không nhỏ cho việc ban hành những quy định mang tính pháp luật và ông là người nêu cao tấm gương tuân thủ những quy định mang tính pháp luật đó. Sử cũ đã trân trọng chép lại mẫu chuyện rất cảm động về sự ứng xử trong khuôn khổ phép nước của ông :



“Vua (Trần) Thái Tông lấy được thiên hạ, tất cả đều nhờ ở mưu mẹo và sức lực của ông, vì thế, ông được nhà nước tin cậy, quyền át cả vua. Bấy giờ, có kẻ muốn đàn hặc ông, bèn vào gặp vua (Trần) Thái Tông, vừa khóc vừa than rằng :

- Bệ hạ thì còn thơ ấu mà (Trần) Thủ Độ thì quyền át cả vua, xã tắc rồi sẽ ra sao ?

Vua (Trần) Thái Tông lập tức ra lệnh, lấy xe ngựa đến dinh của (Trần) Thủ Độ, bắt cả người đàn hặc kia đi theo, nói lại những lời người ấy đã nói với vua cho (Trần) Thủ Độ nghe. (Trần) Thủ Độ trả lời :

- Quả đúng như lời hần nói.

(Nói xong), lấy ngay tiền lụa thưởng cho người ấy. Linh Từ Quốc Mẫu (chỉ vợ của Trần Thủ Độ là bà Trần Thị Dung - NKT) có lần ngồi kiệu qua thềm cấm, bị người quan hiệu ngăn lại. Bà về dinh, vừa khóc vừa nói với (Trần) Thủ Độ rằng :

- Mụ này là vợ ông mà bọn quan hiệu dám khinh nhờn đến thế hay sao ?

(Trần) Thủ Độ tức giận, sai người bắt (tên quan hiệu kia). Người quan hiệu nghĩ là mình ắt phải chết, cho nên khi đến nơi, bị (Trần) Thủ Độ vặn hỏi trước mặt (Linh Từ Quốc Mẫu), hần cứ tình thực mà trả lời. (Trần) Thủ Độ nghe xong liền nói:

- Người ở chức thấp mà giữ được phép nước, ta còn trách vào đâu được nữa ?

Nói xong, lấy vàng và lụa thưởng cho (người quan hiệu ấy) rồi thả cho về" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 28-b ).

Ở một chừng mực nhất định nào đó, chúng ta cũng có thể nói rằng, Trần Thủ Độ chính là người đã có công khai sinh ra triều Trần, có công tạo ra bước tiến mới cho Đại Việt. Năm ông ngoài sáu chục tuổi, đất nước gặp họa xâm lăng và trong thử thách quyết liệt này, ông vẫn là chỗ dựa tin cậy của triều đình, của quân dân cả nước. Tiếng nói dày dặn kinh nghiệm của lão tướng Trần Thủ Độ là tiếng nói kết tinh khí phách quật cường của dân tộc.

Trần Thủ Độ mất vào tháng giêng năm Giáp Tý (1264), thọ 70 tuổi. Ở buổi đầu của triều Trần, ông là người duy nhất được chính vua Trần lập đền thờ ngay khi đang còn sống. Khi mất, ông được triều đình truy tặng hàm Thượng Phụ Thái Sư, tước Trung Vũ Đại Vương.

Như trên đã nói, để tạo lập ngôi vị và bảo vệ quyền lực của họ Trần, sinh thời, Trần Thủ Độ đã thẳng tay trừng trị mọi thế lực chống đối, nhất là thế lực họ Lý. Tuy nhiên, nếu đặt trong cả một bình diện rộng lớn của lịch sử, phần lớn những việc mà Trần Thủ Độ đã làm, không có gì khó hiểu. Rồi cũng với mục đích này, Trần Thủ Độ đã tạo ra mối quan hệ hôn nhân rất xa lạ và do đó rất khó chấp nhận.

Điều không ai có thể nói khác, đó là Trần Thủ Độ đã thành công. Xưa cũng như nay, có người chê Trần Thủ Độ học vắn tắt. Đó chính là điều chưa công bằng. Thời ấy, đồ đại khoa tuy nhiều nhưng đủ năng lực và ý chí để làm được những việc lớn như Trần Thủ Độ đã làm, nào đã có mấy ai.

## 2. TRẦN THỦ ĐỘ - CHỖ DỰA TIN CẬY CỦA TRIỀU ĐÌNH VÀ XÃ TẮC

Năm 1257, sau khi trình trọng làm lễ tế cờ. Đại Hãn của Mông Cổ lúc bấy giờ là Mông-kha, lập tức chia quân làm bốn đạo, ò ạt tấn công, quyết chí thôn tính bằng được đất Trung Quốc :

- Đạo thứ nhất do đích thân Mông-kha chỉ huy, đánh vào vùng Tứ Xuyên ngày nay.

- Đạo thứ hai do Hốt-tất-liệt (người về sau được lên nối ngôi Đại Hãn) cầm đầu, đánh vào vùng Hồ Bắc ngày nay.

- Đạo thứ ba do tướng Tô-ga-tra chỉ huy, đánh vào khu vực hạ lưu sông Trường Giang ngày nay. (Tô-ga-tra là cháu gọi Thành-cát-tư Hãn là bác ruột. Sử cũ thường phiên âm là Tháp-sát-nhi.)

- Đạo thứ tư do tướng U-ri-ang-kha-đai (Ngột-lương-hợp-thai) chỉ huy, từ nước Đại Lý, đánh thẳng xuống nước ta, rồi từ nước ta, đánh ngược lên vùng Quảng Tây của Trung Quốc.

Như vậy cuộc tấn công xâm lược nước ta, ngay từ đầu, đã là một bộ phận trong kế hoạch chung của Mông-kha. Lực lượng của đạo quân thứ tư tuy không lớn như những đạo quân khác, nhưng, đối với Đại Việt, đó quả thực là một thử thách lịch sử cam go. Thành bại của cuộc đối đầu này chẳng những tác động trực tiếp đến sự tồn vong của nhà Trần mà còn ảnh hưởng mạnh mẽ đến sự an nguy của xã tắc.

Bấy giờ, vua Trần Thái Tông đã 40 tuổi, đã trải hơn ba chục năm làm vua, nghĩa là đang ở thời kỳ sung sức nhất, nhưng, chỗ dựa thực sự vững chắc và đáng tin cậy nhất của triều đình và của đất nước vẫn là Trần Thủ Độ - người chưa từng làm vua nhưng chính là người đã tạo lập và thiết kế nên bộ máy của triều Trần, người hoạch định những kế sách lớn của triều Trần. Lúc này Trần Thủ Độ đã ngoài sáu mươi tuổi, nhưng, cơ thể vẫn cường tráng, đầu óc minh mẫn, và đặc biệt, chí khí vẫn mạnh mẽ hơn người. Triều đình tin cậy ông và ông cũng luôn luôn tỏ rõ là người xứng đáng với niềm tin cậy lớn lao đó.

\*

\* \*

Trước khi cho quân tràn xuống nước ta, U-ri-ang-kha-đai đã nhiều lần phái sứ giả đến Đại Việt, dùng lời lẽ xác xược và thô bạo, hòng hù dọa để cướp nước ta mà không cần đến binh đao. Nhà Trần chẳng những không chút nao núng mà còn hạ lệnh tổng giam sứ giả của giặc, đồng thời, lập tức điều động quân sĩ đến đóng giữ ở những vị trí hiểm yếu nhất.

Chờ mãi không thấy sứ giả trở về, U-ri-ang-kha-đai buộc phải tự mình tìm đường đem quân tiến xuống nước ta. Lực lượng của U-ri-ang-kha-đai gồm khoảng ba vạn kỵ binh và bộ binh, tất cả cùng men theo sông Hồng mà vào nước ta. Cuộc đọ sức lịch sử giữa Đại Việt với quân Mông Cổ bắt đầu.

Ngày 17 tháng 1 năm 1258, một cuộc ác chiến đã diễn ra tại khu vực Bình Lệ Nguyên (nay là vùng Phong Châu, tỉnh Phú Thọ). Vua Trần Thái Tông đích thân chỉ huy trận này.

Vừa tiến vào đã gặp ngay chủ lực của ta, bởi vậy, tướng giặc là U-ri-ang-kha-đai rất hí hửng. Hắn vội chia quân làm ba mũi, quyết bao vây và tiêu diệt lực lượng ta, quyết bắt sống vua Trần. Đây là đất trung du, địa hình rất thuận tiện đối với kỵ binh Mông Cổ. Bởi lẽ đó, tình thế trở nên rất nguy hiểm cho ta. Vua Trần có ý định dốc toàn lực để đánh trận sống mái với

U-ri-ang- kha-đai ở Bình Lệ Nguyên. Ý định đó thể hiện một khí phách rất hiên ngang, một quyết tâm rất cao độ, nhưng, đó cũng là ý định thiếu sự cân nhắc, rất dễ dẫn đến đại bại. Đúng lúc đó, Lê Tần đã kịp thời can ngăn. Theo Lê Tần, trước thế mạnh của giặc, ta phải tạm thời rút lui để bảo toàn lực lượng, quyết không cho giặc có thể phát huy được nhuệ khí cũng như sở trường chiến đấu ở vùng trung du. Vua Trần Thái Tông đã đánh giá rất cao ý kiến xuất sắc này của Lê Tần. Và, người ủng hộ một cách mạnh mẽ nhất, kiên quyết nhất đối với ý kiến xuất sắc này chính là Trần Thủ Độ.

Từ Bình Lệ Nguyên, quân đội Đại Việt rút về khu vực Thăng Long. Cuộc vờ hù ở Bình Lệ Nguyên này khiến cho U-ri-ang-kha-đai rất tức giận. Hắn đổ hết tội lỗi cho viên tướng tiên phong là Triệt-triệt-đô. Vì quá sợ hãi, viên tướng này đã phải uống thuốc độc tự tử.

Giặc điên cuồng đuổi theo, quyết tiêu diệt chủ lực của ta ở ngay Thăng Long. Một lần nữa, ta lại chủ trương tạm thời rút lui để bảo toàn lực lượng. So với cuộc rút lui khỏi Bình Lệ Nguyên, cuộc rút lui khỏi Thăng Long khó khăn gấp nhiều lần. Ngoài triều đình và quân đội, tất cả hoàng tộc và kho tàng cũng phải nhanh chóng được ra khỏi Thăng Long. Công việc khó khăn và nặng nề này do bà Trần Thị Dung trực tiếp chỉ huy. Hẳn nhiên là trong thử thách cam go, không phải ai ai cũng đủ bản lĩnh và sáng suốt để nhận ra ý kiến xuất sắc của Lê Tần. Sự hốt hoảng của Thái úy Trần Nhật Hiệu có thể coi là một ví dụ tiêu biểu (Trần Nhật Hiệu là con thứ ba của Trần Thừa, em của An Sinh Vương Trần Liễu và vua Trần Thái Tông). Nhưng, điều đáng nói là những người tương tự như thế không nhiều. Khí phách của quân dân ta thời Trần thể hiện một cách tập trung và sâu sắc ở quyết tâm cao độ của đông đảo tướng sĩ và đặc biệt là ở lão tướng Trần Thủ Độ. Sử cũ chép rằng :

“Vua ngự thuyền nhẹ đến thuyền của Thái úy (Trần) Nhật Hiệu để hỏi về kế sách (chống giặc). Khi ấy, Nhật Hiệu đang dựa ở mạn thuyền, chỉ ngồi mà không sao đứng dậy nổi, lấy ngón tay nhúng nước rồi viết lên mạn thuyền hai chữ *nhập Tống* (nghĩa là chạy vào đất của nhà Tống, tức là đất Trung Quốc - NKT) mà thôi. Vua hỏi quân Tinh Cương ở đâu (Tinh Cương là đội quân do Nhật Hiệu chỉ huy) thì Nhật Hiệu trả lời :

- Không gọi chúng đến được.

Vua lập tức quay thuyền đến hỏi Thái Sư Trần Thủ Độ. Thủ Độ trả lời :

- Đầu thần chưa rơi xuống đất thì xin bệ hạ chớ có lo. (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 22-b ).

Cuộc rút lui khỏi Thăng Long đã khiến cho tướng giặc là U-ri-ang-kha-đai rất tức tối. Kế hoạch đánh nhanh thắng nhanh của chúng hoàn toàn bị phá vỡ, trong lúc đó, chủ lực của ta vẫn được bảo toàn và đang gấp rút tạo cơ hội để đánh trận quyết định với giặc. Sử cũ không ghi rõ nội dung các vấn đề của vua Trần Thái Tông đối với Thái Sư Trần Thủ Độ, nhưng rõ ràng, lời nói trên đã có ảnh hưởng rất to lớn đến quyết tâm của nhà vua. Kế hoạch phản công táo bạo và thông minh sau đó của nhà Trần hẳn phải gắn liền với những ý kiến đầy mưu lược của lão tướng Trần Thủ Độ.

U-ri-ang-kha-đai tiến vào được trong kinh thành Thăng Long, nhưng, kinh thành Thăng Long bấy giờ đã hoàn toàn trống rỗng, không một bóng người, không một chút lương thực và thực phẩm nào có thể lọt vào tay chúng. Giặc bị đẩy vào một tình thế hết sức gay go: đó là vừa thiếu lương thực và thực phẩm, lại vừa bị ta bao vây. Đúng lúc đó, vua Trần hạ lệnh

phản công. Một trận đánh ác liệt đã diễn ra tại khu vực Đông Bộ Đầu (nay là khu vực dốc Hàng Than, đầu cầu Long Biên, Hà Nội) vào ngày 29-1-1258. Với trận đánh này, gần ba vạn quân Mông Cổ bị đánh bật ra khỏi Thăng Long và sau đó là bị đánh bật ra khỏi những vị trí then chốt nhất. U-ri-ang-kha-đai, viên dũng tướng của giặc, kẻ từng gây kinh hoàng khắp Ba Lan, Đức và Trung Quốc, đến đây đã buộc phải tháo chạy trước cuộc phản công của quân dân Đại Việt. Dọc đường tháo chạy, giặc vấp phải những trận phục kích rất nguy hiểm của các đội dân binh, đặc biệt là các đội dân binh của đồng bào các dân tộc ít người (một trong những thủ lĩnh xuất sắc của các đội dân binh được sử cũ ghi chép lại là Hà Bổng - chủ trại Quy Hóa). U-ri-ang-kha-đai khiếp đảm đến nỗi không dám nghĩ đến chuyện cướp lương ăn, vì vậy, người đương thời đã mỉa mai gọi chúng là "giặc Phật".

Cuộc kháng chiến của quân dân ta kết thúc toàn thắng. Ngày mùng một Tết năm Mậu Ngọ (5-2-1258), vua Trần cùng toàn thể bá quan văn võ của triều Trần đã có mặt tại kinh thành Thăng Long long trọng tổ chức lễ triều yết đầu tiên sau một thời gian tạm vắng.

Thắng lợi của cuộc kháng chiến này là thắng lợi chung của quân dân cả nước, thắng lợi của khí phách ngoan cường và của tài thao lược kiệt xuất mà dân tộc ta đã tích lũy được trong lịch sử giữ nước lâu dài. Trong số những người góp phần to lớn nhất cho thắng lợi chung, có Thái Sư Trần Thủ Độ. Tài năng của Trần Thủ Độ trải rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

Về quân sự, cống hiến của Trần Thủ Độ có thể tạm chia làm ba dạng thức với ba mức độ khác nhau như sau :

- Thứ nhất, với tư cách là quan Điện Tiền Chỉ Huy Sứ thời Lý Huệ Tông, Trần Thủ Độ đã tỏ tài cầm quân, điều khiển một cách có hiệu quả mọi hoạt động của đội quân đặc biệt này. Đây chính là cơ sở thực tế quan trọng để Trần Thủ Độ có thể tự tin mãnh liệt khi ông quyết định một loạt các biện pháp làm thay đổi hoàn toàn cục diện chính trị đương thời.

- Thứ hai, ngay sau khi triều Trần được dựng lên, Trần Thủ Độ là tướng trực tiếp cầm quân đánh dẹp các thế lực chống đối, đặc biệt là thế lực của Đoàn Thượng và thế lực của Nguyễn Nộn. Trần Thủ Độ vừa là người vạch kế hoạch, đồng thời cũng là người trực tiếp chỉ huy. Khi vạch kế hoạch, Trần Thủ Độ đã tỏ rõ là người giàu mưu lược. Khi trực tiếp chỉ huy, Trần Thủ Độ đã tỏ rõ sự sắc sảo và kiên quyết lạ thường. Đây chính là lúc tài năng quân sự của Trần Thủ Độ phát triển mạnh mẽ nhất.

- Thứ ba, trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ xâm lăng năm 1258, Trần Thủ Độ là vị lão tướng dày dặn kinh nghiệm. Ông đã trực tiếp cầm quân, sát cánh chiến đấu bên cạnh vua Trần. Ông là người ủng hộ một cách kiên quyết nhất đối với ý kiến xuất sắc của Lê Tần. Ông là người tả tung hữu đột nơi trận mạc, xứng đáng là bậc đại diện tiêu biểu của khí phách quật cường. Ông là chỗ dựa tin cậy của triều đình và xã tắc.

Như trên đã nói, vua Trần Thái Tông đã lập đền thờ để thờ ông ngay khi ông còn sống. Đó là việc làm tỏ rõ vua Trần đánh giá rất cao lòng trung nghĩa và công lao phò tá của ông, đánh giá rất cao tài năng và cống hiến của ông trong sự nghiệp giữ nước.

## 10 - TRẦN THỊ DUNG (? - 1259)

“Thế mới biết trời sinh ra bà Linh Từ là để mở mang cơ nghiệp cho nhà Trần vậy”.

*Đại Việt sử kí toàn thư*

(Bản kỉ, quyển 5, tờ 26-a)



Bà Linh Từ mà *Đại Việt sử kí toàn thư* nói đến ở trên chính là bà Trần Thị Dung. Bà là con gái của Trần Lý, người thôn Lưu Gia, Hải Ấp (nay là xã Lưu Xá, huyện Hưng Hà, tỉnh Thái Bình). Sử cũ không chép thế thứ, tuy nhiên, cứ theo lẽ thường mà suy thì bà là em gái kế của Trần Thừa, tức là cô ruột của vua đầu triều Trần là Trần Thái Tông (1226 - 1258).

Trần Thị Dung chào đời đúng vào lúc triều Lý đang bị suy sụp một cách thảm hại. Bấy giờ, vua Lý là Lý Cao Tông (1175 - 1210) thì hoang chơi vô độ, triều thần chia bè kết cánh và không ngừng tìm cách hãm hại lẫn nhau, loạn lạc xảy ra ngay trong kinh thành Thăng Long, ngay trong cả hoàng tộc họ Lý. Năm 1209, Thái Tử của nhà Lý là Lý Hạo Sảm bỏ cả kinh thành chạy về vùng giáp giới giữa Nam Định với Thái Bình này nay. Sử cũ chép rằng :

"Hoàng Thái Tử (Lý Hạo Sảm) chạy đến thôn Lưu Gia ở Hải Ấp, nghe tiếng con gái của Trần Lý có nhan sắc, bèn lấy làm vợ. Nhà Trần Lý nhờ nghề đánh cá mà trở nên giàu, người khắp vùng đều theo về, nhân có bọn tay chân, bèn nổi loạn. Thái Tử đã lấy con gái của (Trần) Lý, liền trao cho (Trần) Lý tước Minh Tự và phong cho người cậu của con gái Trần Lý là Tô Trung Từ làm Điện Tiền Chỉ Huy Sứ" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 4, tờ 26-a).

Thái Tử Lý Hạo Sảm là con trưởng của vua Lý Cao Tông, thân mẫu người họ Đàm, sinh vào tháng 7 năm Giáp Dần (1194), nghĩa là lúc cưới bà Trần Thị Dung, Lý Hạo Sảm mới được 15 tuổi. Sử cũ không cho biết năm sinh của bà Trần Thị Dung, nhưng cứ theo phép tắc hỏi vợ chồng phổ biến mà xét, thì có thể ước đoán rằng, bà sinh vào khoảng những năm cuối cùng của thế kỉ XII.



Ngày 28 tháng 10 năm Canh Ngọ (1210), vua Lý Cao Tông mất, Thái Tử Lý Hạo Sảm được tôn lên ngôi, đó là vua Lý Huệ Tông (1210 - 1224) - vua thứ 8 và cũng là vua đàn ông cuối cùng của triều Lý.

(Triều Lý trước sau kéo dài tất cả 215 năm và có 9 vị vua nối nhau trị vì. Đó là : Lý Thái Tổ (1010 - 1028), Lý Thái Tông (1028 - 1054), Lý Thánh Tông (1054 - 1072), Lý Nhân Tông (1072 - 1127), Lý Thần Tông (1128 - 1138), Lý Anh Tông (1138 - 1175), Lý Cao Tông (1175 - 1210), Lý Huệ Tông (1210 - 1224) và Lý Chiêu Hoàng (1224 - 1225). Lý Chiêu Hoàng là Nữ Hoàng.)

Từ ngày vào hoàng cung, cuộc đời của bà Trần Thị Dung trải không ít phen ba chìm bảy nổi. Thoạt đầu, bà được sách phong làm Nguyên Phi (bậc cao nhất trong hàng thứ hai của vợ vua, sau Hoàng Hậu). Năm 1213, vì có chút nghi ngờ đối với người anh của bà là Trần Tự Khánh, vua Lý Huệ Tông đã giáng bà xuống hàng Ngự Nữ (thấp nhất trong các thứ bậc của vợ vua). Đầu năm 1216, bà được sách phong làm Thuận Trinh Phu Nhân, và cuối năm 1216 thì được vua Lý Huệ Tông sách phong làm Hoàng Hậu. Rất tiếc là khi bà được nhà vua sủng ái thì lại bị Thái Hậu ghét bỏ.

Năm Bính Tí (1216), bà sinh hạ Công Chúa Thuận Thiên. Về sau, công chúa Thuận Thiên được đem gả cho Trần Liễu (thân sinh của Trần Quốc Tuấn và là anh ruột của vua Trần Thái Tông). Đến năm Mậu Dần (1218), bà lại sinh hạ Công Chúa Chiêu Thánh.

Nhưng, chẳng bao lâu sau khi Công Chúa Chiêu Thánh chào đời vua Lý Huệ Tông đã mắc phải bệnh điên. Bởi không có Hoàng Tử nào nối dõi, vua Lý Huệ Tông đành lập Công Chúa Chiêu Thánh làm Hoàng Thái Tử. Sự kiện này xảy ra vào tháng 10 năm Giáp Thân (1224). Cũng ngay trong tháng 10 ấy, Lý Huệ Tông nhường ngôi cho Lý Chiêu Thánh để xuất gia tu hành ở chùa Chân Giáo. Lý Chiêu Thánh lên ngôi, quần thần dâng tôn hiệu là Lý Chiêu Hoàng, đặt niên hiệu mới là Thiên Chương Hữu Đạo. Bấy giờ, Nhà vua mới được 6 tuổi.

Bởi sự sắp đặt khôn khéo của Trần Thủ Độ, Lý Chiêu Hoàng đã kết hôn với Trần Cảnh (lúc này cũng mới 6 tuổi) vào tháng chạp năm Ất Dậu (1225) và ngay sau đó là nhường ngôi cho Trần Cảnh.

Sau khi giành được ngôi báu, họ Trần tìm cách thủ tiêu dần các thế lực chống đối, đặc biệt là thế lực của các quý tộc họ Lý. Năm Bính Tuất (1226), Lý Huệ Tông bị bức tử, bà Trần Thị Dung được đem gả cho Trần Thủ Độ. Như vậy, bà đã kết hôn với chính em con nhà chú của mình. Tuy nhiên, xét về tuổi tác thì có lẽ hai người cũng không hơn kém nhau bao nhiêu. Từ đây, bà hết lòng giúp rập nhà Trần, được vua Trần Thái Tông đặc cách cho hưởng các chế độ và nghi trượng không khác gì Hoàng Hậu.

Trần Thủ Độ là người có công đầu trong việc đưa họ Trần lên nắm giữ vũ đài chính trị của nước nhà. Nhưng, công bằng mà xét, nếu không có sự giúp sức đầy nhiệt thành và có hiệu quả của bà Trần Thị Dung, chắc chắn Trần Thủ Độ sẽ không thể làm được nhiều việc lớn như ông đã làm.

Tháng giêng năm Kỷ Mùi (1259), bà Trần Thị Đang qua đời, hưởng thọ khoảng gần bảy chục tuổi. Bà được nhà Trần ban hiệu là Linh Từ Quốc Mẫu. Đây là một biệt đãi đối với bà, bởi vì vinh hiệu Quốc Mẫu thời Trần chỉ dùng để ban cho Hoàng Hậu của vua Trần mà thôi. Sử cũ lí giải việc này như sau :

"Mùa xuân, tháng giêng (năm 1259 - NKT), phu nhân của Trần Thủ Độ là Linh Từ Quốc Mẫu, người họ Trần, qua đời. Phu nhân người họ Trần này sở dĩ được gọi là Quốc Mẫu vì đó vốn là hiệu cũ của phu nhân, khi phu nhân còn là Hoàng Hậu (của Lý Huệ Tông). (Vua Trần) Thái Tông thấy Linh Từ đã từng là Hoàng Hậu của Lý Huệ Tông, cho nên không nỡ gọi là Công Chúa, mà còn dùng biệt hiệu của Hoàng Hậu là Quốc Mẫu để ban cho. Mọi nghi trượng như xe kiệu, mũ áo và quân hầu của bà đều ngang với Hoàng Hậu."

(Đại Việt sử kí toàn thư, bản kỉ, quyển 5, tờ 25 a-b ).

Ngoài công lao hợp lực đầy nhiệt thành với chồng trong sự nghiệp tạo lập cơ đồ cho họ Trần, sinh thời, bà Trần Dung còn có hai cống hiến lớn sau đây :

Một là, bà đã giúp phần rất quan trọng vào việc hàn gắn những vết rạn nứt trong nội bộ đội ngũ quý tộc họ Trần, tạo ra cơ sở sức mạnh từ bên trong cho chính triều đại này. Sử thần Ngô Sĩ Liên đánh giá rất cao cống hiến này của bà :

"Linh Từ trước lấy Lý Huệ Tông là bất chính, sau lấy Trần Thủ Độ là thất tiết. Thế nhưng, con gái bà là (Lý) Chiêu Hoàng nhường ngôi cho nhà Trần và (người con gái khác là) Thuận Thiên lại là Hoàng Hậu của (vua Trần) Thái Tông, thân mẫu của (vua Trần) Thánh Tông. An Sinh Vương có hiềm khích với (Trần) Thái Tông, Linh Từ đã ra sức hòa giải, nhờ đó mà anh em lại tình nghĩa như xưa." (Đại Việt sử kí toàn thư, bản kỉ, quyển 5, tờ 25-b ).

(Lý Huệ Tông cưới bà khi đang đi chạy loạn, không có ai đứng ra chủ hôn nên bị coi là bất chính).

Hai là, bà đã lập công lớn trong cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ xâm lăng vào năm 1258. Đây chính là cống hiến nổi bật nhất, khiến cho tên tuổi của bà trở nên bất diệt với non sông. Bà thực sự là một nữ tướng giàu dũng khí và thực sự có tài.

Bấy giờ, khi nghe tin tướng giặc là U-ri-ang-kha-đai đã hùng hổ cho quân men theo sông Hồng để tràn xuống nước ta, vua Trần lập tức bố trí quân sĩ sẵn sàng ở vùng Bình Lệ Nguyên, quyết đánh một trận sống chết với kẻ thù. Nhưng, ở cuộc đọ sức không cân xứng này, quân ta bị thất lợi, thậm chí là có nguy cơ bị bại trận hoàn toàn. May mắn thay, đúng vào lúc nguy nan đó, tướng Lê Tần đã đề nghị vua Trần hãy tạm thời rút quân để bảo toàn lực lượng, chờ cơ hội thuận tiện sẽ đánh trận quyết định với U-ri-ang-kha-đai. Ý kiến xuất sắc đó được Vua Trần và các tướng lĩnh đương thời đồng ý. Đại quân của ta từ Bình Lệ Nguyên đã rút về Thăng Long. U-ri-ang-kha-đai tức tối cho quân đuổi theo. Đại quân nhà Trần lại rút lui khỏi Thăng Long.

Khác với việc rút lui khỏi Bình Lệ Nguyên, việc rút lui khỏi Thăng Long khó khăn và phức tạp hơn nhiều. Nơi đây, ngoài lực lượng quân đội, còn có hoàng tộc, thân nhân của quan lại, nhân dân và kho tàng. Quân đội thì đã có triều đình và các vị tướng lĩnh chỉ huy, còn tất cả các việc khác, nhà Trần đều tin cậy mà ủy thác hết cho bà Trần Thị Dung. Và, bà đã xứng đáng với niềm tin cậy lớn lao đó. Tất cả hoàng tộc và thân nhân của quan lại cùng nhân dân kinh thành đều được tổ chức rút lui một cách trật tự và an toàn. Tất cả kho tàng của triều đình được nhanh chóng vận chuyển ra khỏi kinh thành một cách kịp thời. Tất cả lương thực và thực của nhân dân Thăng Long cũng được giấu kín, quyết không để lọt vào tay quân xâm lăng. Thứ duy nhất mà bà để lại là những tên sứ giả hống hách, đến nước ta trước đó, bị vua Trần hạ lệnh tống giam trong ngục ! Thắng lợi của hoạt động này đã đẩy

quân xâm lăng vào tình thế khốn quẫn: đó là buộc phải đóng quân ở nơi không một bóng người, không một chút lương thực và thực phẩm, buộc phải đánh theo cách đánh của ta.

Ngày 24 tháng chạp năm Mậu Ngọ (29- 1 - 1258), cuộc phản công của nhà Trần bắt đầu. Đích thân vua Trần Thái Tông cùng Hoàng Thái Tử Trần Hoảng ngược sông Thiên Mạc tấn công ồ ạt vào khu vực Đông Bộ Đầu. Các đơn vị chủ lực của nhà Trần cùng hàng loạt đội dân binh cũng cùng nhất tề đánh mạnh vào những dinh trại của quân xâm lăng. Đang ở trong thế khốn quẫn lại bị đánh quá bất ngờ, U-ri-ang-kha-đai không sao chống đỡ nổi, đành phải tìm đường chạy trốn. Quân ta nhanh chóng thu phục Thăng Long và nhân đà thắng lợi, truy đuổi ráo riết, khiến cho giặc chỉ biết hốt hoảng chạy tháo thân mà không dám nghĩ đến việc cướp lương ăn. Cuộc kháng chiến chống quân Mông Cổ xâm lăng kết thúc toàn thắng. Và, nữ tướng hậu cần xuất sắc của cuộc phản công này chính là bà Trần Thị Dung. Bà đã khẩn trương lo tích trữ và vận chuyển lương thực rất kịp thời cho các đơn vị chiến đấu của nhà Trần. Bà cũng là người đi thu thập binh khí từ các gia đình đi lánh nạn, mau chóng chuyển đến để bổ sung và tăng cường cho quân đội nhà Trần. Hoạt động của bà đã góp phần rất to lớn vào thắng lợi chung của cuộc kháng chiến này. Sử cũ viết về công lao của bà như sau :

“Khi người Nguyên men theo đường tắt để vào cướp nước ta, kinh thành thất thủ, Linh Từ ở Hoàng Giang, lo giữ gìn các Hoàng Tử, Cung Phi và Công Chúa cùng vợ con các tướng soái, không để ai bị lọt vào tay giặc. (Linh Từ) lại còn khám xét thuyền các nhà (đi lánh nạn) có giấu binh khí, thu để đưa dùng vào việc quân. Công của bà giúp nội trị của nhà Trần nhiều hơn là báo đáp cho nhà Lý. Thế mới biết trời sinh ra bà Linh Từ là để mở mang cơ nghiệp cho nhà Trần vậy.”

(Đại Việt sử kí toàn thư, bản kỉ, quyển 5, tờ 25-b và 26-a ).

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

## 11- LÊ TẦN ( ? - ? )

"Nếu không có khanh thì Trẫm làm sao có được ngày hôm nay. Khanh hãy cố gắng để được trọn vẹn mãi".

Lời vua **Trần Thái Tông** trong *Đại Việt sử kí toàn thư*,

(bản kỉ, quyển 5, tờ 23-b ).

Trong sử cũ, Lê Tần thường được chép là Lê Phụ Trần. Tên gọi này do nhà Trần ban cho ông, cốt để biểu dương công lao phò tá của ông đối với nhà Trần. Về lai lịch, hiện tại chúng ta chỉ mới biết rất vắn tắt, rằng ông người Ái Châu (nay thuộc Thanh Hóa) và là dòng dõi của Lê Hoàn. Tuy chưa rõ năm sinh và năm mất của ông, nhưng, qua ghi chép của sử cũ cũ, chúng ta cũng có thể sơ bộ hình dung được những nét chính yếu nhất trong lí lịch làm quan của ông :

- Đầu năm Canh Tuất (1250) ông được vua phong chức Ngự Sử Trung Tướng, Tri Tam Ti Viện Sự. Xét thứ bậc, chức này không kém Thượng Thư bao nhiêu. Nói khác hơn, chắc hẳn ông đã được bổ làm quan từ nhiều năm trước nên đến đây mới được phong tới chức này.

- Năm 1258, ông được phong làm Ngự Sử Đại Phu, được vua Trần Thái Tông đem bà Hoàng Hậu đã bị giáng là Lý Chiêu Thánh gả cho. (Lý Chiêu Thánh bị giáng ngôi Hoàng Hậu năm 1237).

- Tháng 6 năm Kỷ Mùi (1259), ông được vua Trần Thánh Tông phong chức Thủy Quân Đại Tướng Quân.

- Tháng chạp năm Giáp Tuất (1274), ông được vua Trần Thánh Tông phong tới hàm Thiếu Sư, chức Trừ Cung Giáo Thụ.

Sau khi chép việc ông được phong tới hàm Thiếu Sư, không thấy sử cũ chép gì về ông nữa. Về gia đình riêng không rõ ông có tất cả mấy vợ, chỉ biết rằng bà Lý Chiêu Thánh đã sinh hạ cho ông hai người con, gồm một trai và một gái. Nhà Trần coi gia đình ông không khác gì thành viên của hoàng tộc. Khi mất, có lẽ ông cũng ở khoảng tuổi trên dưới bảy mươi.

Khi đất nước thái bình, Lê Tần là một đấng lương thần giàu lòng trung nghĩa và thực sự có tài. Ngoài những trọng trách mà triều đình đã tin cậy trao phó, Lê Tần từng là chánh sứ của nước ta sang Mông Cổ ngay sau khi chúng vừa bị quân dân ta đánh cho đại bại. Tài biện bạch của ông đã khiến cho triều đình Mông Cổ phải nể phục. Và, như trên đã nói, ông từng là Trừ Cung Giáo Thụ, người trực tiếp dạy vua Trần Nhân Tông, khi nhà vua còn ở ngôi Hoàng Thái Tử. Công việc nặng nề và khó khăn này, phải là những người tài trí và dày dặn kinh nghiệm như ông mới có thể đảm đương nổi.

Khi đất nước chiến tranh, Lê Tần là một trong những vị danh tướng gồm đủ cả vũ dũng và mưu lược, có năng lực phân tích thực tiễn một cách nhạy bén và sâu sắc. Tên tuổi của Lê Tần gắn liền với trận Bình Lệ Nguyên và với thắng lợi trọn vẹn của cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông Cổ năm 1258.

Đầu năm 1258, khi nghe tin giặc Mông Cổ, dưới sự chỉ huy của U-ri-ang-kha-đai, men theo sông Hồng để tràn xuống nước ta, vua Trần Thái Tông lập tức đem đại quân lên Bình Lệ Nguyên để ứng chiến. Đó là một quyết định thể hiện khí phách rất ngoan cường, nhưng đó cũng chính là một sai lầm nghiêm trọng trong nghệ thuật cầm quân. Bình Lệ Nguyên là

vùng trung du, nơi mà kỵ binh Mông Cổ có thể phát huy hết sở trường chiến đấu, ngược lại bộ binh của ta sẽ rất dễ bị lúng túng, dễ bị giặc bao vây, chia cắt và nhanh chóng tiêu diệt. Diễn biến của những trận đánh đầu tiên đã thể hiện rất rõ điều này. Sử cũ chép :

"Vua tự mình ra đốc chiến, xông pha trong chốn tên đạn, nhưng quan quân thì hơi nao núng. Vua ngoảnh trông tả hữu, chỉ thấy có Lê Tần là một mình một ngựa, ra vào trận giặc mà mặt vẫn bình thản như không.

Bấy giờ, có người khuyên Vua nên bám lại (ở Bình Lệ Nguyên) để chỉ huy chiến đấu. Lê Tần cố sức can vua, nói rằng :

- Bệ hạ nếu làm như vậy thì có khác gì dốc hết túi tiền cho một canh bạc mà chưa rõ được thua ? (Thần nghĩ) là hãy nên tạm lánh chúng chó tại sao lại có thể dễ dàng tin lời người ta như vậy.

Vua nghe, bèn lui quân đóng ở sông Lô. Lê Tần đi phía sau. Giặc bắn loạn xạ, Lê Tần phải lấy ván thuyền để che cho vua khỏi trúng tên của giặc.

Thế giặc rất mạnh. Vua lại lui về giữ sông Thiên Mạc, Lê Tần đi theo bàn việc quân cơ, rất ít ai được biết những việc này" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 22-a).

Đoạn ghi chép ngắn ngủi nói trên, tự nó đã toát lên hai điều rất đáng suy nghĩ. Một là Lê Tần quả đúng là bậc có dũng khí hơn người. Ông tả xung hữu đột nơi trận mạc, cái chết luôn cận kề mà sắc mặt vẫn bình tĩnh như không. Nhưng, đáng kính nhất vẫn là ở chỗ, ông dám can gián nhà vua, phê phán một cách quyết liệt đối với ý kiến sai lầm. Quân pháp xưa cho phép chủ tướng có thể chém đầu kẻ dám làm sai mệnh lệnh, hưởng chi, trong trận ác chiến này, chủ tướng cũng chính là nhà vua, người có quyền hành cực lớn ở trong tay. Lê Tần đã lấy tính mạng của chính mình để bảo đảm cho ý kiến của mình vậy. Nếu không phải là bậc có dũng khí phi thường, quyết không thể nói được lời quả cảm như vậy, cũng nếu không phải là bậc có dũng khí phi thường, quyết không thể có đủ bình tĩnh và sáng suốt để nghĩ được những ý nghĩ sâu sắc như vậy. Lê Tần chính là người đã đặt nền tảng đầu tiên cho kế sách tạm thời rút lui để bảo toàn lực lượng mà sau này, Trần Quốc Tuấn và các tướng lĩnh xuất sắc đã kế thừa và nâng lên thành một nghệ thuật rất độc đáo. Hai là, nếu Lê Tần dám nói, thì kính thay, vua Trần Thái Tông cũng là người dám nghe. Khi ở ngôi cao quyền cả, nhất lại là lúc tình thế hiểm nghèo, thói thường, người ta sẽ khó chấp nhận những ý kiến trái ngược với mình. Nhưng, may mắn thay, và cũng là cảm động thay, vua Trần Thái Tông đã kịp thời nhận ra và vui vẻ làm theo đề nghị của Lê Tần. Các tướng lĩnh cao cấp khác, trong đó có lão tướng Trần Thủ Độ, cũng nhiệt thành và kiên quyết ủng hộ Lê Tần. Chỗ vua tôi tương hợp chính là ở đây. Một trong những nguyên nhân dẫn đến thắng lợi cũng chính là ở đây. Lê Tần thực sự xứng đáng với biệt danh Lê Phụ Trần mà nhà Trần đã ban tặng cho ông.



## 12 - TRẦN HƯNG ĐẠO ( ? - 1300)

Ngô Tiên Chúa cả phá quân Lưu Hoằng Tháo, Trần Hưng Đạo bắt sống Ô-mã-nhi, đều là ở sông Bạch Đằng và đều là những võ công lừng lẫy nhất của nước ta. Danh tiếng các hào kiệt ấy đời đời còn mãi với ngàn thu sông núi. Dấu vết hôi tanh của giặc Hán và giặc Nguyên cũng còn mãi với nước non ta, làm sao mà rửa hết được. Giang sơn của nước Nam này đã được định rõ trong sách trời. Giặc Bắc dẫu có cậy trí lực mạnh để chiếm cứ, thì rốt cuộc, lấy được cũng không thể nào giữ được. Vậy thì tham việc binh đao phỏng có ích gì ? Bài *Bạch Đằng giang phú* của Trương Hán Siêu có câu : "*Binh khí vất đầy như đụn cát, xương khô chất đống như non cao ; có trận thắng lớn này là nhờ Đại Vương biết tiên liệu trước*". Nghiên ngẫm thật kĩ mới hay lời văn thực đã diễn tả được nỗi đau bại trận của nhà Hán và nhà Nguyên rồi vậy.

**Ngô Thì Sĩ**

(*Viết sử tiêu án*)

downloadsachmienphi.com

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

### 1. TÓM LƯỢC VỀ TIỂU SỬ

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 5, tờ 1-a) cho hay, tiên tổ của họ Trần là Trần Kinh, người làng Tức Mặc, phủ Thiên Trường. Làng này nay là xã Tức Mặc, huyện Mỹ Lộc, tỉnh Nam Định. Trần Kinh sinh ra Trần Hấp. Trần Hấp sinh ra Trần Lý. Trần Lý sinh ra Trần Thừa. Kể từ Trần Thừa trở về trước, người họ Trần ở làng Tức Mặc đời đời đều làm nghề chài lưới. Trần Thừa có sáu người con (bốn trai, hai gái). Con trai thứ của Trần Thừa là Trần Cảnh, về sau là vua đầu của triều Trần (Trần Thái Tông : 1226 - 1258), cho nên, Trần Thừa được tôn làm Thượng Hoàng và khi mất, miếu hiệu là Trần Thái Tổ, dẫu trong thực tế, Trần Thừa chẳng hề làm vua ngày nào.

Con trai trưởng của Trần Thừa là Trần Liễu. Khi em là Trần Cảnh làm vua, Trần Liễu được phong là An Sinh Vương. Hiện vẫn chưa rõ An Sinh Vương Trần Liễu có mấy người con, chỉ thấy sử cũ nhắc đến ba người. Con trai trưởng là Trần Doãn. Trần Doãn được phong là Vũ Thành Vương nhưng rất tiếc là vì những hiềm khích nội bộ, năm 1257, Vũ Thành Vương Trần Doãn đã đem cả gia quyến chạy sang Trung Quốc và bị viên Thổ Quan của Trung Quốc ở phủ Tư Minh bắt nạp lại cho triều Trần. Người con thứ năm của Trần Liễu là Trần Thị Thiều. Tháng 8 năm 1258, Trần Thị Thiều được gả cho vua Trần Thánh Tông

(1258 - 1278), lúc đầu được phong là Thiên Cảm Phu Nhân và ít lâu sau thì phong là Thiên Cảm Hoàng Hậu. Bà chính là thân mẫu của vua Trần Nhân Tông (1278 - 1293).

Trong số những người con của An Sinh Vương Trần Liễu nổi bật hơn cả vẫn là Trần Quốc Tuấn. Trần Quốc Tuấn về sau được phong là Hưng Đạo Vương, vì thế, người đời vẫn quen gọi ông là Trần Hưng Đạo.

Trần Hưng Đạo mất ngày 20 tháng 8 năm Canh Tí (1300) nhưng hiện tại, vẫn chưa xác định được năm sinh của ông, đại để chỉ biết ông thọ khoảng 70 tuổi, tức là sinh vào khoảng năm sau khi triều Trần được dựng lên.

(Sách *Trần triều thế phả hành trạng* nói Trần Hưng Đạo sinh vào ngày 10 tháng chạp năm 1251. Điều này không thể tin, vì các bộ chính sử đều chép rằng Trần Hưng Đạo cưới vợ vào tháng 1 năm 1251, tức là trước đó những ngót một năm.

Ông Lam Sơn trong sách *Hưng Đạo Đại Vương* (xuất bản 1946) nói rằng Trần Hưng Đạo sinh ngày 10 tháng chạp năm 1228, nhưng không cho biết là ông đã dựa vào cơ sở nào để viết như thế.

Ông Hoàng Thúc Trâm trong sách *Trần Hưng Đạo* (xuất bản năm 1950) viết : "Trần Quốc Tuấn sinh vào khoảng niên hiệu Kiến Trung hồi đầu Trần, lối năm Kiến Trung thứ tư (1228) đến thứ bảy (1231), và ngài thọ trên dưới bảy mươi tuổi, độ từ 69 đến 72".

Các dịch giả sách *Bình thư yếu lược* (Nhà Xuất bản Khoa học Xã hội, Hà Nội, 1970) cũng viết tương tự rằng : "Ông sinh vào khoảng những năm 1226, 1227, 1228 hoặc 1229 gì đó".

Chính sử không ghi chép, nhưng dựa vào nhiều tài liệu khác nhau, các nhà nghiên cứu về lịch sử Phật Giáo Việt Nam đánh giá rất cao vị trí của Trần Tung (tức Tuệ Trung Thượng Sĩ). Trần Tung là anh của Trần Hưng Đạo (hiện vẫn chưa rõ có phải là anh em cùng cha cùng mẹ hay không), mà Trần Tung sinh năm 1230, thì theo lẽ thường, Trần Hưng Đạo phải sinh sau năm 1230).

Theo *Trần triều thế phả hành trạng*, thân mẫu của Trần Hưng Đạo là Trần Thị Nguyệt. Tuy nhiên, sách này cũng không hề cho biết thêm gì về bà. *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 5, tờ 17-b) nói rằng, Trần Hưng Đạo là con nuôi của Thụy Bà Công Chúa, mà Thụy Bà Công Chúa là em gái của An Sinh Vương Trần Liễu, chị gái của vua Trần Thái Tông. Chúng tôi xét rằng:

- Thân sinh của Trần Hưng Đạo là An Sinh Vương Trần Liễu sinh năm 1211, mà Trần Hưng Đạo là con thứ, do người vợ thứ của An Sinh Vương Trần Liễu sinh hạ, thì Trần Hưng Đạo rất khó có thể được chào đời vào khoảng trước năm 1230.

- Thụy Bà Công Chúa nhận Trần Hưng Đạo làm con nuôi. Sử cũ không ghi rõ, nhưng An Sinh Vương Trần Liễu sinh năm 1211 và vua Trần Thái Tông sinh năm 1218, thì Thụy Bà Công Chúa ắt phải sinh vào khoảng các năm 1214, 1215 hay 1216 gì đó. Là con nuôi của Thụy Bà Công Chúa, một người ở độ tuổi như vừa kể, Trần Hưng Đạo lại càng khó có thể được sinh ra trước năm 1230.

Tóm lại, Trần Hưng Đạo chỉ có thể chào đời vào khoảng sớm nhất cũng không trước năm 1230 và muộn nhất cũng không sau năm 1232.

Vợ của Trần Hưng Đạo là Công Chúa Thiên Thành (con gái út của Trần Thừa, tức cũng là cô ruột của Trần Hưng Đạo. Triều Trần có lệ bắt người trong họ lấy nhau nên mới có cuộc hôn nhân lạ lùng này). Công Chúa Thiên Thành sinh hạ tất cả năm người con (gồm một gái và bốn trai), đó là :

- *Trinh Công Chúa* : Hoàng Hậu của vua Trần Nhân Tông sau được con là vua Trần Anh Tông (1293 - 1314) tôn là Khâm Từ Bảo Thánh Hoàng Hậu.

- *Hưng Vũ Vương Trần Quốc Hiến* : Võ tướng có tài. Sau là Phò mã của vua Trần Thánh Tông (chồng của Thiên Thụy Công Chúa).

- *Hưng Trí Vương Trần Quốc Nghiễn* : Võ tướng có tài, lại cũng là người có công tổ chức khẩn hoang. Chính ông là người đã biến nhiều vùng đất hoang vu của khu vực Hải Dương thành ruộng đồng tươi tốt, thành xóm làng trù mật.

- *Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng* : Võ tướng có tài. Ông có con gái là Hoàng Hậu của vua Trần Anh Tông (bà Thuận Thánh Hoàng Hậu).

- *Hưng Hiến Vương Trần Quốc Uy* : Võ tướng có tài.

Ngoài ra, Trần Hưng Đạo còn có một người con gái nuôi, đó là *Nguyên Công Chúa*. Nguyên Công Chúa là vợ của vị danh tướng Phạm Ngũ Lão, người có ông lớn trong các cuộc chiến tranh vệ quốc chống quân Nguyên xâm lược lần thứ hai và lần thứ ba.

Sử cũ ghi rất rõ tên, tước hiệu và những cống hiến nổi bật của các con Trần Hưng Đạo, nhưng, ngoài việc khẳng định Trinh Công Chúa là con gái đầu lòng, những người con trai kế tiếp hiện vẫn chưa biết chắc thứ bậc anh em trước sau cụ thể ra sao. Trên đây chỉ là sự sắp xếp tạm thời, dựa trên cơ sở chủ yếu là suy đoán trật tự thông thường của cách đặt tước hiệu mà thôi.

Trước khi qua đời, Trần Hưng Đạo có dặn các con của ông rằng : "Ta chết thì phải hỏa táng, lấy hũ tròn đựng xương, bí mật chôn trong vườn An Lạc rồi san đất và trồng cây như cũ để người đời không biết chỗ nào". (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 6, tờ 10-b). Có lẽ cũng vì thế mà ngày nay, đền thờ Trần Hưng Đạo được dựng lên ở rất nhiều nơi trên đất nước ta, nhưng ngôi mộ thực sự của Trần Hưng Đạo thì chưa rõ ở vị trí cụ thể nào.

Cuộc đời của Trần Hưng Đạo là cuộc đời của một nhà đạo đức, của một người luôn luôn nêu cao và quyết tâm giữ vững tình đoàn kết keo sơn vì nghĩa cả. Ông là biểu tượng sáng ngời của tinh thần trung quân ái quốc. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* đã trân trọng chép những lời thật cảm động về đức độ của ông :

"Quốc Tuấn là con của An Sinh Vương. Khi mới chào đời, thầy tướng xem xong liền nói:

- Con người này về sau có thể giúp nước cứu đời.

Lớn lên, (Quốc Tuấn) khôi ngô và thông minh hơn người, đọc nhiều sách vở, trí gồm đủ cả văn lẫn võ. Trước đó, An Sinh Vương vốn có hiềm khích với Chiêu Lăng (chỉ vua Trần Thái Tông - NKT), để bụng căm ghét, cho nên, tìm người tài giỏi khắp bốn phương để dạy cho Quốc Tuấn. Khi sắp qua đời, An Sinh Vương cầm tay Quốc Tuấn và trời trăng lại rằng :

- Nếu con không vì cha mà lấy được thiên hạ thì ở nơi tuổi vàng, cha không sao nhắm mắt được.

Quốc Tuấn ghi nhớ lời của cha, nhưng không cho đó là lời nói phải. Khi vịn nước lung lay, chức lớn trong nước và quyền nắm quân đã ở trong tay, ông liền xem lời cha dặn nói với hai gia nô là Yết Kiêu và Dã Tượng. Hai gia nô can rằng :

- Kế ấy nếu thành thì được phú quý một đời nhưng lại để tiếng xấu đến ngàn năm. Nay Đại Vương phú quý như thế chưa đủ hay sao ? Chúng tôi thà chết già với kiếp gia nô chứ không mong làm quan mà bỏ cả trung hiếu, trọn đời, xin được tôn người bán thịt dê tên là Duyệt làm thầy mà thôi.

(Tích lấy từ Bắc sử. Xưa, vua nước Sở là Sở Chiêu Vương chạy loạn ra nước ngoài. Bấy giờ chỉ đó một người làm nghề bán thịt dê tên là Duyệt đi theo phò tá. Hết loạn trở về, Sở Chiêu Vương ban thưởng cho Duyệt. Duyệt từ chối mà nói rằng : - Nhà vua mất nước khiến tôi không được đi bán thịt dê, nay vua lấy lại được nước, tôi lại được làm nghề bán thịt dê như cũ, tước lộc thế là đủ, còn mong thưởng thêm gì nữa ?)

Quốc Tuấn nghe lời ấy, cảm phục đến phát khóc khen ngợi hai người mãi không thôi. Một hôm, Quốc Tuấn vờ hỏi con ông là Hưng Vũ Vương (tức Trần Quốc Hiến - NKT) :

- Xưa nay ai cũng muốn có thiên hạ để truyền cho con cháu. Con nghĩ sao về việc này ?

Hưng Vũ Vương trả lời :

- Việc đó dẫu là đối với người khác họ cũng không nên làm, huống chi là đối với người trong cùng một họ.

Quốc Tuấn cho là phải. Lại một hôm, Quốc Tuấn đem chuyện này nói với người con thứ là Hưng Nhượng Vương Trần Quốc Tảng. Quốc Tảng liền tiến lên thưa :

- Như Tống Thái Tổ kia, vốn chỉ là một lão nông, vậy mà còn có thể thừa cơ dấy lên, lấy được cả thiên hạ, huống là...

Quốc Tuấn rút gươm kể tội :

- Loạn thần đều do tặc tử mà ra !

Nói rồi định giết Quốc Tảng. Hưng Vũ Vương hay tin, vội tới khóc van xin chịu tội thay, bấy giờ, Quốc Tuấn mới tha. Ông dặn Hưng Vũ Vương rằng :

- Sau này, khi nào ta chết, phải đợi đến lúc đặt nắp quan tài lại rồi mới cho Quốc Tảng vào viếng" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 6, tờ 9-b và 10-a).

Đối với vua, Trần Hưng Đạo một lòng cung kính trung thành, đối với quý tộc và đồng liêu, Trần Hưng Đạo mực thước giữ đức hòa thuận, đối với quân sĩ và trăm họ, Trần Hưng Đạo nặng lòng thương yêu. Trần Hưng Đạo đã để lại cho muôn đời lời nói chứa chan tâm huyết của một bậc nặng lòng ưu thời mẫn thế: "Nói sức dân làm kế rễ sâu gốc vững, ấy là thượng sách giữ nước" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 6, tờ 9 a-b).

Trần Hưng Đạo là một nhà văn hóa lớn của nước nhà. Cống hiến của ông trải rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau, to lớn và sâu sắc. Chỉ cần một *Hịch tướng sĩ* vẫn không thôi, tên

tuổi của ông cũng đã đủ để bắt diệt với lịch sử, huống chi, sự nghiệp của ông nào phải chỉ có bấy nhiêu.

Trần Hưng Đạo là người đã có công khai sinh ra nền khoa học quân sự nước ta. Trước Trần Hưng Đạo, bao thế hệ anh hùng hào kiệt đã chiến đấu và chiến thắng, góp phần đắc lực vào việc làm phong phú kho tàng kinh nghiệm chống xâm lăng. Nhiều bậc anh hùng hào kiệt đã thực sự tiến tới đỉnh cao của nghệ thuật cầm quân, thậm chí là đỉnh cao điêu luyện của loại hình nghệ thuật đặc biệt này. Nhưng, một nền khoa học thực sự với đầy đủ ý nghĩa của từ này, thì phải đợi đến Trần Hưng Đạo mới chính thức được khai sinh. Trước tác có giá trị đánh dấu sự kiện này chính là *Binh thư yếu lược*.

Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (bản kỉ, quyển 6, tờ 14-b) viết :

"Quốc Tuấn lại sưu tầm binh pháp của các nhà, soạn thành phép *Bát quái cứu cung đồ* đặt cho tên gọi là *Vạn Kiếp tông bí truyền thư*, Nhân Huệ Vương (Trần) Khánh Dư viết bài đề tựa cho sách ấy...". Và *Đại Việt sử kí toàn thư* đã sao lục toàn văn lời tựa này. Đó là một lần khẳng định.

Trong *Hịch tướng sĩ văn*, Trần Hưng Đạo cũng nói rõ : "Nay ta đã chọn trong binh pháp các nhà (những chỗ hay) rồi soạn thành bộ *Binh thư yếu lược*...". Đó là hai lần khẳng định.

Trong *Lịch triều hiến chương loại chí* (Nhân vật chí), Phan Huy Chú viết : "Lớn lên, ông (chỉ Trần Hưng Đạo - NKT) có dáng mạo hùng vĩ, thông minh hơn người, tài kiêm văn võ. Ông có soạn sách *Binh gia diệu lý yếu lược*, lại thu góp binh pháp của các nhà, soạn thành phép *Bát quái cứu cung đồ*, đặt cho tên gọi là *Vạn Kiếp tông bí truyền thư* để dạy cho chư tướng". Đó là ba lần khẳng định.

Các tác giả bộ *Khâm định Việt sử thông giám cương mục* (chính biên, quyển 8, tờ 34) viết: "Khi quân Nguyên sang xâm lấn, Quốc Tuấn tự mình soạn ra sách *Binh gia diệu lý yếu lược* và làm bài hịch trao cho các tướng. Đó là bốn lần khẳng định...v.v.

Nói khác hơn, thư tịch cổ đều khẳng định rằng Trần Hưng Đạo là người đã soạn ra bộ binh pháp. Tuy nhiên, tên gọi của bộ binh pháp này mỗi nơi chép một cách, và đó cũng là điều thường thấy trong thư tịch xưa. Theo chúng tôi, có lẽ nên theo lời của chính Trần Hưng Đạo trong *Hịch tướng sĩ văn* để gọi bộ binh pháp đó là *Binh thư yếu lược*. Và các sách kể trên có lẽ cũng đã gọi *Binh thư yếu lược* bằng nhiều tên gọi khác nhau mà thôi.

Với việc biên soạn và phổ biến *Binh thư yếu lược*, Trần Hưng Đạo đã để lại cho đời sau bài học vô giá về kinh nghiệm chống xâm lăng, rằng, muốn đập tan những đội quân ăn cướp tàn bạo và thiện chiến, thì bên cạnh tinh thần chiến đấu, lí tưởng chiến đấu và trình độ võ nghệ cũng như thiết bị kĩ thuật, tướng sĩ còn phải được trang bị những tri thức về binh pháp. Với việc khai sinh *Binh thư yếu lược*, Trần Hưng Đạo thực sự trở thành nhà lí luận quân sự xuất sắc đầu tiên của nước ta. Tuy nhiên, Trần Hưng Đạo không phải chỉ là nhà lí luận xuất sắc mà còn là nhà chỉ huy thiên tài. Ông là linh hồn của những chiến công chống xâm lăng vang dội ở thế kỉ XIII.

Trong cuộc chiến tranh vệ quốc năm 1257 - 1258, Trần Hưng Đạo tuy chỉ mới là một vị tướng trẻ nhưng đã được triều đình tin cậy trao trọng trách : "Tháng 9 (năm 1257 - NKT),



Vua xuống chiếu, hạ lệnh cho tướng sĩ thủy bộ ra ngăn giữ biên giới theo sự tết chế của (Trần) Quốc Tuấn” (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 22-a) .

Từ sau hội nghị quân sự Bình Than (năm 1282), Trần Hưng Đạo được trao quyền chỉ huy cao nhất của quân đội nhà Trần. "Tấn phong Hưng Đạo Vương Quốc Tuấn làm Quốc Công Tiết Chế, thống lĩnh quân đội cả nước, cho được chọn các tướng có tài cầm quân đi chỉ huy các đơn vị" (*Đại Việt sử kí toàn thư* , bản kỉ, quyển 5, tờ 43-b) .

Trong cuộc chiến tranh vệ quốc năm 1285 và cuộc chiến tranh vệ quốc năm 1287 - 1288. Trần Hưng Đạo là người đã tổ chức nên những thắng lợi oanh liệt nhất của quân dân Đại Việt. Tên tuổi của Trần Hưng Đạo gắn liền với những võ công hiển hách nhất, mà nổi bật hơn cả là trận Bạch Đằng (9 - 4 - 1288).

Sinh thời, uy danh lừng lẫy của Trần Hưng Đạo đã ra khỏi biên giới quốc gia, "tiếng vang đến cả giặc phương Bắc, khiến chúng thường gọi ông là An Nam Hưng Đạo Vương chứ không dám gọi tên" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 6, tờ 11-a) .

Bảy thế kỉ trôi qua, tên tuổi và sự nghiệp của Trần Hưng Đạo luôn tỏa sáng trong sử sách, luôn là nguồn cảm hứng vô tận của thơ văn và nhiều loại hình nghệ thuật khác ở nước ta. Vua Trần Minh Tông (1314 - 1329) viết:

*Sơn hà kim cổ song khai nhĩ,*

*Hồ Việt doanh thâm nhất ý lan.*

(Núi sông xưa nay mở đôi mắt mà xem,

Chuyện được thua của Hồ - chỉ nhà Nguyên - và Việt tựa lan can mà ngắm nghĩ.)

Đặng Minh Khiêm (? - 1585) viết:

*Sinh phùng gia hấn thế thâm trung,*

*Mậu kiến Trùng Hưng đệ nhất công.*

*Một hậu uy do tời Bắc lỗ,*

*Y thiên trường kiểm dạ minh phong.*

(Sinh vào lúc gia đình có sự hiềm khích nhưng vẫn thề giữ đức trung thành,

Giúp nên cơ nghiệp Trùng Hưng công lao hàng bậc nhất.

Dẫu đã mất mà uy phong còn bẻ gãy giặc Bắc.

Thanh kiếm dài tựa ngoài trời thuở xưa, đêm đêm thường rít lên như gió).

Cao Bá Quát (1808 - 1855) ca ngợi:

*Phổ xuất tiên nguyên cái thế hào,*

*Phấn thân tuấn quốc bất từ lao.*

*Xanh phù nhật cốc khâm hoài nhuệ,*

*Tấn tảo biên trần thủ đoạn cao.*

*Công mẫn Nam thiên thùy trúc bạch,*

*Uy dư Đông Hải thiệp ba đào.*

*Phần Dương khánh điển hồn dư sự,*

*Trường sử Hồ nhi thức tuấn mao.*

(Là đấng anh hào bậc nhất trong đời, vốn dòng dõi nhà tiên,

Dẫn mình vì nước chẳng nề khó nhọc.

Nâng đỡ xe mặt trời lòng những hăng hái,

Quét sạch bụi ngoài cõi, mưu lược thật cao siêu.

Công cao đầy cả trời Nam, lưu truyền sử sách,

Uy linh khắp biển Đông, sóng cả yên lặng.

Ân trách ở Phần Dương có sánh cũng bằng thừa,

Mãi khiến giặc Hồ phải biết tay tài giỏi).

Các cây đại bút thời Trần như Bùi Tông Quán, Phạm Sư Mạnh, Lý Tế Xuyên, Trương Hán Siêu...v.v. đều có những tuyệt tác về Trần Hưng Đạo và sự nghiệp của ông. Các nhà khoa bảng Nho học sau đó cũng thường dành cho Trần Hưng Đạo những đặc biệt kính trọng.

Ngày nay, hình như hiếm có vị anh hùng dân tộc nào họ tên và tước hiệu được trang trọng đặt cho nhiều đường phố, công sở và trường học như Trần Hưng Đạo.

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

## 2. CUỘC ĐỐI ĐẦU CÓ MỘT KHÔNG HAI TRONG LỊCH SỬ ĐẠI VIỆT

Cuối thế kỉ thứ XII, đầu thế kỉ thứ XIII, trên vùng đất thuộc Mông Cổ ngày nay, một cuộc chiến tranh đẫm máu giữa các bộ tộc du mục người Thát-đát (Tartare) đã diễn ra. *Nguyên triều bí sử* đã ghi lại khúc hát ngắn của người Thát-đát lúc bấy giờ như sau :

*Trời có sao,*

*Đang quay cuồng,*

*Người người nổi dậy,*

*Không về chỗ ngủ của mình nữa,*

*Mà cướp đoạt của cải lẫn nhau.*

*Đất có cỏ*

*Đang lật nhào*

*Người người đã nổi dậy,*

*Không nằm trong chăn của mình nữa,*

*Mà đánh lẫn nhau.*



Sau thất bại của đội liên minh kị binh giữa người Ba Lan người Đức (1241), dân Đức chỉ còn biết cầu nguyện : *Xin Chúa hãy cứu vớt chúng con khỏi họa Tác-ta.*

Bà Thái Hậu của vua nước Pháp lúc bấy giờ là Saint Louis hỏi Saint Louis rằng : "Nếu quân Tác-ta đến đây thì con sẽ làm gì?". Saint Louis trả lời : "Nếu chúng kéo đến, một là ta đuổi chúng về địa ngục, nơi mà chúng đã ngoi lên, hai là chúng ta phải về thiên đường hưởng hạnh phúc mà Chúa đã dành cho chúng ta."

Ngay cả đến cả Giáo Hoàng La Mã lúc ấy là Grégoire thứ IX cũng phải thốt lên rằng : "Nhiều việc khiến cho ta lo lắng, như những việc đáng buồn ở đất Thánh, những mối lo âu của giáo hội hay tình hình đáng thương của đế quốc La Mã. Nhưng, ta nguyện quên hết những lo âu đó mà chú tâm đến tai họa Tác-ta, sợ rằng hiện nay uy danh của đạo Cơ Đốc sẽ bị bọn Tác-ta tiêu diệt mất. Nghĩ đến đó là ta xương nát tủy khô, thân gầy kiệt, đau xót vô cùng, khiến ta không biết làm gì đây".

- Trong khoảng mười năm, kể từ sau năm 1241, đế quốc Mông Cổ tuy có bị khủng hoảng bởi sự lục đục trong nội bộ giai cấp thống trị nhưng nhìn chung, phần đất đai đã chiếm vẫn được giữ vững.

- Năm 1251, khi Mongk (phiên âm Hán-Việt là Mông-kha) lên ngôi Hãn, cuộc khủng hoảng nội bộ của Mông Cổ chấm dứt, những cuộc viễn chinh lại được ráo riết tiến hành. Từ đây, quân Mông Cổ đẩy mạnh bành trướng xuống phương Nam.

- Năm 1252, ngay khi cuộc thôn tính Trung Quốc còn đang dở dang, Mông-kha đã ra lệnh cho em của hãn là Qubilai (phiên âm Hán-Việt là Hốt-tất-liệt) đánh xuống Vân Nam. Cùng đi với Hốt-tất-liệt còn có tướng U-ri-ang-kha-đai (có nhiều cách phiên âm Hán-Việt khác nhau, nhưng phổ biến nhất là Ngột-lương-hợp-thai). Bấy giờ, đất Vân Nam thuộc lãnh thổ của nước Đại Lý và vua của Đại Lý lúc ấy là Đoàn Hưng Trí. Chỉ trong một thời gian ngắn, nước Đại Lý bị tiêu diệt. Hốt-tất-liệt trở về Mông Cổ, giao quyền quản lí đất này cho Ngột-lương-hợp-thai.

- Năm 1257, quân Mông Cổ do Ngột-lương-hợp-thai chỉ huy đã men theo sông Hồng, tràn xuống xâm lược nước ta và đó cũng là lần đầu tiên, quân Mông Cổ nếm mùi thất bại ở Đại Việt.

- Năm 1260, Hốt-tất-liệt lên ngôi Hãn. Sau một thời gian ngắn tập trung ổn định ngôi vị, Hốt-tất-liệt đã cho quân dồn dập tấn công nhà Tống. Năm 1278, nhà Tống bị diệt, Hốt-tất-liệt hoàn tất cuộc thôn tính Trung Quốc đã mở đầu trước đó bốn mươi năm.

- Cũng sau khi hoàn tất việc thôn tính đất đai Trung Quốc, Hốt-tất-liệt bắt đầu huy động những đạo quân thiện chiến và khổng lồ để đánh xuống nước ta. Đây quả thật là cuộc đối đầu có một không hai trong lịch sử Đại Việt.

Bấy giờ, đế quốc Mông Cổ chẳng khác gì một con ác thú khổng lồ, mình phủ kín cả một vùng rộng lớn, kéo dài từ Hắc Hải đến Thái Bình Dương. Đất đai, dân số và tiềm lực kinh tế to lớn gấp hàng trăm lần so với Đại Việt.

Cũng bấy giờ, đất Đại Việt mới khoảng từ phía Bắc tỉnh Quảng Trị ngày nay trở ra, dân Đại Việt ước tính khoảng hơn ba triệu người. Đã thế, Đại Việt lại thoát khỏi cuộc khoảng

hoảng trăm trọng. Quá trình phục hồi uy danh Đại Việt của nhà Trần cũng chỉ mới tiến hành được mấy chục năm.

Hốt-tất-liệt đã làm tất cả những gì mà quyền uy Hoàng Đế của đế quốc Mông Cổ có thể làm. Nhưng Đại Việt đã thắng bởi Đại Việt là Đại Việt và hẳn nhiên là cũng bởi một phần vì lúc bấy giờ, Đại Việt có Trần Hưng Đạo - một trong những vị danh tướng kiệt xuất nhất của lịch sử nhân loại.

### 3. BA MƯƠI NĂM, BA LẦN ĐẠI HOA

Trong vòng ba mươi năm (từ năm 1257 đến năm 1288), đế quốc Mông Cổ khổng lồ đã ba lần ồ ạt cho quân tràn xuống xâm lược nước ta. Lần sau, lực lượng to lớn hơn, chuẩn bị công phu hơn và quyết tâm cũng cao độ hơn, khiến cho thử thách lịch sử đối với quân dân Đại Việt càng trở nên quyết liệt hơn.

*Cuộc xâm lăng lần thứ nhất* của quân Mông Cổ diễn ra vào cuối năm Đinh Tị (1257). Bấy giờ, quân Mông Cổ đã chiếm được nước Đại Lý và lập tức sử dụng Đại Lý như một bàn đạp lợi hại để đánh xuống nước ta. Tướng giặc là Ngột-lương-hợp-thai trực tiếp chỉ huy cuộc tấn công xâm lược này. Trước đó, chúng đã liên tiếp sai sứ giả sang hù dọa, nhưng triều đình nhà Trần không một chút mảy may lo sợ, ngược lại, còn ra lệnh bắt giam tất cả sứ giả của chúng. Thấy không thể dùng sứ giả để ép triều Trần đầu hàng, Ngột-lương-hợp-thai đã cho ba vạn quân, gồm chủ yếu là kỵ binh, bắt vua nước Đại Lý là Đoàn Hưng Trí dẫn đường đi đánh nước ta, nhưng, Đoàn Hưng Trí đã chết khi chưa kịp đến Đại Việt. Đối với một số nước khác, ba vạn quân chưa phải là lực lượng lớn, nhưng đối với Đại Việt đương thời, đó thực sự là đối thủ rất hùng mạnh.

*Cuộc xâm lăng lần thứ hai* diễn ra vào năm 1285. Bấy giờ Hốt-tất-liệt đã lên ngôi Hãn được 25 năm và đã đổi quốc hiệu là nhà Nguyên được 14 năm. Cũng bấy giờ, cuộc thôn tính Trung Quốc đã hoàn tất, đế quốc Nguyên đang ở vào thời sung mãn nhất. Con trai của Hốt-tất-liệt là Thoát-hoan được lệnh đem 500.000 quân tràn sang nước ta. Ngoài ra, đạo quân 100.000 tên do Toa-đô chỉ huy, trước đó đã có mặt ở Chiêm Thành, cũng được lệnh rời Chiêm Thành để đánh vào mặt Nam của Đại Việt. Sát cánh với Thoát-hoan và Toa-đô còn có nhiều tướng lĩnh dày dạn trận mạc khác. Tính ra, cứ khoảng sáu người dân Đại Việt (bất kể già trẻ gái trai), phải đương đầu với một tên giặc Nguyên hung hăng, tàn bạo và thiện chiến. Lịch sử kim cổ đông tây, quả thật là cực kì hiếm có một cuộc đối đầu nào hoàn toàn không cân xứng như vậy.

*Cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ ba* diễn ra vào cuối năm 1287 đầu năm 1288. Để có thể tiến hành cuộc chiến tranh xâm lược này, Hốt-tất-liệt đã buộc phải ban bố hai quyết định rất quan trọng. Một là đình chỉ cuộc chiến tranh xâm lược Nhật Bản đã được chuẩn bị công phu trước đó, nhằm dốc toàn lực cho cuộc tấn công vào nước ta. Hai là tìm cho bằng được những nguyên nhân thất bại thảm hại của chúng ở nước ta trong các cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ nhất và lần thứ hai. Hốt-tất-liệt đã huy động năm mươi vạn quân, giao cho Thoát-hoan làm tổng chỉ huy. Sát cánh với Thoát-hoan là một loạt những tướng lĩnh khét tiếng như Ô-mã-nhi, Áo-lỗ-xích, Phàn Tiếp, Tích Lệ Cơ, Trương Văn Hồ... Điều đáng nói là lần này, bên cạnh lực lượng kỵ binh và bộ binh hùng hậu, Hốt-tất-liệt còn thành lập một đạo



thủy binh, giao cho Ô-mã-nhi cầm đầu. Thủy binh vừa là một lực lượng tác chiến nguy hiểm, lại vừa là lực lượng hỗ trợ đắc lực cho kỵ binh và bộ binh vượt sông. Ngoài ra, Hốt-tất-liệt còn lập thêm một đoàn thuyền lương, giao cho tướng Trương Văn Hồ chỉ huy. Đây là việc làm tỏ quyết tâm khắc phục nạn thiếu lương thực và các vật dụng rất thiết yếu khác của quân xâm lăng. Cùng tiến vào nước ta lần này, ngoài năm chục vạn quân Nguyên còn có cả một lực lượng quý tộc và quan lại phản quốc do Trần Ích Tắc cầm đầu. Một lần nữa, vận nước lâm nguy. Xét về quy mô, cuộc đối đầu lần thứ ba không lớn hơn cuộc đối đầu lần thứ hai, nhưng xét về tính chất, đây là cuộc xâm lăng được chuẩn bị công phu và chặt chẽ nhất. Xét về quyết tâm, đây là lần tột độ nhất. Thành bại của cuộc đối đầu lần thứ ba này tác động trực tiếp và vô cùng mạnh mẽ đến sự tồn vong của Đại Việt và đến toàn bộ mưu đồ của nhà Nguyên trong cuộc bành trướng xuống phía Nam.

Ba mươi năm, ba trận đại cuồng phong bởi vó ngựa hung tàn của tổng cộng trên một triệu quân Mông-Nguyên ! Đó thực sự là thử thách cam go nhất của lịch sử Đại Việt. Công lao đưa Đại Việt thoát khỏi những cơn binh lửa xâm lăng hiểm nghèo mãi mãi thuộc về các thế hệ quân dân kiên cường của thế kỉ XIII, thuộc về các nhà lãnh đạo chiến tranh kiệt xuất thời Trần mà nổi bật hơn cả vẫn là Trần Hưng Đạo.

#### 4. TÂM THÀNH SÁNG MÃI VỚI THIÊN THU

Trước và trong toàn bộ quá trình tiến hành ba cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại, vấn đề bức thiết đặt ra hàng đầu đối với triều Trần vẫn là không ngừng củng cố và tăng cường sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân. Đây vừa là cơ sở quyết định thành bại của sự nghiệp giữ nước, lại cũng là nhân tố tác động thường xuyên và mãnh liệt đến sự tồn tại của chính bản thân triều Trần. Bấy giờ, trên Trần Hưng Đạo là cả một triều đình lớn với nhiều hệ thống cơ quan và tước vị khác nhau, trên triều đình còn có nhà vua và Thượng Hoàng nữa. Nhưng cũng bấy giờ, mọi hành vi và cử chỉ của Trần Hưng Đạo lại có ảnh hưởng to lớn nhất đối với khối đoàn kết chung. Sự thật đặc biệt này có nguồn gốc sâu xa từ chính quá trình thành lập của triều Trần.

Tháng chạp năm Ất Dậu (1225), để dọn đường cho họ Trần tiến nhanh vào vũ đài chính trị, Trần Thủ Độ đã khôn khéo dàn xếp, tạo ra cuộc tảo hôn giữa nữ hoàng của triều Lý là Lý Chiêu Hoàng (mới 7 tuổi) với cháu của mình là Trần Cảnh (mới 8 tuổi). Ngay sau đó, cũng chính Trần Thủ Độ đã bố trí để Lý Chiêu Hoàng nhường ngôi cho chồng là Trần Cảnh. Triều Trần được lập nên kể từ đấy. Trần Cảnh về sau có miếu hiệu là Trần Thái Tông.

Trước đó, chị ruột của Lý Chiêu Hoàng là Công chúa Thuận Thiên cũng đã được gả cho anh ruột của Trần Cảnh là Trần Liễu. Tháng giêng năm Đinh Dậu (1237), Trần Thủ Độ ép Trần Liễu phải nhường Công chúa Thuận Thiên (lúc này đã có thai với Trần Liễu được ba tháng) cho Trần Cảnh. Bởi sự kiện này, hai anh em Trần Liễu và Trần Cảnh xung đột nhau. Đã có lúc, họ từng đem quân dàn trận đánh nhau quyết liệt. Trước lúc lâm chung (vào năm 1251), mối hận thù vẫn còn đè nặng Trần Liễu.

Là con của Trần Liễu, dầu muốn hay không thì Trần Hưng Đạo cũng phải chịu nhiều mối nghi ngờ khác nhau từ phía chú ruột là vua Trần Thái Tông, từ các con của vua Trần mà nổi bật là Trần Quang Khải, từ các bậc quý tộc mà đặc biệt là Trần Khánh Dư, từ nhiều quan lại

gồm đủ cả văn lẫn võ...v.v. Chỉ cần một chút sơ suất trong ứng xử, Trần Hưng Đạo cũng có thể gây ra những ngộ nhận mà hậu quả thật khó lường.

Trong bối cảnh khắc nghiệt của lịch sử lúc ấy, vấn đề củng cố và tăng cường sức mạnh của khối đoàn kết không chỉ là vấn đề riêng của đội ngũ quý tộc và tướng lĩnh cao cấp, không phải chỉ là vấn đề riêng của nội bộ triều đình. Đây là vấn đề lao chung của toàn dân, của đất nước. Trong chỗ đẩy đưa không ngờ, phần chủ yếu của gánh nặng giang sơn gần như đã đặt hết đôi vai của Trần Hưng Đạo. Với tất cả tâm thành và tài năng kiệt xuất, Trần Hưng Đạo đã có những đóng góp hết sức quan trọng vào sự nghiệp này. Ông đã để lại cho lịch sử một loạt những kinh nghiệm quý giá về nghệ thuật xây dựng khối đoàn kết vì nghĩa cả thiêng liêng là đánh ác giữ nước, mà trên đại thể, chúng ta có thể ghi nhận qua năm trước tuần tự từ thấp lên cao như sau :

**Bước thứ nhất :** *Khôn khéo hàn gắn những vết rạn nứt trong đội ngũ quý tộc và tướng lĩnh cao cấp.*

Như trên đã nói, cuộc xung đột giữa Trần Liễu với vua Trần, mối hiềm nghi của vua Trần đối với Trần Hưng Đạo, cùng sự bất hòa giữa Trần Quang Khải và Trần Khánh Dư với Trần Hưng Đạo.v.v.. vừa là biểu hiện lo ngại của sự rạn vỡ tình anh em ruột thịt và người thân tộc họ hàng, đồng thời, lại cũng vừa là biểu hiện của sự chia rẽ rất nguy hiểm giữa những người chịu trách nhiệm điều khiển vận mệnh quốc gia. Sử cũ đã trân trọng ghi chép nhiều mẫu chuyện cảm động về Trần Hưng Đạo. Ông luôn luôn bày tỏ lòng trung thành tuyệt đối của mình đối với nhà vua, xóa dần để rồi cuối cùng đã xóa sạch lòng ngờ vực của nhà vua và của bá quan văn võ. Chính Trần Hưng Đạo đã tự mình tắm rửa cho Trần Quang Khải, khiến cho quân sĩ ngạc nhiên và sung sướng reo hò rằng : Quốc Công tắm cho Thượng tướng, chúng ta không còn lo về nỗi chết chóc nữa ! Và, cũng chính Trần Hưng Đạo là người đã có ảnh hưởng rất to lớn đối với nhà vua và triều đình trong việc khôi phục lại chức tước cho danh tướng Trần Khánh Dư, khiến lòng người bấy giờ rất cảm kích...v.v. Đó chưa phải là tất cả, nhưng đó thật sự là những gì tốt đẹp được truyền tụng mãi không thôi. Ngờ vực và xích mích mất dần, mối quan hệ thân thiện cũng dần dần được xác lập, quý tộc và tướng lĩnh cao cấp hoan hỉ với bầu không khí trong lành, đủ để có thể sát cánh cùng nhau bàn chuyện quốc gia đại sự.

**Bước thứ hai :** *Tạo lập và ra sức bảo vệ cốt lõi bền vững của khối đoàn kết trong nội bộ quý tộc và tướng lĩnh cao cấp.*

Thắng lợi của bước thứ nhất tuy rất to lớn, nhưng, thắng lợi đó chỉ mới tạo ra được một khối người không xích mích với nhau, chưa đủ sức để tạo được một khối đoàn kết thực sự theo đúng nghĩa của từ này. Bằng tất cả đức độ và uy tín chính trị đặc biệt của mình, Trần Hưng Đạo đã tác động một cách rất tích cực và có hiệu quả đến quyết định vô cùng quan trọng của triều Trần : *triệu tập hội nghị Bình Than (năm 1282).*

Đây là cuộc hội nghị của những người giữ trọng trách lãnh đạo sự nghiệp giữ nước. Sở dĩ gọi là hội nghị Bình Than vì cuộc hội nghị này được tổ chức tại bến Bình Than. Bến Bình Than là một trong những bến của sông Bình Than tức sông Lục Đầu. Từ Bình Than, binh thuyền có thể men theo những con sông lớn nhỏ để đến lên các địa phương vùng Đông Bắc, và cũng từ Bình Than, thủy quân có thể dễ dàng tiến ra sông Bạch Đằng. Nói khác hơn, đây là một trong những vị trí rất quan trọng, nằm sát ngay miền duyên hải Đông Bắc nước

ta.(Bến Bình Than nay thuộc xã Trần Xá, huyện Nam Sách, tỉnh Hải Dương). Hội nghị Bình Than chỉ bàn đến hai vấn đề thiết yếu nhất. Diễn đạt theo cách nói hiện đại, thì hai vấn đề đó là xác định phương hướng chiến lược chống xâm lăng và tổ chức bộ máy chỉ huy chống xâm lăng. Cũng diễn đạt theo cách nói hiện đại, phương hướng chiến lược chống xâm lăng mà cuộc hội nghị này đã xác định là : phát động và lãnh đạo một cuộc chiến tranh vệ quốc mang tính nhân dân sâu sắc. Về bộ máy chỉ huy chống xâm lăng, hẳn nhiên là quyền quyết định tối hậu vẫn thuộc về vua Trần Nhân Tông và Thượng Hoàng Trần Thánh Tông, nhưng từ tháng 10 năm Quý Mùi (1283), tức là đúng một năm sau hội nghị Bình Than, Trần Hưng Đạo được trao quyền tòng chỉ huy quân đội :

"Tấn phong Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn làm Quốc Công Tiết chế, thống lĩnh quân sĩ cả nước, cho được quyền chọn bọn quân hiệu có tài chỉ huy, sai đi chỉ huy các đơn vị".

*(Đại Việt sử kí toàn thư, bản kỉ, quyển 5, tờ 43-b)*

Như vậy là kể từ đây, nói đoàn kết tức là đoàn kết chung quanh phương hướng chiến lược chống xâm lăng, đoàn kết chung quanh bộ máy chỉ huy chống xâm lăng. Hội nghị Bình Than thực sự có ý nghĩa cực kì quan trọng trong việc tạo ra cốt lõi bền vững cho khối đoàn kết của quý tộc và tướng lĩnh cao cấp, cho toàn bộ quá trình không ngừng mở rộng và củng cố khối đoàn kết của toàn dân. Thắng lợi của hội nghị Bình Than vừa có giá trị thực tiễn to lớn đối với cuộc kháng chiến chống xâm lăng thời Trần, vừa để lại cho hậu thế những bài học kinh nghiệm vô giá trên nhiều lĩnh vực khác nhau.

**Bước thứ ba :** *Trên cơ sở khối đoàn kết của quý tộc và tướng lĩnh cao cấp, nhanh chóng mở rộng và củng cố khối kết của toàn dân, biến quyết tâm của triều đình thành quyết tâm chung của cả nước.*

Sau hội nghị Bình Than, khối đoàn kết của quý tộc và tướng lĩnh cao cấp đã được thiết lập một cách vững vàng. Nhưng, cho dầu khối đoàn kết ấy vững vàng đến bao nhiêu đi chăng nữa thì đó cũng chỉ mới là một bộ phận. Đúng như tinh thần của hội nghị Bình Than, vấn đề đặt ra hàng đầu vẫn là làm sao để có thể nhanh chóng mở rộng và củng cố khối đoàn kết của toàn dân. Một lần nữa, với tất cả uy tín chính trị to lớn của mình, Trần Hưng Đạo đã khôn khéo tác động, góp phần quan trọng vào việc tạo ra một quyết định hết sức độc đáo của triều Trần là *triệu tập hội nghị Diên Hồng*.

Sở dĩ gọi là hội nghị Diên Hồng vì cuộc hội nghị này được tổ chức ngay trong điện Diên Hồng - một trong những cung điện ở kinh thành Thăng Long. Hội nghị Diên Hồng được triệu tập vào cuối năm 1284 (tính theo âm lịch), đầu năm 1285 (tính theo dương lịch). Đây là hội nghị các bậc phụ lão, đại diện cho nhân dân các làng xã cả nước.

Trong xã hội nông nghiệp thời trung đại, tiếng nói của các bậc cao niên bao giờ cũng có ảnh hưởng rất mạnh mẽ. Triệu tập được các bậc cao niên cũng có nghĩa là triều Trần đã nắm được lực lượng đang giữ vị trí chi phối xã hội đương thời. Hội nghị Diên Hồng được tổ chức đúng vào lúc quân Nguyên đã áp sát biên giới phía Bắc, vận nước đang bị đe dọa một cách nghiêm trọng. Hội nghị Diên Hồng được khai mạc đúng vào lúc Tết cổ truyền của dân tộc ta cũng sắp đến. Nói khác hơn, đây chính là thời điểm thuận tiện nhất để triều Trần có thể khơi dậy và cổ vũ ý chí độc lập của toàn dân.

Khác với hội nghị Bình Than, do đặc trưng riêng của thành phần tham dự, hội nghị Diên Hồng không bàn đến những vấn đề có ý nghĩa chiến lược và chiến thuật mà chỉ bàn xem nên đánh hay nên hòa với giặc. Ngoan cường chiến đấu thì mới mong giữ được tôn miếu cho xã tắc, giữ được cơ nghiệp cho mọi nhà. Hòa cũng có nghĩa là phải chấp nhận để mặc cho giặc ngoại xâm giày xéo, phải chịu cảnh nước mất nhà tan. Hòa cũng có nghĩa là đầu hàng. Sử cũ chép rằng : “Các cụ phụ lão đều hô *quyết đánh*, vạn người như một, tiếng vang như cùng bật ra từ một cửa miệng vậy. (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 44 -a).

Hội nghị Diên Hồng là một sự kiện rất độc đáo của lịch sử nước ta, là một trong những đỉnh cao của nghệ thuật tập hợp lực lượng. Từ hội nghị Diên Hồng, khối đoàn kết toàn dân đánh giặc đã được xác lập. Cũng từ hội nghị Diên Hồng, quyết tâm của triều đình nhà Trần đã nhanh chóng biến thành quyết tâm chung của cả nước. Nhận định về ý nghĩa của hội nghị Diên Hồng, sử gia lỗi lạc của nước nhà thế kỉ XV là Ngô Sĩ Liên viết rằng :

“Giặc Hồ (chỉ giặc Nguyên - NKT) tràn vào cướp, ấy là nạn lớn của quốc gia. Hai vua (chỉ Thượng Hoàng Trần Thánh Tông và cả vua Trần Nhân Tông - NKT) cùng họp mưu, bề tôi cùng họp bàn, há chẳng có kế sách gì hay sao mà phải ban yến để hỏi ý các bậc phụ lão ? Ấy chẳng qua cũng vì (Thượng Hoàng Trần) Thánh Tông muốn nhân đó để xét lòng thành ủng hộ của dân và cũng để dân nghe lời dụ dỗ mà cảm kích để rồi hăng hái hơn đó thôi. Làm như vậy là giữ được cái đức của người xưa, trọng người già để xin lời hay vậy.” (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 44a-b).

**Bước thứ tư :** *Khôn khéo tìm mọi biện pháp để kích động mạnh mẽ lòng yêu nước thiết tha, lòng căm thù giặc sâu sắc của tướng sĩ và của toàn dân, tạo ra khí thế quật cường bừng bừng khắp cả nước.*

Để thực hiện bước thứ tư này, triều Trần đã thực hiện nhiều chủ trương sinh động khác nhau, tuy nhiên, hiệu quả phi thường hơn cả vẫn là việc Trần Hưng Đạo kịp thời biên soạn và phổ biến bài *Hịch tướng sĩ* văn.

Mở đầu áng hùng văn này, Trần Hưng Đạo chân thành bày tỏ lòng cảm phục gương tiết tháo của các bậc anh hùng hào kiệt, đồng thời, chân thành bày lòng yêu nước nồng nàn của chính mình.

*Hịch tướng sĩ* văn đã phân tích một cách sâu sắc về mối quan hệ mật thiết giữa quyền lợi của cá nhân, gia đình và dòng họ với quyền lợi của cộng đồng và quốc gia, để rồi kết luận một cách chắc chắn và đầy thuyết phục rằng : *nước mất thì nhà tan*, rằng muốn bảo vệ quyền lợi của cá nhân, của gia đình dòng họ thì phải xả thân đánh giặc cứu nước.

*Hịch tướng sĩ* văn cũng chỉ rõ : muốn chiến thắng đội quân xâm lăng to lớn, khét tiếng tàn bạo và thiện chiến như quân Nguyên, thì ngoài tinh thần chiến đấu, lí tưởng chiến đấu và trình độ võ nghệ, quân sĩ còn phải được trang bị về lí luận quân sự, được huấn luyện về binh pháp. Lúc bấy giờ, bộ binh pháp duy nhất phù hợp với cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại mà nhân dân ta đang tiến hành cũng chính là *Binh thư yếu lược* của Trần Hưng Đạo.

Kết thúc *Hịch tướng sĩ* văn, Trần Hưng Đạo chỉ rõ, khi vận nước lâm nguy, lẽ sống thiêng liêng nhất của mọi thần dân chính là quả cảm đánh giặc để cứu nước.



Với *Hịch tướng sĩ* văn, Trần Hưng Đạo đã có công khơi dậy ngọn lửa quật cường trong lớp lớp binh sĩ và trong đông đảo nhân dân. Bấy giờ, cảm kích trước lời hịch đanh thép của Trần Hưng Đạo, binh sĩ đã tự khắc vào cánh tay mình hai chữ *sát Thát* (nghĩa là giết giặc Thát-đát tức giặc Nguyên). *Hịch tướng sĩ* văn không chỉ là một văn kiện quân sự mà còn thực sự là một trong những áng thiên cổ hùng văn, có giá trị bất diệt trong lịch sử văn học của nước nhà.

**Bước thứ năm :** *Biến nhiệm vụ đánh giặc cứu nước thành một nội dung của pháp luật, ai có công lao sẽ được khen thưởng, ai có tội bị trừng phạt.*

Với tư cách là lực lượng chịu trách nhiệm điều khiển vận mệnh quốc gia, triều Trần đã tiến hành một loạt những biện pháp tổ chức và động viên rất tích cực. Tuy nhiên, tất cả các biện pháp đó chỉ có ý nghĩa đối với những ai giàu thiện chí và nghĩa khí mà thôi. Với những kẻ bạc nhược, triều Trần sẵn sàng nghiêm trị. Một sắc lệnh rất kiên quyết đã kịp thời được ban hành : "Tất cả các quận huyện trong nước, nếu có giặc ngoài đến, phải liều chết mà đánh, nếu sức không địch nổi thì cho phép lẩn tránh vào rừng núi, không được đầu hàng". Sắc lệnh này đã phát huy được tác dụng rất to lớn. Sau này, chỉ có hai làng là Bàn Hà và Ba Điểm (cả hai đều thuộc đất tỉnh Hải Dương ngày nay) vi phạm sắc lệnh này. Một số quý tộc và quan lại cũng bị trừng trị bởi tội danh này. Sử cũ chép rằng :

"Người nào đã đầu hàng giặc, thì giờ đây, dầu đang ở trên đất giặc cũng bị kết án vắng mặt, hoặc khép tội lưu, hoặc khép tội xử tử và tịch thu gia sản sung công.

Bọn Trần Kiện và Trần Văn Lộng bắt phải đổi thành họ Mai, riêng Trần Ích Tắc vì là thân vương, không nỡ bắt đổi họ, chỉ bắt gọi là *ả Trần* tức là có ý mỉa mai sự nhu nhược như đàn bà con gái. Vì sự này, sử cũ thỉnh thoảng vẫn chép là *ả Trần* hoặc *Mai Kiện*. Đặng Long từng là bề tôi được hầu cận, trước đó, Nhà vua đã có ý định phong hãn làm Hàn Lâm Học Sĩ nhưng Thượng Hoàng ngăn đi, vì thế, Đặng Long oản giận rồi đi đầu hàng giặc, sau bị bắt và bị xử tử. Quân dân (nếu lỡ hàng) đều được miễn tội chết. Duy có hai làng Bàn Hà và Ba Điểm, giặc vừa vào đã hàng ngay, cho nên, (triều đình) bắt hai làng ấy phải chịu tội đồ, bắt làm *sai sử hoành* (tức chỉ được làm tới tở - NKT), không được làm quan" (*Khâm định Việt sử thông giám cương mục* – chính biên, quyển 8, tờ 14).

Năm bước tuần tự từ thấp lên cao, từ phạm vi điều đình đến quy mô cả nước, sắc thái tuy có khác nhau, song, tất cả thể hiện một cách sinh động và sâu sắc nâng lực xây dựng khối đoàn kết, thể hiện tâm thành ngời sáng của tuyệt đại đa số quý tộc họ Trần mà nổi bật hơn cả là Trần Hưng Đạo. Nguyên nhân quyết định thắng lợi trọn vẹn của sự nghiệp giữ nước ở thế XIII đã xuất hiện rõ rệt trong từng bước của toàn bộ quá trình này.

## 5. TRẦN HƯNG ĐẠO - LINH HỒN CỦA NHỮNG CHIẾN CÔNG HIỂN HÁCH NHẤT THẾ KỈ THỨ XIII.

### a) Tổng chỉ huy lực lượng bảo vệ biên giới phía Bắc

Từ giữa năm Bính Thìn (1256), tình hình đã trở nên rất căng thẳng. Bấy giờ, nhà Tống liên tiếp thất bại trước những cuộc tấn công tàn bạo của quân Mông Cổ. Sự sụp đổ quá nhanh chóng của quốc gia Đại Lý và những thất bại thảm hại của quân đội "thiên triều" đã



tác động không nhỏ đến nước ta. Những kẻ vừa yếu bóng vía, vừa nặng lòng tị hiềm đã bắt đầu tìm đường bỏ trốn khỏi đất nước. Một trong những người đầu tiên, tiếc thay, lại là con trai trưởng của Trần Liễu, anh của Trần Hưng Đạo.

“Mùa thu, tháng 7 (năm Bính Thìn, 1256 - NKT), Vũ Thành Vương là (Trần) Doãn đem cả nhà trốn sang nước Tống. Thổ quan (của nhà Tống) ở phủ Tư Minh là Hoàng Bính, bắt và đem nạp lại cho ta.

(Trần) Doãn là con của An Sinh Vương (tức Trần Liễu - NKT) do bà Hiến Từ sinh hạ. An Sinh Vương vốn có hiềm khích với Nhà vua, rồi bà Hiến Từ cũng qua đời, cho nên (Trần) Doãn bị thất thế, chạy trốn sang nước Tống. Vua thưởng tiền lụa cho (Hoàng) Bính, đồng thời, hạ lệnh phòng giữ biên giới rất nghiêm ngặt. (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 21 b).

Dẫu có thân sinh là người từng xung đột, đem quân đánh lại Nhà vua, dẫu có anh ruột là người đang tâm bỏ trốn khỏi đất nước và dẫu chính bản thân mình cũng đang bị không ít triều thần nghi hoặc, Trần Hưng Đạo vẫn được vua Trần lúc đó là Trần Thái Tông (1226-1258) tin cậy mà trao phó trọng trách trấn giữ vùng biên cương phía Bắc của nước nhà :

"Tháng 8 (năm Đinh Tị, 1257 - NKT), chủ trại Quy Hóa là Hà Khuất sai người chạy trạm về báo rằng có sứ giả của nhà Nguyên sang. Tháng 9, (Nhà vua) xuống chiếu, ra lệnh cho các tướng tá hữu đem quân thủy và quân bộ ra ngăn giữ ở biên giới. Tất cả đặt dưới sự chỉ huy của (Trần) Quốc Tuấn. Mùa đông, tháng 11, lệnh truyền cả nước sắm vũ khí." (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 22a).

Khi nhận trọng trách này, Trần Hưng Đạo chưa đầy ba mươi tuổi, nhưng, vị tướng quân còn rất trẻ ấy đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ của mình, xứng đáng với niềm tin cậy lớn lao của triều đình và của các tướng sĩ đương thời. Toàn bộ dải biên cương trùng điệp núi rừng ở phía Bắc được kiểm soát chặt chẽ, mọi động tĩnh lớn nhỏ ở biên giới đều được thông báo về triều đình một cách kịp thời. Những thông tin phong phú và chính xác do Trần Hưng Đạo chuyển đạt về có ý nghĩa hết sức quan trọng đối với việc hoạch định kế sách chung của triều đình. Thắng lợi của cuộc kháng chiến lần thứ nhất gắn liền với công lao trấn giữ biên cương của Trần Hưng Đạo.

Tháng 12 năm 1257, từ lãnh thổ nước Đại Lý mới chiếm được, tướng Mông Cổ là Ngột-lương-hợp-thai đem gần ba vạn quân men theo sông Hồng để ồ ạt tiến xuống phương Nam, mở cuộc chiến tranh xâm lược Đại Việt. Vua Trần lúc bấy giờ là Thái Tông đã tự mình làm tướng, tổng chỉ huy quân sĩ cả nước tiến lên vùng Bình Lệ Nguyên (vùng Hương Canh, tỉnh Vĩnh Phúc ngày nay) để đón đánh giặc. Trần Hưng Đạo là một trong những vị dũng tướng đã sát cánh chiến đấu bên cạnh Nhà vua và đã có công gây cho đội quân của Ngột-lương-hợp-thai những thiệt hại không nhỏ. Đây chính là một trong những cơ sở quan trọng để sau này triều Trần trao quyền tổng chỉ huy quân đội cho Trần Hưng Đạo trong các cuộc chiến tranh lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1288).

**b) Người đứng đầu lực lượng vũ trang cả nước, người trực tiếp vạch kế hoạch chung, đồng thời cũng là tướng chỉ huy những trận quan trọng nhất trong cuộc kháng chiến lần thứ hai.**

Nếu như trước và trong cuộc kháng chiến lần thứ nhất (1257), Trần Hưng Đạo chỉ mới là một vị dũng tướng, tổng chỉ huy lực lượng bảo vệ biên giới phía Bắc, thì trước và trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285) cũng như lần thứ ba (1288), Trần Hưng Đạo là người được trao toàn quyền điều khiển mọi hoạt động của lực lượng vũ trang cả nước. Trọng trách này, Trần Hưng Đạo chính thức đảm nhận kể từ tháng 10 năm 1283. Kể từ đây, Trần Hưng Đạo ngày đêm chăm lo luyện tập tướng sĩ, không ngừng nâng cao khả năng chiến đấu của quân đội Đại Việt. Cũng kể từ đây, Trần Hưng Đạo dốc hết trí lực, cùng với Thượng Hoàng, Nhà vua và các tướng lĩnh cao cấp, quyết tìm cho bằng được kế sách đối phó hữu hiệu nhất với quân Mông-Nguyên xâm lăng. Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai, chính Trần Hưng Đạo là người đã khai sinh ba quyết định có ý nghĩa chiến lược rất đúng đắn. *Một là* đối với đạo quân 50 vạn tên do Thoát-hoan chỉ huy, tấn công từ mặt Bắc xuống, ta tạm thời rút lui để bảo toàn lực lượng, tránh ngọn đòn mạnh nhất của kẻ thù đang lúc hung hăng. *Hai là*, đối với đạo quân gần một chục vạn tên do Toa-đô chỉ huy, từ Chiêm Thành tiến lên, ta quyết tâm đánh trả, không để cho chúng có cơ hội nhanh chóng nhập cục với đại binh Thoát-hoan (Nhiệm vụ quan trọng này được trao phó cho Trần Kiện. Rất tiếc là chẳng bao lâu sau đó thì Trần Kiện đã đem gia quyến đi hàng giặc. Đi đến biên giới phía Bắc, Trần Kiện bị gia nô của Trần Hưng Đạo bắn chết). *Ba là*, kiên trì tổ chức hàng loạt những cuộc nghi binh nhằm đánh lạc hướng của kẻ thù và nhằm bảo toàn lực lượng của ta, vững chí chờ thời cơ thuận tiện nhất để mở một loạt chiến dịch lớn, quét sạch quân xâm lăng khỏi bờ cõi.

Trong thử thách cam go, hiển nhiên là cũng có những người không đủ khả năng và bản lĩnh để vượt qua. Họ tỏ ra hoang mang, dao động và mất dần niềm tin vào thắng lợi cuối cùng.

Tháng giêng năm Tân Tị (1281), chú họ của vua Trần là Trần Di Ái (cũng tức là Trần Ái) được sai sang châu vua Nguyên. Cùng đi với Trần Di Ái còn có bọn Lê Mục và Lê Tuân. Nhưng phái bộ yếu bóng vía này đã đầu hàng và nhận chức tước của nhà Nguyên. Vua nhà Nguyên lập tức phong Trần Di Ái làm An Nam Quốc Vương, đồng thời, cho 1.000 quân sĩ hộ tống trở về. Tháng 6 năm Nhâm Ngọ (1282), Trần Di Ái và đồng bọn bị triều đình trị tội.

Ngay chính vua Trần cũng có lúc không tránh khỏi chút lưỡng lự, băn khoăn. Phải sau khi nghe được câu nói bưng bưng ý chí và niềm tin sắt đá của Trần Hưng Đạo : "Bệ hạ muốn hàng xin trước hãy chém đầu thần đi đã", thì tinh thần của vua mới thực sự được củng cố vững chắc.

Cũng trong thử thách cam go, sự phân hóa để rồi cuối cùng là phân cực, thể hiện một cách rất sâu sắc. Tuyệt đại đa số quân sĩ và tướng lĩnh cao cấp lúc bấy giờ đều xứng đáng là những người đại diện tiêu biểu cho khí phách hiên ngang của dân tộc, tuy nhiên, điều ấy không có nghĩa là không hề có những kẻ cam lòng đi đầu hàng và thậm chí là làm tay sai cho giặc.

Như đã nói ở trên, đi hàng giặc sớm hơn cả có lẽ là Vũ Thành Vương Trần Doãn (đầu hàng năm 1256) và kể đến là Thượng Vị Chương Hiến Hầu Trần Kiện cùng bọn lieo thuộc là Lê Trắc (đầu hàng năm 1285).

Tháng 3 năm 1285, đến Thượng Vị Văn Chiêu Hầu Trần Lộng, Chiêu Quốc Vương Trần Ích Tắc (chú ruột của vua Trần Nhân Tông) cùng các quan khác như Phạm Cự Địa, Lê Diễn, Đặng Long... v.v. chạy sang nhà Nguyên.

Chi li ra, danh sách những kẻ đầu hàng và phản bội không phải chỉ có bấy nhiêu, nhưng, thực tế lịch sử đã cho thấy rõ, tất cả họ bất quá chỉ là một nhóm nhỏ lạc loài. Muôn đời khinh ghét họ và cả chút lương tri nhỏ nhoi còn lại trong mỗi con người của họ cũng giày vò họ. Sử cũ cho hay : “Sau khi quân Nguyên thất bại, (Trần) Ích Tắc lòng những hổ thẹn, chết ở đất Bắc”. Bấy giờ, chết vì hổ thẹn, nào phải chỉ có một mình Trần Ích Tắc đâu.

Đầu tháng 5 năm 1285, khi mà quân xâm lăng đã mệt mỏi sau hàng loạt thất bại của những cuộc hành quân truy lùng, khi mà nguồn hậu cần của chúng ngày một kiệt quệ và đặc biệt là khi mà khí hậu nóng bức của mùa hè ở nước ta bắt đầu gây tác hại đối với người và ngựa phương Bắc, Trần Hưng Đạo hạ lệnh phản công. Quyết định này được vua Trần và các tướng lĩnh cao cấp đương thời ủng hộ mạnh mẽ. Sử cũ ghi : “Quân giặc nhiều năm đi xa, lương thực chuyên chở cách trở hàng vạn dặm, thế tất là phải mệt mỏi. Nay ta lấy quân nhàn rỗi để chống quân mệt mỏi, thì trước là ắt sẽ làm cho chúng nhụt chí, sau nhất định sẽ đánh bại được bọn chúng. (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 48 a).

Mục tiêu đầu tiên mà Trần Hưng Đạo đặt ra là ồ ạt tấn công vào các dinh trại của giặc đóng dọc theo khúc sông Hồng chảy qua vùng Hưng Yên ngày nay. Đây là cuộc tấn công có ý nghĩa chia cắt lực lượng của Toa-đô (lúc này đang ở Thanh Hoá) với đại binh của Thoát-hoan. Kế hoạch của Trần Hưng Đạo cụ thể như sau :

- Trần Hưng Đạo vừa là tổng chỉ huy, vừa là người trực tiếp cầm đầu lực lượng đánh vào A Lỗ (tên một vị trí nằm gần khu vực ngã ba sông Hồng với sông Luộc).

- Chiêu Thành Vương (hiện chưa rõ tên), Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản và Nguyễn Khoái chỉ huy lực lượng đánh vào khu vực bến Tây Kết (Tên một xã nằm cạnh bãi Thiên Mạc hay còn gọi là Mạn Trù Châu, thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên ngày nay).

- Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật đánh vào Hàm Tử (tên một xã, nay thuộc huyện Khoái Châu, tỉnh Hưng Yên).

- Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải đánh vào Chương Dương (tên bến, cũng là tên xã, nay thuộc huyện Thường Tín, tỉnh Hà Tây) và Thăng Long. Nhiều đội dân binh, dưới sự chỉ huy của Trần Thông và hai anh em Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Truyền, cũng được lệnh phối hợp với Chiêu Minh Vương Trần Quang Khải trong trận đánh quan trọng này.

- Một bộ phận quân đội chủ lực do vua Trần trực tiếp cầm đầu, vẫn tiếp tục đóng ở Thanh Hóa, và từ Thanh Hóa, tổ chức các cuộc tấn công nhằm khống chế Toa-đô, không cho chúng có thể dễ dàng hội quân với Thoát-hoan ở vùng châu thổ sông Hồng.

Đối với nhà Trần, đây là cuộc phản công được chuẩn bị một cách tài tình và công phu từ nhiều tháng trước, nhưng đối với quân Nguyên xâm lược, đây là một bất ngờ lớn. Thoát-hoan và các tướng trong bộ chỉ huy của giặc đã tỏ ra lúng túng và hoàn toàn bất lực trước sự xoay chuyển mau chóng của tình hình. Giặc bị tấn công đồng thời và dồn dập ở nhiều nơi, bị chia cắt và bị tiêu diệt không cách gì có thể liên lạc và tiếp ứng cho nhau. Trong lúc đó các tướng lĩnh và quân sĩ của ta lại liên tiếp lập công. Tuy mức độ có khác nhau nhưng tất cả các mũi tấn công đều giành được thắng lợi, đúng như kế hoạch mà Trần Hưng Đạo đã dự kiến từ đầu.

Tháng 5 năm 1285, ta thu phục Thăng Long, Thoát-hoan cùng các tướng sĩ của hãn phải đem quân chạy sang vùng Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội ngày nay) và Bắc Ninh. Đầu tháng 6 năm 1285, vua và Thượng nhà Trần cũng đem quân từ Thanh Hóa đánh ra.

Tháng 6 năm 1285 là tháng đã diễn ra ba trận đối đầu trực tiếp và quyết liệt giữa một bên là tổng chỉ huy quân đội Đại Việt với một bên là tổng chỉ huy quân Nguyên xâm lăng. Trận thứ nhất là trận ở bờ bắc sông Hồng. Thoát-hoan bị thảm bại, phải rút về bờ bắc sông Như Nguyệt (tức sông Cầu). Trận thứ hai, Thoát-hoan buộc phải hốt hoảng bỏ vùng bờ bắc sông Như Nguyệt để chạy lên mạn sông Thương. Và trận thứ ba là trận quyết định. Thoát-hoan chẳng những phải bỏ chạy khỏi khu vực sông Thương mà còn phải mở đường máu, chạy thẳng về Trung Quốc. Trận thứ ba là trận khiếp đảm nhất đối với quân Thoát-hoan. Để có thể thoát thân, chúng vội vã bắc cầu phao vượt sông Thương, nhưng cũng vì vội vã mà chiếc cầu phao ấy không chịu nổi cuộc tháo chạy hỗn loạn của giặc. Cầu phao bị đứt khiến cho không biết bao nhiêu quân sĩ của giặc bị chết đuối.

Thoát-hoan chạy đến biên giới thì lập tức gặp phải trận mai phục của quân đội nhà Trần do con trai của Trần Hưng Đạo là tướng Hưng Vũ Vương Trần Quốc Hiến chỉ huy. Bộ tướng của Thoát-hoan là Lý Hằng bị trúng tên thuốc độc mà chết. Thoát-hoan phải chui vào ống đồng mới tránh được trận mưa tên thuốc độc nguy hiểm này.

Thoát-hoan bị đánh cho tả tơi nhưng Toa-đô ở Thanh Hóa vẫn không hề hay biết gì. Cuối tháng 6 năm 1285, Toa-đô cùng Ô-mã-nhi tiến quân ra Bắc. Vừa đến khu vực Khoái Châu (nay thuộc tỉnh Hưng Yên), đạo binh này của giặc đã bị vua Trần đem quân đánh cho tan tác. Toa-đô buộc phải chạy về Tây Kết nhưng chưa kịp ổn định quân ngũ thì đã bị vây đánh quyết liệt. Với quân đội nhà Trần, đây là trận tấn công vào Tây Kết lần thứ hai, và trong trận Tây Kết lần thứ hai này, viên tướng khét tiếng của giặc là Toa-đô đã bị chém đầu. Ô-mã-nhi và các bộ tướng khác của hãn may mắn thoát chết, theo đường thủy chạy ra vịnh Hạ Long rồi chạy thẳng về Trung Quốc.

Như vậy là sau hai tháng dồn dập tấn công với hàng loạt những chiến dịch, trải rộng trên nhiều địa bàn khác nhau, quân dân ta đã giành toàn thắng. Hơn nửa triệu quân Nguyên xâm lược đã buộc phải tháo chạy khỏi Đại Việt. Thắng lợi to lớn này gắn liền với tài thao lược xuất sắc của các tướng lĩnh nước nhà thời Trần, nhưng, nổi bật hơn cả, tuyệt vời hơn tất cả vẫn là tên tuổi của Trần Hưng Đạo. Triều Trần đã tin cậy mà trao trọng trách cho ông, và chính ông cũng đã thật sự xứng đáng với niềm cậy lớn lao đó.

Đầu tháng 7 năm 1285, nhân dân Thăng Long hân hoan chào đón triều đình trở về, hân hoan chào đón vị nguyên soái lỗi lạc của nước nhà : Quốc Công Tiết Chế Trần Hưng Đạo.

### **c) Nhà chiến lược xuất sắc, tướng tổng chỉ huy thiên tài của cuộc kháng chiến lần thứ ba.**

Ngay sau khi cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai bị thất bại, Hốt-tất-liệt đã định đánh báo thù ngay, nhưng cũng chính vì sự thất bại thảm hại của cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ hai này, Hốt-tất-liệt nói riêng và triều đình nhà Nguyên nói chung, không được phép chủ quan như trước nữa. Để thực hiện cuồng vọng bành trướng của mình xuống Đại Việt và xuống vùng Đông Nam Á, Hốt-tất-liệt đã ban hành hai quyết định quan trọng. Như trên đã



nói, quyết định thứ nhất là : tạm thời đình chỉ cuộc tấn công xâm lược Nhật Bản đã được chuẩn bị công phu từ nhiều năm trước đó nhằm dồn hết lực lượng cho cuộc chiến tranh xâm lược nước ta. Và, quyết định thứ hai là : tìm cho bằng được những nguyên nhân dẫn đến sự thất bại của quân Nguyên trong hai lần xâm lược nước ta. Những cận thần của Hốt-tất-liệt, cũng là những chiến lược gia lừng danh của nhà Nguyên cho rằng, sở dĩ quân Nguyên thất bại ở nước ta là bởi ba nguyên nhân sau đây :

**Thứ nhất :** quân Nguyên thiếu lương thực một cách trầm trọng. *Kế thanh dã* (tức là kế làm vườn không nhà trống) của ta đã gây cho kẻ thù những khó khăn rất lớn. Để khắc phục tình trạng này, Hốt-tất-liệt ra lệnh thành lập một đoàn thuyền lương, giao cho Trương Văn Hồ chỉ huy. Trương Văn Hồ có nhiệm vụ chuyên chở lương thực cho đại binh của nhà Nguyên khi chúng xâm lược nước ta.

**Thứ hai :** nước ta nhiều sông ngòi, ao hồ, kênh rạch và bờ biển lại rất dài. Địa hình phức tạp này khiến cho kỵ binh nhà Nguyên không phát huy được sở trường chiến đấu. Để khắc phục tình trạng ấy, Hốt-tất-liệt đã ra lệnh thành lập ngay một đạo thủy binh, giao cho tướng Ô-mã-nhi cầm đầu. Đạo thủy binh này vừa chiến đấu như một đơn vị vũ trang độc lập, lại vừa phối hợp và giúp đỡ bộ binh cũng như kỵ binh khi chúng hành quân trên địa hình khó khăn và phức tạp của nước ta.

**Thứ ba :** Người và ngựa của nhà Nguyên rất khó thích ứng với khí hậu của nước ta. Để hạn chế bớt nạn tử vong vì ốm đau và bệnh dịch, Hốt-tất-liệt chủ trương huy động thật nhiều thầy thuốc và thuốc men phục vụ quân viễn chinh.

Những việc làm kể trên tỏ rõ quyết tâm của Hốt-tất-liệt rất lớn, công cuộc chuẩn bị cho cuộc chiến tranh xâm lược lần thứ ba là rất công phu.

Cuối năm 1287, đầu năm 1288, quân Nguyên bắt đầu tràn sang lãnh thổ nước ta. Tổng số quân xâm lăng lần này là 50 vạn, tất cả được đặt dưới quyền tổng chỉ huy của Thoát-hoan. Bên cạnh Thoát-hoan là một loạt các tướng khét tiếng khác của nhà Nguyên, như Ô-mã-nhi, Áo-lỗ-xích, Phàn Tiếp... Giặc chia quân làm ba đạo, tiến vào nước ta qua ba hướng khác nhau :

- Đạo thứ nhất gồm kỵ binh và bộ binh, băng qua ải Chi Lăn rồi tiến vào nước ta qua hướng Lạng Sơn. Thoát-hoan trực tiếp cầm đầu đạo này.

- Đạo thứ hai cũng gồm bộ binh và kỵ binh, từ đất Vân Nam của Trung Quốc, men theo sông Hồng mà tiến xuống nước ta. Đạo này do tướng Áo-lỗ-xích chỉ huy.

- Đạo thứ ba là đạo thủy binh, từ Quảng Đông của Trung Quốc, băng qua vịnh Hạ Long rồi men theo sông Bạch Đằng mà tiến vào. Đạo này do Ô-mã-nhi và Phàn Tiếp chỉ huy. Đoàn thuyền lương do tướng Trương Văn Hồ cầm đầu đi theo sau đạo thủy binh này.

Ngoài lực lượng quân sự như đã kể ở trên, nhà Nguyên còn thành lập sẵn một triều đình bù nhìn, giao cho tên phản thần Trần Ích Tắc làm "An Nam quốc vương".

Theo *Nguyên sử* thì trước khi Thoát-hoan xuất quân, chính Hốt-tất-liệt đã ra lệnh rằng : "Không được cho Giao Chỉ là nước nhỏ mà khinh thường". Một lần nữa, vận nước lại lâm nguy, và cũng một lần nữa, Trần Hưng Đạo được tin cậy trao phó trọng trách vạch kế hoạch chiến lược, đồng thời, tổng chỉ huy toàn bộ lực lượng chống xâm lăng. Khi được vua Trần



Nhân Tông hỏi thăm về việc chống giữ, Trần Hưng Đạo đã khẳng khái trả lời một cách đầy tự tin rằng : "Nước ta thái bình đã lâu, dân không biết tới việc binh đao, cho nên, vừa năm trước đây, khi quân Nguyên vào cướp thì có kẻ đầu hàng hoặc trốn chạy. Nhờ uy linh của tổ tông và cũng nhờ thần võ của bệ hạ, ta đã quét sạch được bụi Hồ. Nay, nếu chúng lại sang cướp nữa thì quân ta đã quen việc chiến trận mà quân giặc thì phải đi xa, đã thế lại còn nom nớp nỗi sợ thất bại của (Lý) Hằng và (Lý) Quán (những tên tướng trong cuộc xâm lược năm 1285 - NKT), cho nên chẳng còn chí khí chiến đấu nữa. Theo như thần thì việc ta phá được chúng là điều chắc chắn. (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 51 a-b).

Trên đại thể, kế hoạch chung của Trần Hưng Đạo như sau:

- Đối với hai đạo kỵ binh và bộ binh của nhà Nguyên tiến vào nước ta qua đường bộ, Trần Hưng Đạo chủ trương không đánh mà tạm thời rút lui, bảo toàn lực lượng để dồn sức cho trận đánh quyết định khi có cơ hội. Nhân dân các địa phương trên các tuyến hành quân của giặc nói riêng và nhân dân cả nước nói chung, phải triệt để thực hiện kế *thanh dã*, quyết không để quân giặc có thể cướp được lương thực và thực phẩm.

- Đối với đạo thủy binh và đoàn thuyền lương, phải quyết tâm đánh tan ngay khi chúng chưa kịp tiến vào nước ta, phá vỡ âm mưu phối hợp giữa kỵ binh, bộ binh với thủy binh của chúng, đồng thời, tiêu diệt nguồn hậu cần của đội quân xâm lăng khổng lồ này. Nhiệm vụ tiêu diệt thủy binh và đoàn thuyền lương của giặc được giao cho Phó Tướng Nhân Huệ Vương Trần Khánh Dư đảm trách.

Hai đạo kỵ binh và bộ binh do Thoát-hoan và Áo-lỗ-xích chỉ huy, do không bị đánh trả một cách quyết liệt, cho nên, đã tiến xuống Vạn Kiếp một cách khá dễ dàng. Đạo thủy binh của Ô-mã-nhi, tuy bị đánh một số trận khá mạnh ở Ngọc Sơn (Móng Cái, Quảng Ninh) và ở An Bang (Quảng Yên, Quảng Ninh) và tuy bị thiệt hại khá nặng, nhưng chúng vẫn băng qua được để rồi sau đó, hợp binh với Thoát-hoan và Áo-lỗ-xích tại Vạn Kiếp.

Giặc hợp binh được ở Vạn Kiếp là điều hoàn toàn nằm ngoài dự kiến ban đầu của Trần Hưng Đạo, bởi lẽ đó, Trần Hưng Đạo và Thượng Hoàng cũng như vua Trần rất tức giận. Sử cũ chép : "Thượng Hoàng được tin, sai Trung Sứ đến xiềng (Trần) Khánh Dư để giải về kinh đô trị tội. (Trần) Khánh Dư liền nói với Trung Sứ rằng :

- Lấy quân pháp mà xử, tôi thật đáng phải chịu tội chết, nhưng xin cho khát vài ba ngày để tôi xin bày mưu lập công rồi về chịu tội búa rìu cũng chưa muộn.

Trung Sứ nghe theo lời cầu xin đó.

(Trần) Khánh Dư dự liệu rằng (thủy binh) giặc đã qua, lương thuyền ắt sẽ phải đi sau, cho nên, thu tập binh sĩ để đợi bọn chúng. Chẳng bao lâu sau, quả nhiên lương thuyền đến, (Trần) Khánh Dư đánh bại chúng, bắt được không biết bao nhiêu là quân lương và khí giới, tù binh cũng không đếm xuể. (Trần) Khánh Dư lập tức sai chạy ngựa về báo tin mừng. Thượng Hoàng liền tha cho tội cũ, không hỏi đến nữa" (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 52-b và 53-a).

Đoàn thuyền lương do tướng Trương Văn Hổ chỉ huy bị đánh tan, cố gắng khắc phục khó khăn về lương thực của giặc không thực hiện được. Chiến thắng ở Vân Đồn của Trần Khánh Dư có ý nghĩa rất to lớn đối với diễn biến chung của cuộc kháng chiến lần thứ ba.

Tuy nhiên, ở Vạn Kiếp, Thoát-hoan, Áo-lỗ-xích và cả Ô-mã-nhi đều không hay biết gì. Chính Ô-mã-nhi đã tuyên bố một cách rất huênh hoang trong cuộc truy tìm chủ lực nhà Trần, rằng :

"Người chạy lên trời, ta theo lên trời, người chạy xuống đất, ta theo xuống đất, người lặn xuống nước, ta theo xuống nước".

Trước tình hình đó, Trần Hưng Đạo và Thượng Hoàng nhà Trần nhận định :

"Chỗ trông cậy của quân Nguyên là quân lương và khí giới, nay đã bị ta đánh bắt, nhưng sợ rằng (chủ tướng của) chúng vẫn chưa hay biết gì, nên vì thế mà tỏ ra hung hăng chẳng ?

(Nói rồi) bèn thả những tên bị bắt, cho về dinh của quân Nguyên để báo tin. Quân Nguyên quả nhiên vì thế mà phải rút lui." (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 53-a).

Thoát-hoan cố sức tìm diệt chủ lực của ta nhưng không sao tìm được. Quân Nguyên không dám đóng rải rác, cũng không dám chiếm giữ kinh thành Thăng Long, mà hầu hết đã co cụm lại ở Vạn Kiếp. Các mục tiêu lớn đặt ra trước lúc xuất quân đều không thực hiện được, trong lúc đó, lương thực thì đã cạn, thời tiết khắc nghiệt của mùa hè ở nước ta lại đang đến dần, con đường duy nhất của quân Nguyên lúc này là rút lui. Chúng thực sự hoang mang nên đã bàn với nhau rằng :

"Ở Giao Chỉ không có thành trì để giữ, không có lương thực để ăn, mà thuyền lương của Trương Văn Hồ không đến. Và lại khí trời nóng nực, lương hết, quân mệt, không lấy gì chống giữ lâu được, lấy làm hổ thẹn cho triều đình, chi bằng nên toàn quân mà về thì hơn".

Trước tình hình như vậy, Trần Hưng Đạo chủ trương tổ chức uy hiếp liên tục, buộc địch phải tháo chạy nhanh và sẽ đánh trận quyết định với quân xâm lăng trên đường chúng tháo chạy. Đây là chủ trương rất táo bạo và sáng tạo. Cũng như nhiều vị tướng lĩnh đương thời, Trần Hưng Đạo từng đọc rất kĩ và hẳn nhiên là từng chịu ảnh hưởng ở một mức độ nhất định nào đó của lí luận quân sự Trung Quốc cổ đại. Nhưng, nếu như Tôn Tử của Trung Quốc - nhà binh pháp có ảnh hưởng mạnh nhất đến các tướng lĩnh phương Đông - chủ trương rằng : "Hễ địch rút lui về nước thì không nên bao vây ngăn chặn. Khi tiến hành bao vây địch thì nên để hở một phía chứ không nên vây kín. Nếu đối phương đã đến lúc khốn cùng thì cũng không nên bức bách họ quá"... thì ngược lại, Trần Hưng Đạo chủ trương thúc ép đối phương phải tháo chạy đi rồi đánh trận quyết định khi đối phương đang trên đường tháo chạy ấy. Và, đó là chủ trương hoàn toàn đúng đắn.

Đầu tháng 4 năm 1288, quân Nguyên bắt đầu buộc phải rút khỏi nước ta. Chủ tướng của giặc là Thoát-hoan quyết định hoạch rút quân cụ thể như sau :

- Kị binh và bộ binh do đích thân Thoát-hoan chỉ huy, từ Vạn Kiếp tiến lên Lạng Sơn, rồi từ đó kéo về Trung Quốc.

- Thủy binh do Ô-mã-nhi chỉ huy, được tăng cường thêm quân số và thêm một đạo kị binh đi dọc theo sông để hộ tống từ Vạn Kiếp tiến ra sông Bạch Đằng rồi vượt vịnh Hạ Long về Trung Quốc.

Như vậy nếu khi tràn sang nước ta, giặc chia quân làm ba đạo thì khi về, giặc chỉ còn chia làm hai đạo nữa mà thôi. Trong hai đạo này, thủy binh tuy có tới hơn 600 chiến thuyền

với quân số ước chừng 60.000 tên, chưa kể lực lượng kỵ binh đi hộ tống, nhưng, so với đạo kỵ binh và bộ binh thì quân số vẫn ít hơn, đó là chưa nói rằng, thủy chiến không phải là sở trường của chúng. Từ thực tế này, Trần Hưng Đạo hạ lệnh :

- Tổ chức nhiều trận đánh bất ngờ và nguy hiểm vào đạo quân do Thoát-hoan trực tiếp chỉ huy, buộc chúng phải tháo chạy thật nhanh, không còn cơ hội để tiếp ứng cho đạo thủy binh của Ô-mã-nhi.

- Tiêu diệt sạch đạo thủy binh của Ô-mã-nhi bằng một trận thủy chiến, lấy đó làm đòn quyết định, đè bẹp hoàn toàn ý chí xâm lược của nhà Nguyên đối với nước ta.

- Đích thân Trần Hưng Đạo đi thám sát địa hình và chuẩn bị cho trận quyết chiến với đạo binh của Ô-mã-nhi.

#### **d) Người thắng trận chung kết tuyệt vời với quân Nguyên ở Bạch Đằng Giang.**

Để bảo đảm đánh nhanh, diệt gọn toàn bộ đạo thủy binh của Ô-mã-nhi, Trần Hưng Đạo hạ lệnh triệt phá cầu đường dọc theo hướng rút lui của đạo quân này, đồng thời, tổ chức nhiều trận tập kích quyết liệt, buộc lực lượng kỵ binh đi hộ tống phải quay lại, cùng về với Thoát-hoan. Ngoài ra, Trần Hưng Đạo cũng còn cho quân sĩ đánh nhiều trận lớn nhỏ khác, khiến Ô-mã-nhi phải đi theo hướng định sẵn của ta để rồi sa vào ổ mai phục do chính Trần Hưng Đạo sắp đặt.

Nơi diễn ra trận quyết chiến chiến lược là khu vực đầu nguồn của sông Bạch Đằng, vì thế, sử vẫn gọi đây là trận quyết chiến chiến lược Bạch Đằng. Đây là nơi hợp lưu của sông Đá Bạc, sông Giá, sông Chanh, sông Rút, sông Kênh và sông Bạch Đằng, đó là chưa kể nhiều sông nhỏ và các kênh rạch khác, vì thế, lòng sông rất rộng, rất thuận tiện cho việc bố trí một trận thủy chiến. Đây là nơi mà năm 938, Ngô Quyền đã cả phá quân Nam Hán và năm 981, Lê Hoàn đã đánh tan quân Tống xâm lăng. Kế thừa kinh nghiệm của Ngô Quyền và Lê Hoàn, Trần Hưng Đạo đã bố trí một trận địa mai phục hết sức công phu. Hàng loạt cọc gỗ vạt nhọn và bịt sắt được cắm xuống, tạo ra bãi chướng ngại vật hết sức lợi hại đối với chiến thuyền của giặc. Những cánh quân chủ lực tinh nhuệ nhất của triều đình, đông đảo các đơn vị quân đội của vương hầu quý tộc cùng rất nhiều đội dân binh đã được huy động tham gia trận đánh lịch sử này. Trong bộ chỉ huy trận đánh, ngoài Trần Hưng Đạo, còn có cả Thượng Hoàng Trần Thánh Tông, vua Trần Nhân Tông, các danh tướng khác như Phạm Ngũ Lão, Nguyễn Khoái... v.v.

Thủy binh và bộ binh nhà Trần được Trần Hưng Đạo bố trí mai phục sẵn, chủ yếu ở khu vực tả và hữu ngạn sông Giá (nay thuộc huyện Thủy Nguyên), tả và hữu ngạn sông Chanh (nay thuộc huyện Yên Hưng) ở nơi hợp lưu của sông Bạch Đằng với sông Rút, sông Bạch Đằng với sông Kênh. Tuy có sự tham gia của đông đảo bộ binh, nhưng tính chất căn bản của trận Bạch Đằng vẫn là một trận thủy chiến, một trận thủy chiến kết hợp chặt chẽ giữa mai phục với bao vây tiêu diệt.

Trần Hưng Đạo đã nghiên cứu rất kĩ chế độ thủy văn của sông Bạch Đằng, dự kiến rất chính xác mực nước lên xuống của ngày diễn ra trận đánh. Điều này đã khiến cho bãi cọc gỗ

thực sự phát huy được tác dụng lợi hại nhất, khiến cho đạo quân của Ô-mã-nhi hết hoảng vì hoàn toàn bất ngờ và không cách gì có thể thoát được.

Ngày 30 tháng 3 năm 1288, từ Vạn Kiếp, Ô-mã-nhi bắt đầu rút quân. Đây cũng là lúc mà ở Bạch Đằng, trận địa mai phục của Trần Hưng Đạo đã bố trí xong.

Ngày 8 tháng 4 năm 1288, đội tiền vệ của Ô-mã-nhi do tướng Lưu Khuê cầm đầu bị đánh tới tấp ở Trúc Động (một địa điểm nằm trên sông Giá, nay thuộc xã Lưu Kiếm, huyện Thủy Nguyên). Bị đại bại ở đây, Lưu Khuê buộc phải quay lại, theo sông Đá Bạc mà ra Bạch Đằng.

Mờ sáng ngày 9 tháng 4 năm 1288, binh thuyền của Ô-mã-nhi từ sông Đá Bạc tiến vào sông Bạch Đằng. Trần Hưng Đạo lập tức cho một đội chiến thuyền nhẹ, ra khiêu chiến rồi giả vờ thua chạy. Tướng giặc là Phàn Tiếp đem quân đuổi theo, nhưng khi chúng vừa tiến đến khu vực núi Tràng Kênh thì bị phục binh của ta bắt đầu đổ ra đánh.

Lúc ấy, Ô-mã-nhi cũng vừa lọt vào ổ phục kích lớn nhất của Trần Hưng Đạo tại sông Bạch Đằng. Nước sông Bạch Đằng rút với một tốc độ rất nhanh, chiến thuyền của giặc số thì vỡ nát do đâm phải bãi cọc gỗ, số thì bị tắc nghẽn lại, không sao tiến lên phía trước được. Và, đó cũng là lúc Trần Hưng Đạo hạ lệnh cho quân sĩ ồ ạt tấn công. Trận ác chiến diễn ra vào trưa ngày 9 tháng 4 năm 1288. Sử cũ cho hay, quân Nguyên như bị chìm trong trận mưa tên thuốc độc từ nhiều hướng bắn ra. Chúng hết hoảng chưa tìm được cách đối phó thì hàng chục chiếc thuyền chứa lửa do Trần Hưng Đạo hạ lệnh thả từ thượng nguồn lại ồ ạt lao thẳng vào. Ô-mã-nhi cùng các tướng lĩnh cao cấp của giặc tìm đường chạy trốn nhưng lại bị quân ta bắt sống. Đạo thủy binh của Ô-mã-nhi hoàn toàn bị tiêu diệt.

Đây là chiến công lừng lẫy nhất của quân dân ta trong sự nghiệp chống xâm lăng ở thế kỷ thứ XIII và đây cũng là một trong những trận quyết chiến chiến lược lừng lẫy nhất của lịch sử dân tộc. Trận Bạch Đằng là trận góp phần quan trọng nhất vào việc đè bẹp hoàn toàn ý chí xâm lược của quân Nguyên đối với nước ta, trận để nhục muôn đời cho quân xâm lược :

*Đến nay, nước sông vẫn chảy hoài*

*Mà nhục quân thù không rửa hết.*

**(Trương Hán Siêu - Bạch Đằng giang phú)**

Như trên đã nói, đồng thời với việc tổ chức trận mai phục ở Bạch Đằng, Trần Hưng Đạo còn bố trí kế hoạch đánh mạnh vào đạo quân của Thoát-hoan. Ngày 11 tháng 4 năm 1288, Thoát-hoan lọt vào ổ mai phục của quân đội nhà Trần tại Nội Bàng khiến Thoát-hoan phải hạ lệnh mở đường máu mới thoát được. Ngày 19 tháng 4 năm 1288, sau nhiều phen bị đánh tới tấp, Thoát-hoan mới về đến Tư Minh (Trung Quốc) và giải tán đám tàn quân của hắn. Hắn bị vua cha là Hốt-tất-liệt đuổi đi, không thèm nhìn mặt nữa.

Sau trận Bạch Đằng, nếu Thoát-hoan và một loạt những tên bại tướng của nhà Nguyên phải nhục nhã ê chề, thì ngược lại, tên tuổi của Trần Hưng Đạo trở nên lừng lẫy hơn bao giờ hết. Đôi câu đối (hiện chưa rõ là của ai) dưới đây, thật chẳng có gì là quá lời :

*Địa chuyển ngã Việt chủng cư Bắc phương, Áu châu cảnh nội vô Mông ky tung hoành thiên vạn lí,*



*Thiên sinh thủ lương tài u Tống thất, Trung Quốc sử tiền miễn Nguyên triều đô hộ nhất bách niên.*

Dịch nghĩa :

Nếu dân Việt mà sinh ở phương Bắc thì các nước châu Âu đâu đến nỗi bị vó ngựa Mông Cổ chà đạp ngàn dặm,

Ví thử trời sinh bậc thiên tài này ở nhà Tống thì lịch sử Trung Quốc trước đây làm gì có chuyện bị nhà Nguyên đô hộ trăm năm.

## 6. MẶN NỒNG TÌNH NGHĨA VỚI MUÔN ĐỜI

Khi đại thắng quân Nguyên ở trận Bạch Đằng lịch sử, Trần Hưng Đạo đã là một lão tướng, tuổi cũng đã xấp xỉ đến lục tuần. Sau nhiều năm lao tâm khổ tứ, sức khỏe của lão tướng Trần Hưng Đạo cũng dần dần cạn kiệt. Sử cũ chép rằng, ngày 24 tháng 6 năm Canh Tí (1300), trời bỗng có sao sa. Cũng vào tháng ấy, Trần Hưng Đạo lâm bệnh. Vua Trần lúc bấy giờ là Trần Anh Tông (1293 - 1314) thân đến tận nhà Trần Hưng Đạo để thăm hỏi và sử cũ đã trân trọng chép lời đối đáp thật cảm động giữa vua Trần với Trần Hưng Đạo như sau :

"Hưng Đạo Đại Vương lâm bệnh, Vua ngự tới tận nhà để thăm rồi nhân đó hỏi rằng :

- Nếu có điều chẳng may xảy ra (ngầm chỉ việc Trần Hưng Đạo chẳng may mà mất - NKT) mà bọn giặc phương Bắc lại sang xâm lược thì nên có kế sách đối phó như thế nào?

Vương (chỉ Trần Hưng Đạo - NKT) trả lời :

- Thuở xưa, Triệu Vũ (Đế) dựng nước (chỉ việc Triệu Đà lập ra nước Nam Việt vào năm 206 trước công nguyên - NKT), vua nhà Hán cho quân đến đánh, (để đối phó, Triệu Vũ Đế) sai dân làm kế thanh dã, sai đại quân ra Khâm Châu, Liêm Châu rồi đánh vào Trường Sa và sai đoàn binh đánh úp phía sau. Đó là một thời. Sau, nhà Đinh, nhà Lê đều dùng được người tài giỏi, cho nên, phương Nam mới mạnh còn phương Bắc thì suy yếu và mệt mỏi dần. Ta trên dưới một dạ, lòng dân chẳng chút chia lìa, xây thành Bình Lỗ (có lẽ nằm gần khu vực Phù Lỗ, huyện Sóc Sơn, ngoại thành Hà Nội ngày nay - NKT) mà phá được quân Tống. Đó là một thời nữa. Vua Lý mở nền (thịnh trị), nhà Tống xâm phạm địa giới, (triều đình) dùng Lý Thường Kiệt, đem quân đánh đến tận các châu Khâm và Liêm rồi đánh tới cả Mai Lĩnh (các châu Khâm, Liêm và Mai Lĩnh đều thuộc Trung Quốc - NKT), cũng là nhờ (có lòng người không chia lìa) như thế.

Vừa rồi Toa-đô và Ô-mã-nhi đem quân bao vây ta bốn mặt, nhưng vì vua tôi ta đồng tâm, anh em hòa mục, cả nước cùng góp sức nên lũ giặc phải bị bắt. Đó là do trời xui nên vậy. Đại đế, giặc cậy trường trận, ta dựa vào đoàn binh, dùng đoàn binh để chế ngự trường trận là sự thường của binh pháp. Nếu thấy giặc tiến như gió hoặc như lửa thì việc chế ngự sẽ dễ. Nhưng, nếu giặc tiến chậm như thể tằm ăn dâu, chẳng cầu sự thắng nhanh, thì phải khéo chọn tướng giỏi, xem xét thật sát sự biến thất thường mà ứng xử, tương tự như đánh cờ, tùy thời mà tạo thế, phải có được đội quân trên dưới một dạ như cha con thì mới mong thắng được.



Vả chăng, khoan sức dân để làm kế rể sâu gốc vững, đó mới là thượng sách giữ nước.”  
(*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 6, tờ 9 a-b).

Vua Trần Anh Tông thân đến tận nhà để thăm hỏi, đó là biểu hiện của lòng thành. Đáp lại, Trần Hưng Đạo cũng đã nói những lời chân thành nhất với nhà vua. Đây thực sự là cuộc gặp gỡ tương đắc giữa vua sáng với tôi hiền. Nỗi bận tâm suốt đời của Trần Hưng Đạo là làm sao để không ngừng mở rộng và củng cố sức mạnh của khối đoàn kết toàn dân, làm sao để có thể chọn và trọng dụng người hiền tài và làm sao để có thể nuôi dưỡng được sức dân. *Khoan sức dân để làm kế rể sâu gốc vững, đó mới là thượng sách giữ nước!* Lời chí tình ấy của Trần Hưng Đạo cũng chính là lời chí tình của tất cả các bậc ưu thời mẫn thế và nặng lòng ái quốc trong khắp mọi thời. Lời ấy mãi mãi tỏa sáng trong sử sách của dân tộc ta.



### 13 - TRẦN QUANG KHẢI (1241 - 1294)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

"(Trần) Quang Khải lúc thì làm tướng võ, khi thì làm tướng văn, giúp cho đế nghiệp của nhà Trần, uy danh sánh ngang với (Trần) Quốc Tuấn. Khi mất (Trần Quang Khải) hưởng thọ 54 tuổi. Ông có để lại cho đời tập thơ *Lạc đạo*. Con ông là Văn Túc Vương (Trần) Đạo Tái cũng có tiếng là người văn hay. Cháu ông là Uy Túc Hầu (Trần) Văn Bích, làm quan được phong tới hàm Thái Bảo. Chắt của ông là Chương Túc Hầu (Trần) Nguyên Đán cũng có danh vọng rất lừng lẫy. Xem thế cũng đủ biết phúc đức của dòng Trần Quang Khải sâu rộng và bền bỉ dường nào. Trước sau họ đều gắn bó với cơ nghiệp của nhà Trần".

*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*

(chính biên, quyển 8, tờ 22)

Trần Quang Khải là con của vua Trần Thái Tông và bà Hoàng Hậu Thuận Thiên. Con trưởng của Trần Thái Tông là Trần Quốc Khang (cũng do bà Hoàng hậu Thuận Thiên sinh hạ, nhưng thân sinh là Trần Liễu, anh ruột của vua Trần Thái Tông. Trần Quốc Khang được phong tước Tĩnh Vương), kế đến là Trần Hoảng (tức vua Trần Thánh Tông : 1258 - 1278).

Ông là Hoàng Tử thứ ba. Sau ông là các vị Hoàng Tử khác như Trần Nhật Vĩnh, Trần Ích Tắc v.v...

Trần Quang Khải chào đời vào tháng 10 năm Tân Sửu (1241), được phong là Chiêu Minh Đại Vương vào tháng 11 năm Mậu Ngọ (1258). Tháng 3 năm Tân Dậu (1261) ông được phong hàm Thái úy và đến tháng 10 năm Nhâm Ngọ (1282) thì được phong hàm Thái Sư, chức Thượng Tướng Quân.

Khi còn tuổi ấu thơ, Trần Quang Khải đã có lần lâm bệnh nặng, tưởng đã không cứu nổi. Về lần lâm bệnh nặng này của ông, sử cũ chép rằng :

"(Trần) Quang Khải lúc mới sinh, phát chứng bệnh lên cơn kinh giật, suýt nữa thì không qua khỏi. (Vua Trần) Thái Tông (thấy thế), liền lấy áo của Thượng Hoàng và thanh gươm báu truyền quốc đem đến để bên cạnh rồi nói :

- Nếu sống thì sẽ ban cho những thứ này.

(Nhưng) đến khi ông sống lại, (vua Trần) Thái Tông lại nói rằng :

- Gươm báu truyền quốc thì không thể trao bừa được, chỉ có thể ban cho tấm áo của Thượng Hoàng mà thôi."

Lớn lên, Trần Quang Khải là người có chí lớn, ham học hỏi, là bậc văn tài nổi tiếng, ông sử dụng thông thạo tiếng nói của không ít đồng bào các dân tộc ít người. Vua cha rất yêu quý ông đã dành, ngay cả bậc lừng danh văn võ như Trần Quốc Tuấn cũng rất nể trọng ông. Sử cũ có chép một câu chuyện rất cảm động về ông và Trần Quốc Tuấn như sau :

"(Trần) Quang Khải là người có học thức, hiểu được tiếng nói của giống phiên thuộc (chỉ tiếng của đồng bào các dân tộc ít người trên đất nước ta - NKT). Trước kia, có lần (vua Trần) Thánh Tông đem quân đi đánh giặc, (Trần) Quang Khải theo hầu cận, ngôi Tế Tướng phải bỏ trống. Đúng lúc đó thì có sứ giả của phương Bắc đến, (Thượng Hoàng Trần) Thái Tông liền cho gọi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn tới và nói :

- Thượng Tướng đi theo hầu vắng, trăm định lấy khanh làm Tư Đồ để tiếp sứ phương Bắc.

(Hưng Đạo Vương Trần Quốc) Tuấn trả lời :

- Việc tiếp sứ giả, thần không dám chối từ, còn như việc phong thần làm Tư Đồ thì thần không dám vâng theo chiếu lệnh. Huống nay Quan Gia (tức vua Trần - NKT) đang đi đánh giặc xa. (Trần) Quang Khải đang bận theo hầu mà bệ hạ lại ý phong chức (cho thần), thì như thế, tình nghĩa trên dưới sợ là chưa được ổn, Quan Gia và (Trần) Quang Khải sẽ không được vui. Chi bằng hãy đợi đến khi xa giá trở về, lúc đó, nếu thần xin vâng mệnh cũng chưa muộn."

Thời Trần, quân Nguyên-Mông ba lần sang xâm lược nước ta. Lần thứ nhất (1258) diễn ra khi Trần Quang Khải mới 17 tuổi cho nên, ông chưa có cống hiến gì đáng kể. Nhưng, liên tục trong cả hai lần sau (1285 và 1288), Trần Quang Khải đã lập được rất nhiều chiến công xuất sắc, góp phần to lớn vào thắng lợi vẻ vang chung của nước nhà.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ hai, nhiệm vụ đầu tiên mà Trần Quang Khải được đích thân vua Trần trao phó là đi tăng viện cho các cánh quân ở vùng Thanh Hóa và Nghệ An ngày nay. Bấy giờ, quân Nguyên tiến vào nước ta bằng hai hướng khác nhau. Hướng thứ nhất từ Bắc đánh xuống, gồm tất cả 50 vạn quân do chính chủ tướng của giặc là Thoát-hoan trực tiếp chỉ huy. Hướng thứ hai gồm gần mười vạn quân, từ đất Chiêm Thành đánh lên, do tướng Toa-đô cầm đầu. Kế hoạch ban đầu của nhà Trần là quyết không để cho giặc có thể hội quân với nhau. Để thực hiện kế hoạch này, nhà Trần đã sai Trần Quốc Khang và con của Trần Quốc Khang là Trần Kiện, đem quân trấn giữ vùng Nghệ An và Thanh Hóa, tổ chức đánh trả kịch liệt để cản phá lực lượng của Toa-đô. Ngày 28 tháng giêng năm Ất Dậu (nhằm ngày 5 - 3 - 1285), tướng Trần Nhật Duật lại được cử vào để tăng viện. Nhưng, khi Trần Nhật Duật chưa vào đến nơi thì Trần Kiện đã đi đầu hàng quân Nguyên. Trần Quốc Khang vốn là người không có tài cầm quân, vì thế, giặc dễ dàng tập trung lực lượng đánh vào Trần Nhật Duật. Tình hình chiến trường phía Nam vì thế mà trở nên rất khó khăn và phức tạp. Đó chính là lí do khiến vua Trần sai Trần Quang Khải đem quân đi tăng viện cho Trần Nhật Duật. Sự có mặt của Trần Quang Khải đã khiến cho đạo quân của Toa-đô bối rối và sa lầy. Chúng buộc phải đóng lại ở vùng Thanh Hóa và Nghệ An ngày nay.

Tháng 4 năm Ất Dậu (1285), nhà Trần tổ chức phản công. Một loạt các chiến dịch lớn được tổ chức. Trần Nhật Duật và Trần Quang Khải được lệnh bí mật vượt qua vùng tạm chiếm để tiến ra Bắc. Chiến dịch Hàm Tử (tháng 4 năm Ất Dậu) do Trần Nhật Duật chỉ huy và người giữ vai trò hợp đồng tác chiến một cách rất tích cực, linh hoạt và đầy hiệu quả là Trần Quang Khải. Toàn bộ lực lượng quân Nguyên đóng giữ ở Hàm Tử nhanh chóng bị đánh cho tan tành.

Cũng ngay trong tháng 4 năm Ất Dậu (1285), Trần Quang Khải đã có vinh dự được cử làm tướng tổng chỉ huy chiến dịch Chương Dương và Thăng Long. Chỉ trong một thời gian rất ngắn, lực lượng của Trần Quang Khải đã đẩy lùi quân Nguyên ra khỏi hai vị trí trọng yếu này. Nguy cơ bị đại bại thảm hại của quân Nguyên đã bộc lộ rõ rệt. Cộng với các chiến dịch khác như Tây Kết (lần thứ nhất và lần thứ hai), ta đã hoàn toàn quét sạch quân Nguyên ra khỏi bờ cõi. Ngày 6 tháng 6 năm Ất Dậu (1285), Thượng Hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông, cùng đại quân nhà Trần trở về kinh đô Thăng Long để tổ chức ăn mừng đại thắng. Trần Quang Khải đã cảm khái mà viết rằng :

*“Đoạt sáo Chương Dương độ*

*Cầm Hồ Hàm Tử Quan.*

*Thái Bình tu trí lực,*

*Vạn cổ thử giang san”*

Nghĩa là :

Cướp giáo giặc ở bến đò Chương Dương,

Bắt giặc Hồ (tức giặc Nguyên-NKT) ở cửa Hàm Tử

Thời thái bình nên gắng đem hết trí tuệ và sức lực (để xây dựng),

Muôn đời (còn mãi) sông núi này.

Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba (1288) Trần Quang Khải được bố trí theo hầu cận bên cạnh vua Trần Nhân Tông và Thượng Hoàng Trần Thánh Tông. Ông vừa lo bảo vệ vua và Thượng Hoàng, vừa sẵn sàng tham gia trận mạc dưới quyền chỉ huy trực tiếp của vua Trần Nhân Tông và Thượng Hoàng Trần Thánh Tông. Trong trận quyết chiến chiến lược lịch sử, tại Bạch Đằng (9 - 4 - 1288), cùng với hàng loạt các tướng lĩnh xuất sắc khác Trần Quang Khải đã góp phần to lớn vào việc đập tan toàn bộ đạo quân hùng hậu và thiện chiến của nhà Nguyên do tướng Ô-mã-nhi cầm đầu.

Sau chiến thắng Bạch Đằng, Trần Quang Khải tiếp tục tận tụy phò tá nhà Trần. Ông nổi tiếng là người có tài giúp vua trị nước, thanh liêm và ngay thẳng.

Ngày 3 tháng 7 năm Giáp Ngọ (1294), Thượng Tướng Thái Sư Chiêu Minh Đại Vương Trần Quang Khải qua đời vì bệnh, hưởng thọ 53 tuổi. Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái đã trang trọng dành cho Trần Quang Khải những lời ca ngợi thật cảm động :

“Rợ Nguyên quen thói tham tàn,  
Quân năm mươi vạn những toan tung hoành.  
Vua sai Hưng Đạo Tổng Bình,  
Vớ Trần Quang Khải các dinh tiến vào.  
Chương Dương một trận phong đào,  
Kìa ai cướp giáo ra vào có công,  
Hàm Quan một trận ruổi giông,  
Kìa ai bắt giặc uy phong còn truyền.  
Giặc Nguyên còn muốn báo đền,  
Mượn đường hộ tống binh thuyền lại sang.  
Bạch Đằng một cõi chiến tràng,  
Xương bày trắng đất, máu màng đỏ sông.”

*(Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái : Đại Nam quốc sử diễn ca)*

## 14 - TRẦN NHẬT DUẬT (1255 - 1330)

“Ông là người nhã nhặn và độ lượng, vui buồn chẳng hề lộ ra nét mặt, được người đương thời khen là bậc uyên bác. Những văn thư của triều đình lúc bấy giờ đều do tay ông thảo ra cả. Ông lại thông thuộc tiếng nói của các giống phiên và khi tiếp người Tống thì có thể ngồi nói chuyện cả ngày. Sứ giả từ Chiêm Thành, từ Sách Mã Tích (tên một đảo quốc cổ ở vùng Nam Dương - NKT) hay từ các giống người man đến nước ta, ông đều có thể nói chuyện và tiếp đãi theo tục của họ. Vua Trần Nhân Tông thường nói rằng ông là hậu thân của các bộ tộc phiên di.

Ông là đấng thân vương quý hiển, làm quan trải thờ bốn đời vua, ba lần lãnh chức đứng đầu các trấn lớn. Nhà ông không ngày nào mà lại không có cuộc hát xướng. Người ta ví ông với Quách Tử Nghi đời nhà Đường (của Trung Quốc) vậy”.



**Phan Huy Chú**

*(Lịch triều hiến chương loại chí)*

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Trần Nhật Duật là Hoàng Tử thứ sáu của vua Trần Thái Tông, em cùng cha nhưng khác mẹ của vua Trần Thánh Tông và danh tướng Trần Quang Khải. Ông sinh vào tháng 4 năm Ất Mão (1255). Thân mẫu của ông là ai thì chưa rõ. Sử cũ chép về sự kiện ông chào đời như sau :

"Trước đó, có viên Đạo Sĩ ở cung Thái Thanh, tên là Thạm, đi cầu tự cho Nhà vua. Sau khi đọc số xong, (Đạo Sĩ) liền tâu Vua rằng :

- Thượng đế đã y lời số tâu, sắp sai Chiêu Văn Đồng Tử giáng sinh, ở trần thế bốn kỉ (tức 48 năm - NKT).

Thế rồi Hậu Cung có thai, sau quả nhiên sinh con trai, trên hai cánh tay của người con ấy có rành rành bốn chữ *Chiêu Văn Đồng Tử*, nét rất rõ, vì thế, Nhà vua mới cho đặt hiệu là Chiêu Văn. Lớn lên, những nét chữ ấy mới mất hẳn đi." (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 20-b).

Năm Đinh Mão (1267), Trần Nhật Duật được phong tước Chiêu Văn Vương. Năm Nhâm Dần (1302), tức là hai năm sau khi Trần Hưng Đạo qua đời, Trần Nhật Duật được phong làm Thái úy Quốc Công. Năm Kỉ Tị (1329), ông lại được gia phong là Chiêu Văn Đại Vương. Ông mất vì bệnh vào năm Canh Ngọ (1330), hưởng thọ 75 tuổi.

Sinh thời, Trần Nhật Duật là bậc văn võ toàn tài. Như trên đã nói, ngoài kiến thức Nho học uyên bác, Trần Nhật Duật còn hiểu biết một cách sâu sắc về phong tục tập quán và đặc



biệt là tiếng nói của nhiều dân tộc khác nhau. Ngoài chuyện tiếp sứ giả của nhiều nước và nhiều bộ tộc chung quanh mà không cần người thông dịch, sử cũ còn chép chuyện Trần Nhật Duật đi dẹp loạn Trịnh Giác Mật bằng một biện pháp rất độc đáo như sau :

"Trịnh Giác Mật ở đạo Đà Giang (vùng Tuyên Quang ngày nay - NKT) làm phản, vua sai Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật đi dụ hàng. Bấy giờ, (Trần) Nhật Duật coi giữ đạo Đà Giang, vì thế, ông liền ngầm đem thuộc hạ đến. Trịnh Giác Mật hay tin, liền sai người đến doanh trại (của Trần Nhật Duật) bày tỏ lòng thành và nói rằng :

- Mật này không dám trái mệnh. Nếu ân chúa đây dám một mình một ngựa đến thì Mật xin hàng.

(Trần) Nhật Duật nhận lời, chỉ đem theo năm sáu người hầu nhỏ tuổi mà thôi. Quân sĩ thấy vậy liền ngăn lại, ông nói :

- Nếu chúng tráo trở với ta (rồi làm hại ta) thì ắt là triều đình sẽ cử bậc vương tước tới thay.

Khi ông đến dinh trại (của Trịnh Giác Mật), người Man liền vây kín ông, đông đến mấy chục lớp, gươm dao đều nhất loạt chĩa thẳng về phía ông. (Trần) Nhật Duật cứ đi thẳng vào, trèo lên trại chúng. (Trịnh Giác) Mật liền mời ông ngồi. (Trần) Nhật Duật biết tiếng nói và am hiểu tập tục của nhiều nước. Ông cùng ăn bốc và uống bằng mũi với (Trịnh Giác) Mật. Người Man thấy vậy thì thích lắm. Khi (Trần) Nhật Duật trở về, (Trịnh Giác) Mật liền đem gia thuộc tới xin hàng. Mọi người thấy thế thì vui mừng và kính phục, vì không hề mất một mũi tên mà vẫn dẹp yên được đất Đà Giang. Khi trở về kinh sư, (Trần Nhật Duật) đem (Trịnh Giác) Mật và vợ con hãm vào châu. Vua khen ngợi ông mãi. Sau, Vua cho (Trịnh Giác) Mật về nhà, giữ vợ con hãm lại ở kinh đô. (Trần) Nhật Duật thương yêu và nuôi nấng họ hết lòng, lại còn xin triều đình ban cho họ tước Thượng Phẩm, sai trông coi ao cá một thời gian mới đưa về quê nhà". (*Đại Việt sử kí toàn thư*, bản kỉ, quyển 5, tờ 40 a-b).

Sự kiện trên xảy ra vào cuối năm 1280, tức là năm mà Trần Nhật Duật mới 25 tuổi. Thật khó có thể tưởng tượng nổi một chàng trai 25 tuổi của thế kỉ thứ XIII lại dũng cảm và tự tin,, tài hoa và bản lĩnh cao cường đến thế. Trần Nhật Duật trị dân bằng cách tự mình khiến cho dân tin và kính phục mà vui theo chứ không bằng cách thị uy sức mạnh của người nắm trong tay quyền lực, khiến cho dân phải khiếp sợ mà vâng lời.

Tài năng của Trần Nhật Duật trải rộng trên nhiều lĩnh vực khác nhau. Ông là người rất giỏi về âm nhạc và thường tự mình sáng tác các bản nhạc, trong đó có không ít bài có lời bằng chữ Nôm. Tuy nhiên, tài năng nổi bật nhất, cống hiến lớn nhất của Trần Nhật Duật vẫn thuộc về lĩnh vực quân sự.

Trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông-Nguyên lần thứ nhất (1258), Trần Nhật Duật chỉ mới là một cậu bé ba tuổi, chưa thể có đóng góp gì. Nhưng, trong cuộc kháng chiến lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1288), Trần Nhật Duật thực sự là một vị danh tướng kiệt xuất.

Năm 1285, Trần Nhật Duật được trao trọng trách chỉ huy một cánh quân lớn của nhà Trần, đóng giữ ở vùng Tuyên Quang ngày nay, đánh chặn để cản bước tiến ồ ạt của đạo

quân Mông- Nguyên khổng lồ do Thoát-hoan trực tiếp cầm đầu. Ông và tướng sĩ dưới quyền đã đánh nhiều trận xuất sắc, gây cho giặc nhiều tổn thất lớn.

Trước sức mạnh áp đảo của quân Mông- Nguyên, để tránh những thiệt hại không cần thiết, theo lệnh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, ông đã đem lực lượng tiến vào Nam chi viện cho cánh quân của hai cha con Trần Quốc Khang và Trần Kiện đang đóng giữ ở vùng thuộc Thanh Hóa và Nghệ An ngày nay. Nhưng, ông chưa tới nơi thì Trần Kiện đã đầu hàng giặc. Tình hình vùng này trở nên phức tạp và nghiêm trọng hơn bao giờ hết. Trần Nhật Duật phải tìm đủ mọi cách chống đỡ, sau nhờ có thêm sự chi viện của cánh quân do anh ông là Trần Quang Khải chỉ huy, cục diện chiến trường mới thay đổi dần theo chiều hướng có lợi cho ta. Đạo quân giặc đông ngót mười vạn tên do viên tướng khét tiếng tàn bạo và thiện chiến là Toa-đô chỉ huy đã buộc phải sa lầy tại vùng đất này. Hoạt động phối hợp của đạo quân Toa-đô đối với đại binh của Thoát-hoan kể như đã bị vô hiệu hóa.

Mùa hè năm 1285, quân ta tổ chức phản công. Trong năm chiến dịch lớn nhất của cuộc phản công chiến lược này (gồm có : chiến dịch Tây Kết lần thứ nhất, chiến dịch Chương Dương, chiến dịch Hàm Tử, chiến dịch Tây Kết lần thứ hai và chiến dịch Thăng Long), Trần Nhật Duật có vinh dự được cử làm tướng chỉ huy một chiến dịch, đó là chiến dịch Hàm Tử. Bấy giờ, ngoài lực lượng vốn có của mình, Trần Nhật Duật đã quy tụ được không ít những người Trung Quốc lưu vong. Họ bị thất bại trong cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Mông- Nguyên nên đã chạy sang lánh nạn ở nước ta. Họ kính trọng tài năng quân sự và đặc biệt là tài thông thạo tiếng Trung Quốc của Trần Nhật Duật nên đã tình nguyện chiến đấu dưới trướng của Trần Nhật Duật. Vua Trần Nhân Tông gọi họ là "quân Thát của Chiêu Văn". Điều này đã khiến cho quân Mông- Nguyên rất bất ngờ. Có kẻ hốt hoảng vì nghĩ rằng đó là đội liên quân của nhà Tống với ta.

Một chiến dịch lớn nhưng lại được tiến hành một cách rất táo bạo và bất ngờ, khiến cho quân Mông- Nguyên lúng túng, trở tay không kịp. Chỉ trong vòng một thời gian rất ngắn, Trần Nhật Duật đã cả phá được quân giặc ở Hàm Tử. Lực lượng của chúng nhanh chóng bị chia cắt, bị tấn công tiêu diệt bởi sự hợp đồng chặt chẽ của nhiều chiến dịch khác nhau. Chiến thắng của đạo quân do Trần Nhật Duật chỉ huy có ý nghĩa vô cùng to lớn đối với thắng lợi chung của cuộc kháng chiến lần thứ hai. Thật đúng là :

"Trần Hưng Đạo đã anh hùng,

Mà Trần Nhật Duật kể công cũng nhiều."

*(Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái : Đại Nam quốc sử diễn ca)*

Trong cuộc kháng chiến lần thứ ba (1288), danh tướng Trần Nhật Duật (lúc này đã 33 tuổi) lại một lần nữa, lập nhiều chiến công xuất sắc, góp phần to lớn vào thắng lợi trọn vẹn của cả dân tộc ta. Ông có vinh dự được chia sẻ trách nhiệm với vị tổng chỉ huy thiên tài của quân đội ta lúc bấy giờ là Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, nhưng cũng chính vì luôn ở bên cạnh nguồn sáng kì diệu này mà tên tuổi của ông có phần bị mờ nhạt đi.

Sau ngày đại thắng, Trần Nhật Duật tiếp tục làm quan và được triều đình nhà Trần tin cậy trao phó những chức vụ rất quan trọng. Bình sinh, ông là người tài hoa, xét việc rất cẩn

trọng, nghiêm nghị nhưng rất dễ gần, liêm khiết và nhân hậu khó ai sánh kịp. Ông là cha nuôi của Hoàng Tử Trần Mạnh (người về sau lên ngôi vua, miếu hiệu là Trần Minh Tông : 1314 - 1329).

### 15 - TRẦN KHÁNH DƯ (? - 1339)

"Ông người huyện Chí Linh (nay thuộc tỉnh Hải Dương- NKT), vì là dòng dõi tôn thất nên được phong tới tước Nhân Huệ Vương. Lúc giặc Nguyên mới vào cướp phá lần đầu ông thường bất ngờ cho quân ra đánh úp (nên sau đó) được vua Trần Thánh Tông khen là bậc có trí và dũng, cho làm Thiên Tử Nghĩa Nam (tức là làm con nuôi của vua - NKT). Sau, ông đi đánh dân man ở núi, giành đại thắng nên được ban chức Phiêu Kỵ Đại Tướng Quân. Chức này, nếu không phải là Hoàng Tử thì không được phong, nhưng vì ông là Thiên Tử Nghĩa Nam nên mới được. Ông được vua yêu nên được phong tới mấy lần, lên tới tước Thượng Vị Hầu, được mặc áo tía".

**Phan Huy Chú**

*(Lịch triều hiến chương loại chí)*

Sử cũ chỉ cho biết một cách vắn tắt rằng, Trần Khánh Dư là con của Thượng Tướng Quân Trần Phó Duyệt. Trần Phó Duyệt có thái ấp ở Chí Linh và Trần Khánh Dư chào đời ngay trong thái ấp của thân phụ mình. Không tài liệu nào cho hay ngày tháng năm sinh của Trần Khánh Dư, nhưng, căn cứ vào hành trạng cuộc đời của ông, nhất là sự kiện ông đã mưu trí tổ chức những trận đánh úp quân xâm lược Mông-Nguyên trong cuộc chiến tranh vệ quốc lần thứ nhất của triều Trần (1258), chúng ta cũng có thể ước đoán rằng, ông nhỏ hơn Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn chừng mười tuổi.

Trần Khánh Dư thật sự là bậc đa tài nhưng cũng đồng thời là người... lảm tạt. Thư tịch cổ không ngớt lời ca ngợi ông, nhưng cũng không quên ghi chép khá tỉ mỉ về những lần ông đã mắc lỗi.

Lần thứ nhất xảy ra vào năm nào chưa rõ, chỉ biết là sau năm 1258 và trước năm 1282. Bấy giờ, ông đã thông dâm với Công Chúa Thiên Thụy là con dâu của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn (Công Chúa Thiên Thụy là vợ của Hưng Trí Vương Trần Quốc Nghiễn). Vua Trần Thánh Tông vì sợ mất lòng Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn nên đã hạ lệnh cho quân sĩ đem ông ra Hồ Tây đánh cho đến chết mới thôi. Nhưng, cũng chính vua Trần Thánh Tông lại ngầm nói với quân sĩ, rằng chỉ đánh mấy roi rồi thả cho ông đi. Trần Khánh Dư chạy về Chí Linh và sau đó thì kiếm sống bằng nghề buôn bán than củi. Gia sản của ông bị triều đình tịch thu hết.

Lần thứ hai xảy ra ngay khi ông được lệnh trấn giữ ở Vân Đồn. Tại đây, ông vừa bắt quân sĩ dưới quyền mình phải đội nón Ma Lô (Ma Lô là tên một làng ở Hải Dương, nổi tiếng với nghề làm nón. Nón Ma Lô là nón do làng này làm ra), để khỏi bị nhầm với quân Mông-Nguyên khỏi bị giết hại, lại vừa mật sai người nhà đem nón Ma Lô đến bán với giá cắt cổ. Nói khác hơn, ông đã bóc lột ngay chính quân sĩ của mình.

Lần thứ ba cũng xảy ra vào năm 1296, tức là cũng trong thời gian ông trấn giữ ở Vân Đồn, nhưng muộn hơn lần thứ hai khoảng tám năm. Bấy giờ là thời thái bình, cũng như khá nhiều quý tộc khác, ông trị dân một cách hà khắc và năng lo vun vén cho cá nhân mình, khiến dân oán hận, dư luận chê cười. Lúc ấy, có người Trung Quốc đến làm ăn buôn bán ở Vân Đồn, đã mượn việc làm thơ mừng Trần Khánh Dư để chê bai ông. Bài thơ ấy có câu rằng : "Vân Đồn kê khuyến diệc giai kinh" (nghĩa là : gà và chó ở Vân Đồn đều khiếp sợ). Sử cũ chép rằng :

"Quan Hành Khiển liền đem sự trạng tâu lên vua, (Trần) Khánh Dư nhân đó tâu rằng :

- Tướng là chim ưng, quân dân là vịt, lấy vịt để nuôi chim ưng thì có gì là lạ.

Vua (đây chỉ vua Trần Anh Tông - NKT) nghe vậy thì không hài lòng. (Trần) Khánh Dư bèn trở về (Vân Đồn). Ông về châu chưa quá bốn ngày đã vội đi, vì sợ ở lại lâu sẽ bị Vua khiển trách". (*Đại Việt sử ký toàn thư*, bản kỉ, quyển 6, tờ 4 a).

Lỗi lầm của Trần Khánh Dư hẳn nhiên là không nhỏ, nhưng, ông nổi tiếng với đời hoàn toàn không phải là bởi những câu phê phán nghiêm khắc nói trên. Sinh thời, Trần Khánh Dư là một vị tướng có tài, có nhiều đóng góp xuất sắc trong ba cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại của thế kỉ thứ XIII. Và, đây mới chính là lí do chủ yếu khiến cho tên tuổi của Trần Khánh Dư trở nên bất diệt.

Trong cuộc chiến tranh lần thứ nhất, có lẽ do còn trẻ, Trần Khánh Dư chưa được trao phó một trọng trách nào. Nhưng, cũng trong cuộc chiến tranh này, chính ông đã hăng hái tham gia giết giặc lập công. Trần Khánh Dư tổ chức một loạt trận đánh nhỏ, bất ngờ và táo bạo, vừa góp phần tiêu hao sinh lực địch, vừa tạo ra mối lo sợ và khủng hoảng tinh thần ngày càng lớn trong lực lượng quân xâm lăng. Hoạt động của đạo quân nhỏ do Trần Khánh Dư chỉ huy đã tạo ra những kinh nghiệm thực tiễn rất phong phú. Khi tổ chức trận tập kích quyết định vào quân Mông Cổ ở Đông Bộ Đầu, ắt hẳn các tướng lĩnh nhà Trần đã chú ý đầy đủ đến bài học sinh động này. Triều đình nhà Trần và đặc biệt là Trần Hưng Đạo đánh giá rất cao về tài năng quân sự của Trần Khánh Dư. Việc ông được nhận làm Thiên Tử Nghĩa Nam, được ban chức Phiêu Kỳ Tướng Quân là những biểu hiện cụ thể của sự đánh giá rất cao này. Khi Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn biên soạn xong bộ *Binh thư yếu lược* chính

Trần Khánh Dư là người có vinh dự được viết lời đề tựa. Mở đầu lời đề tựa này, Trần Khánh Dư đã viết những câu thật độc đáo :

"Người giỏi cầm quân thì không cần bày trận. Người giỏi bày trận thì không cần phải đánh. Người giỏi đánh thì không thua. Người giỏi thua thì không chết."

Lập luận của ông đơn giản mà sâu sắc, dễ hiểu mà cũng thật hóm hỉnh, nếu không phải là đấng thật sự tài hoa, quyết không thể viết được như vậy. Đọc kĩ lời tựa của ông mới rõ, kiến thức của ông thật là uyên bác. Ông đã nghiên ngẫm một cách công phu về tất cả những bộ binh pháp cổ, tìm chỗ hay để kế thừa, phát hiện chỗ yếu kém để tránh. Từ thực tế đó, ông nêu lên những nhận định rất xác đáng về bộ *Binh thư yếu lược* của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Triều Trần từng xử phạt ông (và xử phạt như vậy là đúng), nhưng triều Trần cũng quý trọng tài năng của ông và chân thành muốn ông đem hết tài năng của mình ra phò vua giúp nước. Từ suy tính như vậy, tháng 10 năm Nhâm Ngọ (1282), nghĩa là ngay trước khi hội nghị Bình Than khai mạc, vua Trần đã tha tội và phục chức cho ông. Sử cũ viết:

"Lúc ấy, thuyền Vua đang đỗ ở bến Bình Than, nước triều rút nhanh, gió thổi mạnh. Nhà vua thấy có chiếc thuyền chở than củi, người lái thuyền mình mặc áo ngắn, đầu đội nón lá... liền nói với thị thần rằng :

- Người kia chẳng phải là Nhân Huệ Vương đó sao ?

(Nói rồi), lập tức sai người chèo thuyền nhỏ đuổi theo. Đến cửa Đại Than thì vừa kịp, viên Quân Hiệu liền gọi :

- Ông lái ơi ! Có lệnh vua triệu !

(Trần) Khánh Dư trả lời :

- Lão là người buôn bán, có việc gì mà vua phải triệu ?

Viên Quân Hiệu trở về tâu rõ sự thực với Vua. Nhà vua liền nói :

- Đó đúng là Nhân Huệ Vương. Người thường không dám nói như vậy đâu.

Và Nhà vua lại sai Quân Hiệu đi gọi. (Trần) Khánh Dư vẫn mặc áo ngắn và đội nón lá mà đến. Vua nói :

- Đấng nam nhi mà phải đến nông nổi này là cùng cực rồi !

(Trần) Khánh Dư bèn lên thuyền lạy tạ. Vua ban cho áo ngự, cho được ngồi ở hàng dưới các bậc vương tước nhưng lại ở trên các vị hầu tước để bàn việc nước. Ông nói được nhiều điều rất hợp ý Vua".

Trong cuộc chiến tranh lần thứ hai, vai trò của Trần Khánh Dư thể hiện rõ nhất ở những ý kiến đầy mưu lược và "rất hợp ý Vua". Tuy nhiên, hoạt động cụ thể của lực lượng do ông chỉ huy thì sử sách chép không rõ ràng.

Trong cuộc chiến tranh lần thứ ba, tên tuổi của Trần Khánh Dư nổi bật hẳn lên. Bấy giờ, quân Nguyên tiến vào nước ta cả bằng đường bộ, cả bằng đường thủy. Đạo thủy binh của giặc do tướng Ô-mã-nhi cầm đầu, vượt vịnh Hạ Long rồi men theo sông Bạch Đằng mà tiến sâu vào lãnh thổ nước ta. Ô-mã-nhi đồng thời phải thực hiện hai nhiệm vụ.



Nhiệm vụ thứ nhất là bảo vệ cho đoàn thuyền chở lương thực của giặc do tướng Trương Văn Hồ chỉ huy. Nhiệm vụ thứ hai là đánh để khai thông mạch đường thủy từ vịnh Hạ Long vào khu vực Vạn Kiếp và giúp các đơn vị kỵ binh cũng như bộ binh của giặc vượt sông.

Với những đạo quân tiến vào nước ta qua ngã đường bộ, nhà Trần chủ trương tạm thời rút lui để bảo toàn sinh lực, chờ cơ hội đánh trận quyết định sau. Nhưng, với đạo thủy binh, nhà Trần chủ trương phải tiêu diệt ngay, không để cho chúng có cơ hội tiến sâu vào lãnh thổ ta, không cho phép chúng có thể thực hiện kế hoạch phối hợp với kỵ binh và bộ binh.

Kế hoạch đập tan đạo thủy binh của Ô-mã-nhi được triều đình tin cậy trao cho Trần Khánh Dư thực hiện. Sử cũ chép rằng:

"Bấy giờ, quân Nguyên đánh vào Vân Đồn. Hưng Đạo Vương (Trần Quốc Tuấn) giao hết công việc biên thù cho Phó Tướng đang đóng ở Vân Đồn là Nhân Huệ Vương (Trần) Khánh Dư. (Trần) Khánh Dư bị bắt lợi. Thượng Hoàng hay tin, liền sai Trung Sứ ra để xiềng (Trần) Khánh Dư giải về kinh đô. (Trần) Khánh Dư nói với Trung Sứ rằng :

- Nay nếu lấy quân pháp mà xử, tôi xin cam chịu tội. Nhưng, tôi xin được khát vài ba ngày để mưu lập công rồi về chịu trận búa rìu cũng chưa vội gì.

Viên Trung Sứ cũng nghe theo lời xin đó. (Trần) Khánh Dư đoán rằng binh thuyền của giặc đã qua thì ắt đoàn thuyền tải lương phải theo sau, bèn thu tập tàn binh để đợi chúng. Chẳng bao lâu sau đó, đoàn thuyền tải lương của giặc quả nhiên xuất hiện. (Trần) Khánh Dư đánh bại chúng, bắt được quân lương và khí giới của giặc nhiều không kể xiết. Tù binh cũng rất đông. (Ông) lập tức sai người chạy ngựa đem tin thắng lợi tấu trình. Thượng Hoàng liền tha tội cho, không hỏi đến nữa."

Thắng lợi của Trần Khánh Dư trong trận Vân Đồn có ý nghĩa hết các to lớn đối với thắng lợi chung của cuộc chiến tranh quốc lúc bấy giờ. Thắng lợi đó đã đẩy quân xâm lăng vào chỗ yếu không cách gì có thể khắc phục được, đó là thiếu lương thực, thiếu vũ khí. Thượng Hoàng Trần Thánh Tông đã tỏ ra hết sức nhạy bén trước thắng lợi đặc biệt này của Trần Khánh Dư. Sử cũ chép :

"(Thượng Hoàng) nói :

- Chỗ trông cậy của quân Nguyên là lương thực và khí giới thì nay đã bị ta bắt được. Nhưng, nếu chúng còn chưa biết thì có thể lại hung hăng chăng ?

(Nói rồi) bèn sai thả những tên lính giặc đã bị bắt cho về doanh trại của quân Nguyên để chúng báo tin. Quân Nguyên quả nhiên phải rút. Vết thương (chiến tranh) lần này không thể thấm như trước. (Trần) Khánh Dư có phần công lao ở trong đó".

Thắng lợi của Trần Khánh Dư ở Vân Đồn còn để lại cho lịch sử chống xâm lăng bài học lớn, đó là bài học về tấn công vào hậu cần của quân xâm lăng. Một khi tiêu diệt được nguồn hậu cần của giặc thì thắng lợi chung cuộc cũng kể như đã mở ra.

Thắng lợi của Trần Khánh Dư ở Vân Đồn to lớn và có ý nghĩa sâu sắc đến mức khiến cho hậu thế quên hết mọi chuyện không hay về ông để nhớ mãi ông - danh tướng của dân tộc.

## 16 - TRẦN QUỐC TOẢN (1267 - 1285)

"Hoài Văn tuổi trẻ, chí cao  
Cờ đề sáu chữ, quyết vào lập công".

*Đại Nam quốc sử diễn ca.*

Các tác giả *Sổ tay nhân vật lịch sử Việt Nam* cho hay, Trần Quốc Toản thuộc dòng dõi nhà vua và sinh vào năm Đinh Mão (1267). Và, lại thêm một lần nữa, chúng tôi chép lại với tất cả sự trân trọng và tin cậy, chú sử cũ không hề cho biết một điều gì cụ thể về năm sinh của vị danh tướng trẻ tuổi này.

Trần Quốc Toản sinh ra và lớn lên trong không khí cả nước ráo nước chuẩn bị chiến đấu chống quân Nguyên sang cướp phá và xâm lược nước ta lần thứ hai (1285).

Năm 1282, triều Trần đã chức một cuộc hội nghị quân sự rất đặc biệt tại bến Bình Than. Sử gọi đó là hội nghị Bình Than. Tham dự hội nghị này là các quý tộc và các vị tướng lĩnh cao cấp nhất của nhà Trần. Bấy giờ, Trần Quốc Toản tuy là quý tộc đã được phong tới tước Hầu - Hoài Văn Hầu - nhưng vì còn ở tuổi vị thành niên nên không được tham dự. Hoài Văn Hầu lấy đó làm điều hổ thẹn. Sử cũ chép chuyện này như sau :

"Khi ấy, Hoài Văn Hầu là Trần Quốc Toản cũng theo xa giá (đến dự hội). Vì còn ở tuổi vị thành niên, Trần Quốc Toản không được vào dự bàn, nên lấy làm xấu hổ và căm tức lắm, tay đang cầm quả cam mà bóp nát lúc nào không hay. Khi về nhà, (Trần Quốc Toản) cùng với một ngàn người là tôi tớ và thân thuộc, sắm sửa binh khí và chiến thuyền, dựng cờ thêu sáu chữ "*Phá cường tặc, báo hoàng ân*" (nghĩa là : phá giặc mạnh, báo đáp ơn vua).

Khi đánh nhau với giặc Nguyên, (Trần) Quốc Toản thường xông ra phía trước, khiến cho giặc hể thấy là phải tránh lui, không ai dám đối địch."

Khi cuộc chiến tranh lần thứ hai nổ ra, Trần Quốc Toản cũng vừa đến tuổi thành niên. Đội quân hơn một ngàn người do Trần Quốc Toản lập ra và trực tiếp chỉ huy đã sát cánh chiến đấu với quân đội chủ lực của triều đình, lập được nhiều chiến công xuất sắc.

Tháng 4 năm 1285, cùng với các vị danh tướng khác như Chiêu Thành Vương (chưa rõ tên), Nguyễn Khoái, Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản được tham gia vào bộ chỉ huy chiến dịch

Tây Kết. Trước khi đánh vào Tây Kết, quân sĩ của các tướng này đã tham gia chiến dịch Hàm Tử, góp phần rất lớn vào thắng lợi của chiến dịch Hàm Tử. Sau thắng lợi của chiến dịch Tây Kết, Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản lại được cùng với Trần Quang Khải và nhiều tướng lĩnh khác như : Trần Thông, Nguyễn Khả Lạp, Nguyễn Truyền... tham gia chiến dịch Thăng Long và Chương Dương. Và, Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản đã anh dũng hi sinh trong chiến dịch này.

Tuy tuổi trời còn rất trẻ, nhưng, Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản thực sự là một vị danh tướng, có nhiều công lao trong sự nghiệp giữ nước.



17 - TRẦN BÌNH TRỌNG (1259 - 1285)

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

"Ta thà làm ma nước Nam chớ không thềm làm vương đất Bắc".

*Lời Trần Bình Trọng*

*(Đại Việt sử kí toàn thư, bản kỉ, quyển 5, tờ 47-a)*

Trần Bình Trọng vốn gốc người họ Lê. Sử cũ cho hay, ông thuộc dòng dõi của Lê Hoàn, vì có ông và cha làm quan dưới thời Trần Thái Tông (1226 - 1258), có công lao nên được ban quốc tính là họ Trần. Hiện vẫn chưa rõ ai là ông và ai là cha của Trần Bình Trọng, tuy nhiên, thời Trần Thái Tông và cả đời Trần Thánh Tông (1258 - 1278), có Lê Tần là danh tướng của triều Trần, được vua Trần Thái Tông yêu quý mà cho đổi gọi là Lê Phụ Trần. Lê Tần cũng là dòng dõi của Lê Hoàn, ắt là Trần Bình Trọng cũng thuộc dòng này chăng ?

Trần Bình Trọng sinh năm Kỉ Mùi (1259) tại xã Bảo Thái, huyện Thanh Liêm (tư liệu này, chúng tôi dẫn lại của các tác giả *Nhân vật lịch sử Việt Nam*).

Ông hi sinh trong cuộc chiến đấu chống quân Mông-Nguyên xâm lược lần thứ hai (1285). Trần Bình Trọng là chồng sau của Công Chúa Thụy Bảo (con gái của vua Trần Thái

Tông). Sinh thời, ông được triều Trần phong là Bảo Nghĩa Vương, vì lẽ đó, sử sách cũng thường gọi ông là Bảo Nghĩa Vương mà không gọi theo họ tên thật.

Bấy giờ, giặc hùng hổ tràn sang nước ta, cả từ Nam lên, cả từ Bắc xuống. Giữa lúc vận nước lâm nguy, tuyệt đại đa số quý tộc họ Trần đều dũng cảm ra trận, chiến đấu một mất một còn với quân thù. Tiếc thay, cũng có một số quý tộc yếu bóng vía, thậm chí là đầu hàng và phản bội. Trong số này, Trần Kiện là kẻ đã gây nên tác hại to lớn nhất. Tướng giặc chỉ huy đạo quân đánh từ phía Nam lên là Toa-đô đã chớp ngay lấy cơ hội, đánh quyết liệt vào lực lượng của ta. Tình thế trở nên cực kỳ khó khăn và phức tạp. Đạo quân từ phía Bắc đánh xuống do chính chủ tướng của chúng là Thoát-hoan chỉ huy hung hăng tổ chức hàng loạt những cuộc hành quân truy đuổi chủ lực của ta. Trong điều kiện như vậy, quân ta chỉ có thể vừa rút lui để bảo toàn lực lượng, vừa tiến hành một vài trận tập kích mà thôi. Tháng 2 năm 1285, Bảo Nghĩa Vương Trần Bình Trọng đã chỉ huy một trận đánh rất táo bạo vào khu vực Đà Mạc (tức Tha Mạc, hay bãi Mạn Trù. Đất này nay thuộc tỉnh Hải Dương và Hưng Yên). Trong trận này, chẳng may ông bị bắt. Sử cũ viết :

"Sau khi bị bắt, Vương không chịu ăn uống gì. Giặc hỏi việc nước, Vương không thềm đáp. Giặc lại hỏi :

- Có muốn làm vương đất Bắc không ?

Wương thét to :

- Ta thà làm ma nước Nam chứ không thềm làm vương đất Bắc !

Thế rồi giặc giết ông."

Đó là một trong những câu nói tiêu biểu nhất của khí phách hiên ngang và ý chí quật cường của cả dân tộc ta. Tên tuổi của Trần Bình Trọng trở nên bất diệt, trước hết và chủ yếu là cũng từ câu nói đầy khẩu khí anh hùng này. Lê Ngô Cát và Phạm Đình Toái viết :

"Trần Bình Trọng là tôi trung,

Thà làm Nam quý, chẳng lòng Bắc vương".

Về sau, con cháu của ông cũng nối được chí lớn của ông. Trong đó, người làm rạng danh hơn cả là danh tướng Trần Khát Chân.

## 18 - PHẠM NGŨ LÃO (1255 - 1320)

"(Phạm) Ngũ Lão xuất thân là lính nhưng khảng khái và có chí lớn, rất chăm đọc sách và thường thích làm thơ. Với việc võ, thoát trông thì ngỡ như ông không để ý gì nhưng chỉ huy quân thì kỉ luật rất chặt chẽ. Ông đãi tướng sĩ như như nhà, đồng cam cộng khổ với sĩ tốt. Quân do Phạm Ngũ Lão quản lĩnh, trên dưới thương yêu nhau như cha con một nhà, bởi thế, đánh đâu là thắng đó. Tất cả chiến lợi phẩm thu được ông đều bỏ vào kho chung của quân, chẳng chút bận tâm với tiền của. Ông quả thật là bậc danh tướng của thời bấy giờ. Khi mất, ông thọ 66 tuổi (tính theo tuổi ta - NKT). Nhà vua. rất lấy làm thương tiếc, nghỉ thiết triều năm ngày. Dân làng ông lập đền thờ ông ngay nơi nền nhà cũ của ông."

*Khâm định Việt sử thông giám cương mục*

(Chính biên. quyển 9. tờ 16 và 17)

Phạm Ngũ Lão chào đời năm Ất Mão (1255) tại xã Phù Ủng, huyện Đường Hào (nay thuộc tỉnh Hải Dương) trong một gia đình nông dân nghèo. Ông lớn lên đúng vào lúc nhân dân cả nước đang bừng bừng khí thế chuẩn bị cho cuộc chiến đấu chống quân Mông-Nguyên xâm lược lần thứ hai. Bấy giờ, trai tráng khắp nơi nô nức nhập ngũ, nhưng, sự kiện ông trở thành người lính cũng có phần khác thường. Trong sách *Tang thương ngẫu lục*, Phạm Đình Hổ và Nguyễn Ấn có đoạn viết về ông như sau :

"Ông mặt mũi khôi ngô, tài kiêm văn võ. Nhà ông ở sát đường cái nên thường ngày ông vẫn ra ngồi xếp bằng ở đó để vót nan, đan lát. Một hôm, ông đang ngồi bên đường như thế thì Hưng Đạo Vương từ Vạn Kiếp về kinh đô đã đi ngang qua. Lính đi trước thấy ông thì quát đuổi, nhưng ông vẫn ngồi im không đứng dậy. Quân lính lấy mũi giáo dí vào đùi, ông vẫn cứ ngồi điềm nhiên. Lúc xe của Hưng Đạo Vương đến, ngài lấy làm lạ, hỏi thì ông thưa rằng :

- Tôi đang mải nghi việc nên không để ý.

Hưng Đạo Vương nghe thế, càng lấy làm lạ hơn, hỏi qua sức học thì thấy ông lầu thông Kinh, Truyện và Binh thư, ứng đáp rất trôi chảy. Ngài sai lấy thuốc xức vào chỗ ông bị đâm, rồi cho lên ngồi ở xe sau và đem về kinh.

Về kinh đô, Hưng Đạo Vương tiến cử ông lên triều đình, xin cho ông cai quản quân Cẩm Vệ. Vệ sĩ thấy thế thì không phục, bèn tâu xin được cùng ông thử sức. Ông bằng lòng, nhưng trước khi vào đấu sức, ông xin về quê ba tháng. Về quê, ngày nào ông cũng ra cái gò lớn ngoài đồng, đứng cách một tầm mà nhảy lên, nhảy mãi cho đến khi cái gò bị sạt mất một nửa. Hết hạn, ông trở về cầm thành, cùng bọn vệ sĩ so tài. Thấy ông tiến thoái như bay, tay dậm chân đá vùn vụt, xem ra sức có thể địch nổi ngàn người, ai cũng phải phục tài".

Trong cuộc chiến tranh chống quân Mông-Nguyên xâm lược lần thứ hai, do lập được nhiều chiến công, Phạm Ngũ Lão được phong làm Hạ Phẩm Phụng Ngự. Cùng với những nhân vật khác như : Trần Thì Kiến, Trương Hán Siêu, Phạm Lãm, Trịnh Dũ, Ngô Sĩ Thường,



Nguyễn Thế Trực... Phạm Ngũ Lão là môn khách thân tín của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn. Ông được Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đặc biệt thương yêu, gả con gái nuôi là Nguyên Công Chúa cho.

Sau cuộc chiến tranh lần thứ ba (1288), đường danh vọng của Phạm Ngũ Lão ngày một rộng mở. Ông liên tục được thăng quan tiến chức.

- Năm Canh Dần (1290) ông được giao chức quản lĩnh quân Thánh Dực của triều đình.

- Năm Giáp Ngọ (1294) nhờ lập công khi đi đánh ở Ai Lao, ông được ban Kim Phù (tức binh phù làm bằng vàng).

- Năm Đinh Dậu (1297) cũng nhờ lập công khi đi đánh trận ở Ai Lao, ông được ban Vân Phù (tức binh phù có khắc chạm hình mây).

- Năm Mậu Tuất (1298), ông được phong làm Kim Ngô Hữu Vệ Đại Tướng Quân.

- Năm Tân Sửu (1301), ông được phong làm Thân Vệ Đại Tướng Quân và được ban Quy Phù (tức binh phù có chạm hình con rùa).

- Năm Mậu Ngọ (1318), ông lại lập công lớn khi đi đánh Chiêm Thành, được thăng làm Quan Nội Hầu và được ban Phi Ngư Phù (tức binh phù có chạm hình con cá chuồn). Cũng năm này, triều đình đã cho con ông làm quan.

Tháng 11 năm Canh Thân (1320), Phạm Ngũ Lão qua đời, hưởng thọ 65 tuổi. Nhà sử học lỗi lạc của nước nhà ở thế kỉ thứ XV là Tiến Sĩ Ngô Sĩ Liên đã đánh giá rất cao về tài năng phi thường của ông :

"Tôi từng thấy các danh tướng nhà Trần như Hưng Đạo Vương thì học vấn tỏ ra ở bài hịch, Phạm Điện Sứ (chỉ phạm Ngũ Lão - NKT) thì học vấn biểu hiện ở câu thơ, nào phải riêng chuyên về nghề võ. Thế mà dùng binh tinh diệu, hễ đánh là thắng, hễ tấn công là chiếm được, người xưa cũng không ai có thể vượt qua nổi các ông"

Bài hịch mà Tiến Sĩ Ngô Sĩ Liên nói đến chính là bài *Hịch tướng sĩ văn* của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, còn lời thơ mà Tiến Sĩ Ngô Sĩ Liên nhắc tới chính là lời thơ trong bài tứ tuyệt của Phạm Ngũ Lão, được hậu thế đặt cho tiêu đề là *Thuật hoài*. Nguyên văn phiên âm Hán Việt của bài tứ tuyệt này như sau :

"Hoành sáo giang san cấp kỉ thu,

Tam quân tì hổ khí thôn ngưu.

Nam nhi vị liễu công danh trái,

Tu thính nhân gian thuyết Vũ Hầu".

Tạm dịch :

Vung gươm sông núi đã bấy lâu,

Ba quân như cọp nuốt trôi trâu.

Công danh trai tráng còn mang nợ,

Những thẹn khi nghe chuyện Vũ Hầu.

Sử cũ hết lời ca ngợi Phạm Ngũ Lão, nhưng hành trạng của Phạm Ngũ Lão trong sử cũ lại không dễ nhận như đối với các vị danh tướng khác. Đó cũng là điều dễ hiểu, bởi vì sử cũ trước hết và chủ yếu vẫn là sử của đế vương, của hoàng tộc. Vả chăng, Phạm Ngũ Lão luôn luôn là tướng dưới trướng của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, hoạt động dưới sự chỉ huy trực tiếp của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, cho nên, hình ảnh của ông chỉ có thể ẩn hiện phía sau hình ảnh của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn mà thôi.



19 - ĐỖ KHẮC CHUNG (? - 1330)

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

"Người này ở vào lúc bị uy hiếp mà lời lẽ ứng đối vẫn tự nhiên; không chịu hạ thấp danh giá của chủ, ấy là Chích; không thêm nịnh ta, ấy là Nghiêu; (ví việc đánh ta thì) nói là chó cắn người lạ, giỏi lắm thay. (Đi sứ mà như thế) thì có thể nói là không làm nhục mệnh vua. Nước họ còn có người tài như vậy thì chưa dễ gì mưu tính được."

*Lời tướng giặc là Ô-mã-nhi*

*(Đại Việt sử kí toàn thư, Bản kỉ, quyển 5, tờ 46 a-b).*

Đỗ Khắc Chung tức Trần Khắc Chung. Do lập được nhiều công lao trong hai cuộc chiến tranh chống quân Mông-Nguyên xâm lược lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1288), cho nên, tháng tư năm 1289, ông được ban quốc tính là họ Trần, từ đó, sử thường chép họ tên ông là Trần Khắc Chung. Trần Khắc Chung người ở Giáp Sơn. Đất quê ông nay thuộc tỉnh Hải Dương. Sử cũ không cho biết ông sinh năm nào, song, căn cứ vào việc ông được bổ làm Chi Hậu Cục Thủ vào năm Canh Thìn (1280), mà chức Chi Hậu Cục Thủ là một trong những chức quan văn vào hàng bậc trung, cho nên, cũng có thể tạm ước đoán rằng, Đỗ Khắc Chung chào đời vào khoảng giữa thế kỉ thứ XIII. Năm 1280, ông ở vào độ tuổi trên dưới ba mươi một chút. Đỗ Khắc Chung chưa bao giờ là tướng trực tiếp cầm quân, nhưng, ông thực sự có

dũng khí của một vị tướng quân, và dũng khí đó đã khiến cho cả những viên tướng giặc khét tiếng như Ô-mã-nhi cũng phải thán phục. Tên tuổi của Đỗ Khắc Chung nổi lên kể từ mùa xuân năm Ất Dậu (1285). Bấy giờ, hai đạo quân Nguyên, một từ Chiêm Thành tiến ra do Toa-đô chỉ huy và một từ đất Trung Quốc tràn xuống do chủ tướng Thoát-hoan trực tiếp cầm đầu cùng nhất loạt đánh phá ta, hồng bớp nát nước Đại Việt. Tướng của nhà Trần chịu trách nhiệm cản bước tiến của Toa-đô là Trần Kiện đã hèn nhất đầu hàng. Tình hình chiến sự diễn trên một cách rất phức tạp và hoàn toàn bất lợi cho ta. Triều Trần muốn nắm được chính xác thực lực của quân Nguyên, nhưng bối rối vì không biết ai có thể thực hiện được nhiệm vụ khó khăn này. Đúng lúc đó, Đỗ Khắc Chung xin tình nguyện đảm nhận. Sử cũ chép sự kiện này như sau :

"Ngày 12 (tháng giêng năm Ất Dậu, 1285), giặc đánh vào Gia Lâm (ngoại thành Hà Nội, giáp với Bắc Ninh ngày nay - NKT), Vũ Ninh (thuộc Bắc Ninh ngày nay - NKT), Đông Ngàn (nay thuộc Bắc Ninh - NKT), bắt được quân ta. Bởi thấy người nào cũng thích vào cánh tay hai chữ *sát Thát* (nghĩa là giết giặc Thát-đát tức giặc Nguyên - NKT) - bằng mực, chúng tức giận nên giết hại rất nhiều. Chúng kéo đến Đông Bộ Đầu (dốc Hàng Than, đầu cầu Long Biên của Hà Nội ngày nay - NKT) và dựng một lá cờ rất lớn. Vua muốn sai người đi dò xét tình hình giặc nhưng chưa tìm được ai. Quan giữ chức Chi Hậu Cục Thủ là Đỗ Khắc Chung bước lên thưa rằng :

- Thần tuy là kẻ hèn mọn bất tài nhưng xin được đi.

Vua mừng vui, nói rằng :

- Ngờ đâu trong đám ngựa kéo xe chở muối (chỉ chung những loài ngựa thường, không thể dùng vào chiến trận được - NKT) lại có ngựa kì, ngựa kí như thế. (Ngựa kì và ngựa kí là từ chỉ chung những loài ngựa quý và ngựa tốt - NKT).

Xong, sai (Đỗ Khắc Chung) đem thư đi, (vờ) xin giặc giảng hòa. Khắc Chung) đến nơi, Ô-mã-nhi hỏi :

- Quốc vương ngươi vô lễ, sai người thích chữ *sát Thát*, khinh nhờn cả thiên binh, lỗi ấy nặng lắm.

(Đỗ) Khắc Chung đáp :

- Chớ nhà nếu có căn người lạ thì lỗi không phải ở chủ của nó. Quân dân (nước tôi) vì lòng trung phần mà tự thích chữ vào cánh tay đó thôi. Quốc Vương (nước tôi) không biết việc đó. Tôi là trung thần, há lại không có hai chữ đó hay sao ?

Nói xong thi đưa cánh tay cho Ô-mã-nhi xem. Ô-mã-nhi liền nói :

- Đại quân của ta từ xa tới, sao nước ngươi không chịu quay giáo đến nhận mệnh mà lại còn chống trả. Lấy càn bộ ngựa ra mà chống xe thì sự thể liệu sẽ ra sao.

(Đỗ) Khắc Chung nói :

- (Ấy là bởi) hiền tướng không noi theo kế sách của Hàn Tín (danh tướng Trung Quốc người đời Hán-NKT) đi đánh dẹp nước Yên (tên một tiểu vương quốc ở Trung Quốc thời cổ đại - NKT) đóng quân ở nơi biên ải, gửi thư báo tin trước. (Bấy giờ), nếu nước tôi không

chịu thông hiếu mới là có lỗi. Nay bút bách lẫn nhau, có khác gì lời cổ nhân nói, rằng thú cùng đường thì sẽ cắn lại, chim cùng lối thì sẽ mổ lại, huống chi là con người ?

Ô-mã-nhi nói :

- Đại quân ta mượn đường để đi đánh Chiêm Thành. Quốc Vương của người nếu đến hội kiến thì cõi bờ đâu bị xâm phạm, dân tình sẽ được yên ổn. Nay nếu cứ cố chấp thì chỉ trong khoảnh khắc, núi non sẽ hóa thành đất bằng, vua tôi các người sẽ hóa thành cỏ nát.

Khi (Đỗ) Khắc Chung về rồi, Ô-mã-nhi nói với các tướng tả hữu rằng :

- Người này ở vào lúc bị uy hiếp mà lời lẽ ứng đối vẫn tự nhiên; không chịu hạ thấp danh giá của chủ, ấy là Chích; không thềm nịnh ta, ấy là Nghiêu; (ví việc đánh ta thì) nói là chó cắn người lạ, giỏi lắm thay. (Đi sứ mà như thế) thì có thể nói là không làm nhục mệnh vua. Nước họ còn có người tài như vậy thì chưa dễ gì mưu tính được.

Nói rồi, sai người đuổi theo (Đỗ) Khắc Chung, nhưng không kịp."

Tháng 4 năm 1289, triều đình định công ban thưởng, Đỗ Khắc Chung được ban quốc tính là họ Trần. Từ đó trở đi, đường danh vọng của ông ngày một rộng mở. Tháng 12 năm 1293, ông được bổ chức An Phủ Sứ ở kinh đô. Tháng 10 năm 1303, ông được thăng chức Nhập Nội Hành Khiển. Chức này ngang với Tế Tướng, và ông là bậc sĩ phu đầu tiên được trao chức ấy.

Tuy nhiên, cũng từ đây, lí lịch cuộc đời của Đỗ Khắc Chung có không ít điều khiến cho người đương thời cũng như hậu thế phải đàm tiếu. Xin được kể ba sự kiện tiêu biểu sau đây :

- Sự kiện thứ nhất là mối quan hệ giữa ông với Công Chúa Huyền Trân. Tháng 6 năm 1306, vua Trần Anh Tông gả Công Chúa Huyền Trân cho vua Chiêm Thành là Chế Mân. Đa số quan lại trong triều điều phản đối, duy chỉ có Đỗ Khắc Chung và Trần Đạo Tái (con của Trần Quang Khải) là ủng hộ. Công Chúa Huyền Trân về đất Chiêm Thành, hương lửa chưa nòng thì tháng 10 năm 1307, Chế Mân qua đời. Theo tục lệ của Chiêm Thành, hễ Hoàng Đế qua đời thì Hoàng Hậu phải lên giàn hỏa thiêu với thi thể của Hoàng Đế. Vua Trần sai Đỗ Khắc Chung vào tìm cách để cứu Công Chúa Huyền Trân. Đỗ Khắc Chung được ủy thác thực hiện nhiệm vụ này. Ông đã thành công, tiếc là khi cùng Công Chúa Huyền Trân trở về Thăng Long, ông đi lòng vòng quá lâu, khiến cho nhiều người rất dị nghị, thậm chí là coi khinh ra mặt.

- Sự kiện thứ hai xảy ra vào tháng 6 năm Ất Mão (1315). Bấy giờ, trờ làm hạn hán, các quan ở Ngự Sử Đài dâng sớ lên Vua, cho rằng trăm sự chẳng qua là do Đỗ Khắc Chung, lúc này đang giữ chức Tế Tướng mà không biết cách điều khiển âm dương, tức là làm quan mà chẳng nên công trạng gì. Đỗ Khắc Chung cãi, nói rằng : "Tôi lạm giữ chức Tế Tướng, chỉ biết cố sức làm tất cả những gì phận sự buộc phải làm, còn như hạn hán thì phải hỏi ở Long Vương, (Đỗ) Khắc Chung này đâu phải là Long Vương mà bắt tội được". Sau, lại có lũ lụt, vua Trần thân đi đắp đê, các quan can ngăn, cho đó là việc nhỏ nhặt, nhưng Đỗ Khắc Chung lại cho là việc lớn, làm việc lớn ấy cũng chính là tu thân sửa đức. Lời ấy khiến cho các quan càng ghét ông hơn.

- Sự kiện thứ ba xảy ra vào tháng 3 năm Mậu Thìn (1328). Bấy giờ, Đỗ Khắc Chung đã được phong tới hàm Thiếu Bảo, được giao trách nhiệm xét xử vụ trọng án. Bị cáo của vụ án này lại chính là Trần Quốc Chấn (con của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, thân sinh của Hoàng Hậu vua Trần Minh Tông). Đây là một vụ vụ oan, nhưng Đỗ Khắc Chung xét án không kĩ, khiến Trần Quốc Chấn bị chết oan. Việc này khiến ông bị nhiều người cho là kém cỏi.

Ngoài ba sự kiện nói trên, Đỗ Khắc Chung cũng còn nhiều lần bị khiển trách. Tính ông ưa vui đùa, và cả khi vui đùa như vậy, ông cũng bị coi là khiếm nhã, dẫu sự thực không đến nỗi ấy.

Ông qua đời năm Canh Ngọ (1330), hưởng thọ khoảng chừng ngoài bảy mươi hoặc xấp xỉ tám mươi tuổi. Như trên đã nói, ông thuộc hàng quan văn, nhưng, cái bất diệt mà ông để lại cho đời lại chính là dũng khí trước kẻ thù hung bạo. Ông xứng đáng được xếp vào hàng các bậc danh tướng của nước nhà.



Thời Trần, có hai nhân vật cùng họ cùng tên là Nguyễn Khoái và cùng được sử cũ trân trọng ghi tên. Một người là danh tướng, một người là danh thần. Tuy cùng âm là *Khoái*, nhưng mặt chữ Hán của hai tên gọi này lại hoàn toàn khác nhau. Chữ *Khoái* là tên của danh tướng vốn tên một loài cỏ (cỏ này có thể lấy sợi để dệt). Chữ *Khoái* là tên của danh thần (người sinh sau danh tướng Nguyễn Khoái chừng nửa thế kỉ) có nghĩa là vui vẻ, sắc sảo, mau chóng... Trang viết nhỏ này chỉ nói về danh tướng Nguyễn Khoái mà thôi.

Nguyễn Khoái sinh và mất năm nào, quê quán ở đâu, hiện tại vẫn chưa ai rõ. Sử cũ chỉ cho biết rằng, Nguyễn Khoái là tướng chỉ huy quân Thánh Dực dưới thời vua Trần Nhân Tông (1278-1293) và từng dũng cảm lập công lớn trong hai cuộc chiến tranh vệ quốc chống quân Nguyên xâm lược lần thứ hai (1285) và lần thứ ba (1288).

Thời Trần, quân Thánh Dực là một trong những đơn vị quân chủ lực của triều đình. Tướng chỉ huy đội quân đó, ngoài tài năng và uy tín còn phải có một quá trình thử thách khá lâu dài. Từ thực tế này, chúng ta có thể ước đoán rằng, Nguyễn Khoái đã trở thành võ quan của triều Trần khoảng cuối đời vua Trần Thánh Tông (1258-1278) hoặc đầu đời vua Trần Nhân Tông.



Trong cuộc chiến tranh lần thứ hai (1285), hoạt động chủ yếu của Nguyễn Khoái là đem đội quân Thánh Dực theo hầu cận để bảo vệ Thượng Hoàng Trần Thánh Tông và vua Trần Nhân Tông, đồng thời, sẵn sàng thực hiện mọi mệnh lệnh chiến đấu do Thượng Hoàng và Nhà vua ban ra. Cả hai nhiệm vụ này, Nguyễn Khoái đã hoàn thành một cách xuất sắc. Ông đã lập công lớn trong việc tấn công vào đội quân của tướng giặc là Toa-đô. Bấy giờ quân của Toa-đô từ đất Chiêm Thành tiến ra, hùng kết hợp với quân chủ lực của Thoát-hoan, tạo thành hai gọng kìm nguy hiểm, từ Nam lên và từ Bắc xuống, để bóp nát chủ lực của ta. Trải ba năm chinh chiến (1282-1285), đạo quân của Toa-đô tuy đã bị thiệt hại nhiều, nhưng vẫn thực sự là một đạo quân mạnh. Từ khi tướng chỉ huy quân đội nhà Trần ở phía Nam là Trần Kiện đầu hàng, tinh thần của đạo quân Toa-đô có phần phấn chấn hơn. Cuối mùa xuân năm Ất Dậu (1285). Toa-đô hùng hổ tiến ra vùng châu thổ sông Hồng. Sử cũ chép :

“Toa-đô từ Chiêm Thành kéo ra đánh phá và cướp bóc suốt dọc đường đi. Chúng trèo đèo vượt sông, từ châu Ô, châu Lý, châu Hoan và châu Ái, tiến ra Tây Kết. Nhà vua bàn với quần thần rằng :

- Giặc đi xa muôn dặm để mưu cướp nước người ta (đây chỉ nước Chiêm Thành - NKT), do không chiếm được nên mới bỏ đi. Nay nhằm lúc chúng đang mỏi mệt mà đem quân ta đã được nghỉ ngơi dưỡng sức để ra đối địch, đánh ngay trận phủ đầu thì ắt chúng sẽ mất hết nhuệ khí và sẽ bị phá tan.

Bàn xong đầu đuôi rồi, Nhà vua liền hạ lệnh cho Chiêu Văn Vương Trần Nhật Duật và Chiêu Thành Vương (chưa rõ tên), cùng với Hoài Văn Hầu Trần Quốc Toản và tướng quân Nguyễn Khoái đem quân tinh nhuệ đi đón đánh. Khi quân ta tiến đến Hàm Tử, hai bên đánh nhau rất quyết liệt.”

Như vậy là, trước khi trở thành một trong những tướng chỉ huy chiến dịch Tây Kết, Nguyễn Khoái đã tham gia vào chiến dịch Hàm Tử. Thắng lợi của chiến dịch Hàm Tử có ảnh hưởng to lớn và mạnh mẽ đến thắng lợi của chiến dịch Tây Kết, và ngược lại, thắng lợi của chiến dịch Tây Kết vừa có tác dụng củng cố thắng lợi của chiến dịch Hàm Tử, vừa có ý nghĩa mở đường cho thắng lợi của một loạt chiến dịch sau đó, đẩy quân Nguyên vào thế khủng hoảng nghiêm trọng để rồi cuối cùng là bị thất bại hoàn toàn.

Trong cuộc chiến tranh chống quân Mông-Nguyên xâm lược lần thứ ba (1288), tướng Nguyễn Khoái lại tiếp tục lập được chiến công vẻ vang, góp phần to lớn vào thắng lợi chung của cả dân tộc. Bấy giờ, Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn quyết đánh trận quyết chiến chiến lược với quân Mông-Nguyên ở Bạch Đằng. Đây là trận thủy chiến có quy mô lớn, được tổ chức theo kế hoạch kết hợp chặt chẽ giữa mai phục với bao vây. Đội quân Thánh Dực do Nguyễn Khoái chỉ huy có nhiệm vụ dùng mãnh tấn công, chia cắt đội hình giặc khi chúng đang lúng túng vì đã lọt vào ổ mai phục của ta. Và Nguyễn Khoái đã hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ này. Chiến thuyền của đạo quân Thánh Dực đã khiến cho giặc hết hoảng, vừa cố sức chống đỡ, vừa tìm đường tháo chạy. Nhưng, chúng đã không thể nào thoát được bởi bãi cọc gỗ cực kỳ lợi hại mà Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã chuẩn bị công phu từ trước :

"Bấy giờ, thủy triều rút xuống rất nhanh, tướng Nguyễn Khoái thống lĩnh quân Thánh Dực xông ra, đánh mạnh vào đội hình giặc, phá tan được quân Nguyên. Ngay lúc ấy, đại binh Nhà vua cũng vừa tiến tới. Ô-mã-nhi phải thu thập chiến thuyền còn lại để tháo chạy, chẳng

ngờ, thuyền vương cọc gỗ, bị lật nhào xuống nước. Quân Nguyên chết không biết là bao nhiêu mà kể. Ta bắt được của chúng hơn bốn trăm chiếc".

Triều Trần đánh giá rất cao công lao của Nguyễn Khoái. Tháng 4 năm 1289, vua Trần định công ban thưởng cho tất cả các tướng có công đánh giặc. Nguyễn Khoái được phong tước Hầu và được cấp hãn cả một Hương, đó là Hương Khoái Lộ. Hương này, nay thuộc tỉnh Hưng Yên. Có thể coi đó như một ngoại lệ hiếm hoi, bởi lúc bấy giờ, Nguyễn Khoái là một trong số rất ít người không thuộc hàng quý tộc được hưởng đặc ân này.

## 21 - TRẦN KHÁT CHÂN (1370 - 1399)



[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Trần Khát Chân là người thuộc dòng dõi của Trần Bình Trọng, quê ở Hà Lãng, huyện Vĩnh Ninh. Đất quê ông nay thuộc tỉnh Thanh Hóa. Ông sinh năm Canh Tuất (1370) (tu liệu này là của các tác giả *Sổ tay nhân vật lịch sử Việt Nam*). Nếu các tác giả *Sổ tay nhân vật lịch sử Việt Nam* đúng thì năm 1389, tức là năm ông mới 19 tuổi, đã được triều đình phong làm tướng cầm đầu đội quân Long Tiệp và được Nhà vua đích thân trao phó trọng trách, làm Tổng chỉ huy quân đội nhà Trần đi đánh quân Chiêm Thành đang tràn ra cướp phá nước ta.

Thời Trần Khát Chân là thời suy vi của triều Trần. Những cuộc chiến tranh triền miên và khốc liệt đối với các lân bang, đặc biệt là đối với Chiêm Thành, đã làm cho tiềm lực quốc gia ngày một kiệt quệ. Các vua cuối đời Trần phần lớn là bất tài và bị quyền thần lấn át, thậm chí là bị bức tử. (Vua bị chết trận : Trần Duệ Tông (1372-1377) ; Vua bị bức tử : Trần Phế Đế (1377-1388) và Trần Thuận Tông (1388-1398). Vua bị cướp ngôi : Trần Thiếu Đế (1398 - 1400). Quyền thần khét tiếng nhất : Hồ Quý Ly. Chính Hồ Quý Ly đã cướp ngôi của nhà Trần vào năm 1400.)

Bấy giờ, Chiêm Thành đang lúc hưng thịnh. Vua Chiêm Thành là Chế Bồng Nga nhiều phen đem quân ra cướp phá nước ta, có lúc, chúng đã thiêu trụi cả kinh thành Thăng Long, buộc vua tôi nhà Trần phải bỏ chạy tán loạn. Nhà Trần đã sai hầu hết các tướng, dốc hết lực lượng ra để chống trả, nhưng không sao đánh bại được quân Chiêm Thành. Bấy giờ, hễ tướng nào bị sai ra trận cũng kể như hết hi vọng sống sót trở về. Tình thế rất thê thảm.

Năm Kỷ Tị (1389), quân Chiêm do đích thân Chế Bồng Nga cầm đầu lại tiến ra. Thượng Hoàng nhà Trần là Trần Nghệ Tông sai Trần Khát Chân cầm quân đi đánh trả. Sử cũ chép :

“Tháng 11 (năm Kỷ Tị, 1389 - NKT), Thượng Hoàng sai Trần Khát Chân chỉ huy quân Long Tiệp đi đánh giặc. (Trần) Khát Chân vâng mệnh, kháng khái nhỏ nước mắt, lạy tạ rồi ra đi. Thượng Hoàng cũng khóc, lau nước mắt tiễn đưa. Quân ta xuất phát từ sông Lô (tức sông Hồng - NKT), mới đến Hoàng Giang đã gặp giặc. (Trần) Khát Chân quan sát, thấy (địa hình) nơi đó khó lòng tổ chức đánh trả, bèn lui về giữ sông Hải Triều (tức sông Luộc - NKT). Em trai của Linh Đức (tức Trần Phế Đế : 1377-1388) là (Trần) Nguyên Diệu muốn báo thù cho Linh Đức (vì Linh Đức bị Hồ Quý Ly xúi giục Thượng Hoàng Trần Nghệ Tông bức tử - NKT), liền đem quân đi đầu hàng giặc”.

"Bấy giờ, (Chế) Bồng Nga cùng với (Trần) Nguyên Diệu dẫn hơn một trăm chiến thuyền đến dò xét cách bài binh bố trận của quân ta. Chiến thuyền giặc chưa kịp ổn định hàng ngũ, thì có tên bề tôi nhỏ của (Chế) Bồng Nga là Ba Lậu Kê, vì bị (Chế) Bồng Nga trách phạt; sợ bị giết, đã chạy sang trại quân của ta, chỉ vào chiếc chiến thuyền sơn màu xanh, nói rằng đó là thuyền của vua nước hắc. (Trần) Khát Chân liền hạ lệnh cho quân sĩ, nhất tề nhắm đạn. Thuyền của (Chế) Bồng Nga bị lúng ván và (Chế) Bồng Nga trúng đạn mà chết. Người trong thuyền hắc kêu khóc âm ỉ cả lên. (Trần) Nguyên Diệu vội cắt lấy đầu của (Chế) Bồng Nga chạy về với quan quân (để mong được tha tội - NKT), nhưng, tướng giữ chức Đại Đội Phó Thượng Đô ở quân Long Tiệp là Phạm Nhữ Lặc và viên Đầu Ngũ là Dương Ngang liền giết luôn cả (Trần) Nguyên Diệu, chiếm lấy đầu của (Chế) Bồng Nga. Quân giặc liền tan vỡ.

(Trần) Khát Chân liền sai viên Giám Quân là Lê Khắc Khiêm, bỏ đầu giặc vào hòm, chạy thuyền gấp về hành tại (của Thượng Hoàng) ở Bình Than để báo tin thắng trận. Bấy giờ, đồng hồ đã điểm canh ba (tức vào khoảng từ 23 giờ khuya đến 01 giờ sáng - NKT), Thượng Hoàng đang ngủ say, giật mình tỉnh giấc, cứ ngỡ là quân giặc đã đánh vào đến tận ngự doanh (chỉ nơi ở của Thượng Hoàng hoặc là vua ở ngoài kinh đô - NKT). Đến khi nghe tin thắng trận, lại lấy được cả đầu của (Chế) Bồng Nga, thì rất là vui mừng. (Thượng Hoàng) liền cho gọi các quan đến để xem cho kĩ. Các quan mặc triều phục, đến và hô "vạn tuế !". Thượng hoàng nói :

- Ta với (Chế) Bồng Nga cầm cự nhau đã lâu nhưng mà nay mới thấy mặt nhau. Việc này nào có khác gì chuyện Hán Cao Tổ thấy đầu Hạng Võ. Thiên hạ yên rồi.”

Chiến thắng của Khát Chân đã khiến cho quân Chiêm Thành phải ngưng các cuộc tấn công vào Đại Việt, nhưng, thiên hạ chưa phải là đã được yên như lời của Thượng Hoàng Trần Nghệ Tông. Sau khi lập được công lớn này, Trần Khát Chân được phong làm Long Tiệp Phụng Thần Nội Vệ Thượng Tướng Quân, tước Vũ Tiết Quan Nội Hầu. Rất tiếc là ông đủ tài năng và dũng khí để giết Chế Bồng Nga, nhưng lại không sao có thể bảo toàn được tấm thân trước những biến cố phức tạp của triều Trần diễn ra sau đó chẳng bao lâu. Bấy giờ, Hồ Quý Ly ngày một chuyên quyền, mưu cướp ngôi của họ Trần đã thể hiện ngày một rõ. Trần Khát Chân cùng một loạt tướng lĩnh và quan lại lập mưu để giết Hồ Quý Ly khi Hồ Quý Ly vào dự hội thề tại Đốn Sơn (Thanh Hóa). Nhưng vì chính sự chần chừ của Trần Khát Chân mà Hồ Quý Ly biết được mưu kế của bá quan văn võ. Và, Hồ Quý Ly đã không ngần ngại chủ động ra tay. Trần Khát Chân cùng với 370 người bị Hồ Quý Ly giết hại. Sự kiện này xảy ra vào năm Kỷ Mão (1399). Như trên đã nói, nếu các tác giả *Sổ tay nhân vật lịch sử Việt Nam* đã xác định đúng năm sinh của Trần Khát Chân, thì khi mất, ông mới 29 tuổi.

## 22 - NHỮNG TẤM GƯƠNG TIẾT THÁO TIÊU BIỂU DƯỚI THỜI TRẦN

Trong ba cuộc chiến tranh quốc vĩ đại diễn ra vào thời Trần, sử sách đã trân trọng ghi chép tên tuổi lừng lẫy của nhiều vị danh tướng. Nhưng, cũng trong ba cuộc chiến tranh vệ quốc vĩ đại này, bên cạnh các vị danh tướng và gắn bó chặt chẽ với các vị danh tướng, còn có hàng loạt những tấm gương anh hùng tiết tháo. Họ chưa bao giờ là tướng, nhưng chính họ cũng lập được không ít kì công, làm rạng rỡ truyền thống ngoan cường và bất khuất của cả dân tộc. Tên tuổi của họ sống mãi trong kỉ ức bất diệt của nhân dân. Dưới đây là một số tấm gương tiết tháo tiêu biểu nhất

### 1 - YẾT KIÊU VÀ DÃ TƯỢNG

Nguyên nghĩa, *Yết Kiêu* là chó ngấn mõm, *Dã Tượng* là voi rừng. Nhưng, đây lại là hai người. Cả hai đều là gia nô và với thân phận đó, việc họ phải mang những cái tên như đã kể trên cũng là điều dễ hiểu. Khi vận nước lâm nguy, từ dưới đáy của xã hội, họ đã hiên ngang ra trận với dũng khí bừng bừng. Sách *Đại Việt sử kí toàn thư* (Bản kỉ, quyển 5, tờ 45-a) đã viết về Yết Kiêu và Dã Tượng như sau :

"Hưng Đạo Vương (Trần Quốc Tuấn) có người gia nô là Yết Kiêu và Dã Tượng, từng được đối đãi rất hậu. Khi quân Nguyên tới, Yết Kiêu giữ thuyền ở Bãi Tân (tên một địa điểm ở sông Lục Nam - NKT), còn Dã Tượng thì đi theo hầu (Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn). Đến lúc quan quân thua trận, thủy quân tan cả, (Hưng Đạo) Vương (Trần Quốc Tuấn) định theo đường núi để rút lui, Dã Tượng liền nói :

- Yết Kiêu mà chưa thấy Đại Vương thì nhất định không chịu dời thuyền.

(Hưng Đạo) Vương (Trần Quốc Tuấn) liền trở lại bãi Tân thì chỉ thấy còn mỗi mình Yết Kiêu cầm thuyền chờ ở đó. (Hưng Đạo) Vương (Trần Quốc Tuấn) vui mừng mà nói rằng:

- Ôi ! Chim Hồng, chim Hộc sở dĩ có thể bay cao, bay xa là nhờ ở sáu trụ xương cánh. Nếu như không có sáu trụ xương cánh ấy thì chim Hồng, chim Hộc cũng chỉ như chim thường thôi.

Nói xong, bèn hạ lệnh cho chèo thuyền đi, kị binh giặc đuổi theo mà không kịp".

Yết Kiêu và Dã Tượng đã nêu một tấm gương sáng ngời về lòng trung thành đối với chủ, về dũng khí của người lính và về ý thức kỉ luật chiến đấu rất cao. Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn đã đánh giá rất đúng về vai trò của họ. Những danh tướng như Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn sở dĩ có thể ví được với chim Hồng, chim Hộc, bởi vì chính những người như Yết Kiêu, như Dã Tượng, thực sự là chỗ dựa tin cậy, là "sáu trụ xương cánh" của chim Hồng, chim Hộc đó thôi !

## 2 - NGUYỄN ĐỊA LÔ

Tuy cũng đều là gia nô của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn, nhưng khác với Yết Kiêu và Dã Tượng, Nguyễn Địa Lô có tên họ đầy đủ hơn. Năm 1285, khi đạo quân của Toa-đô vừa từ Chiêm Thành tiến ra đến Nghệ An, tướng chỉ huy quân đội của nhà Trần ở đây là Trần Kiện đã hèn nhát bỏ đi đầu hàng. Sự kiện này đã gây cho cuộc kháng chiến lúc bấy giờ những tổn thất rất lớn.

Toa-đô lập tức sai người dẫn Trần Kiện về Yên Kinh (Trung Quốc). Nhưng, khi bọn Trần Kiện vừa đến biên giới phía Bắc, các đội dân binh ở đây, dưới sự chỉ huy của một số thủ lĩnh kiệt xuất như Nguyễn Thế Lộc, Nguyễn Linh, đã đón đánh cho tơi bời. Gia nô của Hưng Đạo Vương Trần Quốc Tuấn là Nguyễn Địa Lô cũng có mặt trong cuộc tập kích này. Và, chính Nguyễn Địa Lô đã bắn chết Trần Kiện.

## 3 - HÀ BỔNG, HÀ ĐẶC VÀ HÀ CHƯƠNG

Hà Bổng, Hà Đặc và Hà Chương đều là thủ lĩnh của các đội dân binh ở vùng Việt Bắc ngày nay. Hà Bổng nguyên là chủ trại Quy Hóa (mạn phía Bắc của Phú Thọ ngày nay). Năm 1258, U-ri-ang-kha-đai đem quân sang cướp nước ta. Giặc bị ta đánh cho tơi bời ở Đông Bộ Đầu (đốc Hàng Than, đầu cầu Long Biên, Hà Nội ngày nay) nên đã tháo chạy tán loạn. Khi chúng chạy qua vùng Quy Hóa, lập tức bị Hà Bổng đem đội dân binh của mình ra đánh quyết liệt. Giặc đã hết hoảng lại càng thêm hết hoảng, chúng chạy thực mạng, không dám cướp lương ăn, vì thế, bị nhân dân đương thời mỉa mai gọi là "giặc Phật". Sau chiến thắng, Hà Bổng được phong tới tước Hầu.

Hà Đặc và Hà Chương là hai anh em. Năm 1285, khi quân Nguyên thua trận phải tháo chạy, hai ông đã đem đội dân binh của mình ở huyện Phù Ninh ra đánh quyết liệt. Hà Đặc chẳng may bị trúng tên mà mất, em ông là Hà Chương không chút nản chí, vẫn tiếp tục chỉ huy dân binh đánh giặc đến cùng. Ông bị giặc bắt, nhưng nhân lúc giặc canh gác sơ hở, ông đã trốn thoát được, đã thế, còn lấy được không ít quân trang của chúng. Ông dùng quân trang đó cho quân sĩ của mình, khiến giặc bị bất ngờ nên đã bị đánh rất đau.

## 4 - CÔNG CHÚA AN TƯ

Công chúa An Tư là con út của Trần Thái Tông, em út của Trần Thánh Tông và là cô ruột của Trần Nhân Tông. Năm 1285, quân Nguyên tràn sang xâm lược nước ta lần thứ hai, vận nước bị đe dọa một cách nghiêm trọng. Giặc có quân số áp đảo, lại đã tạo được thế tấn công



từ hai phía Nam và Bắc, nên rất hung hăng. Khi Trần Kiện bỏ đi đầu hàng, tình hình càng trở nên căng thẳng hơn nữa. Bấy giờ, vua Trần Nhân Tông và Thượng Hoàng Trần Thánh Tông đã có hai quyết định rất đặc biệt. Một là cử sứ giả đến doanh trại của Ô-mã-nhi để dò xét thực lực cụ thể của giặc, và hai là tìm cách hạn chế bớt sự hung hăng của chủ tướng giặc là Thoát-hoan. Việc đi dò xét thực lực cụ thể của Ô-mã-nhi được trao phó cho Đỗ Khắc Chung, còn việc tìm cách hạn chế bớt sự hung hăng của chủ tướng giặc là Thoát-hoan thì được trao phó cho Công Chúa An Tư.

Tháng 2 năm 1285, Công Chúa An Tư được vua Trần sai người mang đến cho Thoát-hoan. Công Chúa An Tư ra đi với nhiệm vụ kết hợp giữa do thám tình hình với việc làm sao cho Thoát-hoan say đắm, để rồi sao lãng bớt việc đánh phá ta. Sử cũ chép rằng:

“Sai người đem Công Chúa An Tư (em gái út của Thánh Tông) đến cho Thoát-hoan là muốn làm thư giãn nạn nước vậy.”

Thoát-hoan là một tên cáo già, không dễ gì có thể làm cho hắn mê muội được, nhưng việc Công Chúa An Tư dám vì nước mà ra đi, quả là đáng cho đời đời trân trọng. Trong chiến tranh, có những người đánh giặc bằng đại dũng, có những người đánh giặc bằng đại trí, có những người đánh giặc bằng đại nghĩa, nhưng cũng có những người đánh giặc bằng tấm thân ngàn vàng của mình. Công Chúa An Tư quả là đã đánh giặc bằng tấm thân ngàn vàng của chính mình vậy.

Sau, tung tích của Công chúa An Tư không rõ ra sao.

[downloadsachmienphi.com](https://downloadsachmienphi.com)

Download Sách Hay | Đọc Sách Online

**HẾT TẬP 1**